

	PHỤ LỤC 04: CÁC TIÊU CHUẨN HOẠT ĐỘNG MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI VÀ KHUYẾN NGHỊ CỦA IFC	Mã hiệu: PL04. QĐI-RR.ES.N/A/01 Ngày hiệu lực: 22/03/2024 Lần ban hành: 01
---	---	--

I. CÁC TRƯỜNG HỢP TIỀM ẨN RỦI RO MTXH THEO KHUYẾN NGHỊ CỦA IFC

1. Hoạt động của Doanh nghiệp có tiềm năng gây ảnh hưởng đến cộng đồng xung quanh (*Nếu có sử dụng hóa chất nguy hiểm dẫn đến có thể gây tràn đổ hoặc phát tán các hóa chất bay hơi, gây nổ hoặc bắt cháy; xây dựng đập; thuê lực lượng bảo vệ; lây lan dịch bệnh; sử dụng số lượng lớn lao động không phải người địa phương*).
2. Hoạt động của Doanh nghiệp có tiềm ẩn nguy cơ dẫn đến chấn thương, tai nạn nghiêm trọng hoặc thiệt mạng cho người lao động (*Các mối nguy này bao gồm làm việc trên cao, sử dụng hóa chất độc hại, mối nguy điện giật, mang hoặc vác nặng, vận hành máy móc, thao tác trong không gian hạn chế/kín, lái xe/xe tải ...*).
3. Doanh nghiệp có kế hoạch/ dự định hoặc đã tiến hành sa thải/ cắt giảm nhân sự tập thể¹ trong vòng 3 năm gần đây.
4. Hoạt động của Doanh nghiệp có sử dụng nguyên liệu hoặc mua bán các nguồn tài nguyên thiên nhiên sống. Bao gồm nguồn Tài nguyên thiên nhiên sống từ rừng tự nhiên và rừng trồng, nông nghiệp, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản hay ngư nghiệp (*Doanh nghiệp mua bán các hàng hóa này sử dụng cho hoạt động kinh doanh chính, thì các chuỗi cung ứng của Doanh nghiệp có gây ra tác động đến hệ sinh thái*).
5. Doanh nghiệp đã thực hiện thu hồi đất trong 05 năm gần đây hoặc đang có kế hoạch thu hồi đất trong tương lai gần cho dự án hoặc các hoạt động phát triển của Doanh nghiệp.
6. Hoạt động của Doanh nghiệp có ảnh hưởng đến Hệ sinh thái địa phương do thay đổi lượng và chất lượng nước, chất lượng không khí và các dịch vụ sinh thái khác, hoặc sử dụng các sinh vật biến đổi gen (*Khi Doanh nghiệp thực hiện giải phóng mặt bằng để xây dựng hoặc cơ sở được đặt gần khu vực Vườn Quốc Gia hoặc Vườn sinh thái cấp tỉnh trở lên, Khu vực được bảo vệ hoặc các khu vực hệ sinh thái nhạy cảm như đầm lầy, rừng ngập mặn, rừng san hô, rừng, v.v.*).
7. Hoạt động của Doanh nghiệp có ảnh hưởng trực tiếp/gián tiếp đến Người dân bản địa vì tái định cư/sử dụng đất/sử dụng lao động.
8. Hoạt động của Doanh nghiệp nằm trong hoặc nằm gần khu vực có di sản văn hóa² hoặc Doanh nghiệp có sử dụng các di sản văn hóa theo một cách thương mại hóa.

¹ Là trường hợp người sử dụng lao động thực hiện việc đơn phương chấm dứt hợp đồng với người lao động vì một hoặc nhiều lý do không liên quan đến cá nhân người lao động và số lượng lao động bị cắt giảm tính trong một cơ sở duy nhất trong thời gian 30 ngày là (theo ERDB Retrenchment Guidance, 2010):

Quy mô doanh nghiệp	Quy định số lượng lao động bị cắt giảm
Dưới 20 lao động	Không quy định
21-99 lao động	10 lao động
100-299 lao động	10% tổng số lao động
300 lao động trở lên	30 lao động

² Bao gồm di sản văn hoá phi vật thể và di sản văn hoá vật thể, là sản phẩm tinh thần, vật chất có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học, được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác ở nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (theo Điều 1 – Luật Di sản văn hóa, 2001)

II. TIÊU CHUẨN HOẠT ĐỘNG MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI CỦA IFC

TIÊU CHUẨN HOẠT ĐỘNG 1

Đánh giá và quản lý các rủi ro và tác động đến môi trường và xã hội

GIỚI THIỆU

1. Tiêu chuẩn Hoạt động 1 nhấn mạnh tầm quan trọng của quản lý hoạt động môi trường và xã hội xuyên suốt thời gian của một dự án. Một hệ thống quản lý môi trường và xã hội hiệu quả là một quá trình liên tục, năng động, khởi đầu và hỗ trợ thực hiện từ lãnh đạo cấp cao và có sự tham gia của khách hàng, người lao động của họ, và các cộng đồng địa phương trực tiếp bị ảnh hưởng bởi dự án (các cộng đồng bị ảnh hưởng), và trong một số trường hợp thích hợp, là một số đối tượng khác có liên quan³. Dựa trên các yếu tố của quá trình quản lý doanh nghiệp sẵn có đối với “kế hoạch, thực hiện, kiểm tra, và hành động”, hệ thống đòi hỏi phải đánh giá có phương pháp và có hệ thống các rủi ro⁴ và tác động⁵ môi trường và xã hội thường xuyên. Một hệ thống quản lý tốt phù hợp với quy mô và tính chất của một dự án sẽ thúc đẩy hoạt động bền vững về môi trường và xã hội, và có thể góp phần nâng cao hiệu quả dự án về mặt tài chính, môi trường và xã hội.
2. Trong nhiều trường hợp, việc đánh giá và quản lý các rủi ro và tác động đến môi trường và xã hội là trách nhiệm của nhà nước hoặc của bên thứ ba - mà khách hàng không thể kiểm soát hoặc có ảnh hưởng⁶. Tình huống này thường xảy ra ở một số trường hợp như: (i) khi cơ quan nhà nước hoặc bên thứ ba tham gia quyết định trong giai đoạn lập kế hoạch có ảnh hưởng đến vị trí và thiết kế của dự án; và/hoặc (ii) cơ quan nhà nước hoặc bên thứ ba tham gia trực tiếp thực hiện một số hoạt động cụ thể liên quan đến dự án như cấp đất cho dự án - có thể phải thực hiện tái định cư cho cộng đồng dân cư hoặc một số cá nhân và/hoặc có thể dẫn đến tổn thất về đa dạng sinh học. Trong trường hợp khách hàng không thể kiểm soát được các hành động này của cơ quan nhà nước hay bên thứ ba, một hệ thống quản lý môi trường và xã hội cần xác định các bên tham gia và vai trò của họ, các rủi ro họ có thể mang đến cho khách hàng, cơ hội hợp tác với các bên thứ ba để cùng đạt được những kết quả về môi trường và xã hội phù hợp với Tiêu chuẩn hoạt động này. Thêm vào đó, Tiêu chuẩn hoạt động này hỗ trợ việc sử dụng cơ chế khiếu nại hiệu quả để nhận biết và có biện pháp khắc phục kịp thời đối với những đối tượng được cho là bị tổn hại bởi những hoạt động của khách hàng.
3. Doanh nghiệp cần tôn trọng quyền con người, tức là tránh mọi hành động xâm phạm đến quyền con người của người khác và hành động để ngăn chặn những tác động tiêu cực đến quyền con người do các hoạt động của doanh nghiệp góp phần hay trực tiếp gây ra. Mỗi Tiêu chuẩn hoạt động sẽ trình bày những khía cạnh liên quan về quyền con người mà dự án trong suốt quá trình hoạt động có thể phải đối mặt tới. Thực hiện due diligence (điều tra chi tiết) theo các Tiêu chuẩn hoạt động sẽ giúp khách hàng nắm bắt và có phương án hành động đối với các vấn đề nhân quyền liên quan đến dự án.

MỤC TIÊU

- Để xác định và đánh giá rủi ro và tác động môi trường và xã hội của dự án.

³ Các đối tượng liên quan khác thường là những đối tượng không chịu ảnh hưởng trực tiếp của dự án, nhưng có lợi ích đối với dự án. Đối tượng này có thể là cơ quan nhà nước trung ương và địa phương, các dự án lân cận và/hoặc các tổ chức phi chính phủ.

⁴ Rủi ro môi trường và xã hội là sự kết hợp của xác suất xảy ra sự cố nào đó và mức độ thiệt hại nếu sự cố đó xảy ra.

⁵ Tác động môi trường và xã hội là đề chỉ bất kỳ sự thay đổi, tiềm năng hay thực sự, đến: (i) môi trường cơ học, tự nhiên và văn hóa và (ii) tác động đến cộng đồng dân cư xung quanh, đến người lao động do những hoạt động của dự án tạo nên.

⁶ Trong tiêu chuẩn hoạt động này, các nhà thầu được khách hàng thuê hoặc làm đại diện cho khách hàng đều được coi là chịu sự kiểm soát trực tiếp của khách hàng, chứ không phải bên thứ ba độc lập.

- Để thực hiện hệ thống phân cấp nhằm lường trước và tránh, hoặc trong trường hợp không thể tránh thì giảm thiểu⁷ và trong trường hợp vẫn có hậu quả để lại thì thực hiện bồi thường cho những rủi ro và tác động đến người lao động, các cộng đồng bị ảnh hưởng và môi trường.
- Để thúc đẩy cải thiện hiệu suất hoạt động môi trường và xã hội của khách hàng thông qua việc sử dụng hiệu quả hệ thống quản lý.
- Để đảm bảo các khiếu nại của các cộng đồng bị ảnh hưởng và thông tin từ các đối tượng liên quan khác được trả lời và giải quyết hợp lý.
- Để xúc tiến và cung cấp cơ hội để các cộng đồng bị ảnh hưởng tham gia một cách thích hợp vào các vấn đề mà có thể ảnh hưởng đến họ trong suốt vòng đời của dự án và đảm bảo các thông tin về môi trường và xã hội liên quan sẽ được công bố và cung cấp đầy đủ.

PHẠM VI ÁP DỤNG

4. Tiêu chuẩn Hoạt động này áp dụng đối với các hoạt động dự án có rủi ro và/hoặc tác động môi trường và/hoặc xã hội. Trong Tiêu chuẩn hoạt động này, “dự án” được hiểu là một nhóm các hoạt động của doanh nghiệp, kể cả những hoạt động chưa được xác định nhưng có thể có những yếu tố, khía cạnh và cơ sở hạ tầng vật chất cụ thể có khả năng tạo ra các rủi ro và tác động⁸. Khi thích hợp, phạm vi có thể bao gồm cả những khía cạnh từ giai đoạn sơ khai đến toàn bộ vòng đời của tài sản vật chất đó (thiết kế, xây dựng, lắp đặt, hoạt động, tháo dỡ, đóng cửa hoặc, khi thích hợp, sau đóng cửa)⁹. Những yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động này phải được áp dụng cho tất cả các hoạt động của doanh nghiệp, trừ phi có những giới hạn/ngoại lệ được miêu tả ở từng phần dưới đây.

YÊU CẦU

Hệ thống Quản lý và Đánh giá Môi trường và Xã hội

5. Các khách hàng, trên cơ sở phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các bên thứ ba¹⁰ khi thích hợp, sẽ thực hiện một quá trình đánh giá môi trường và xã hội, và thiết lập và duy trì một hệ thống quản lý môi trường và xã hội phù hợp với tính chất và quy mô của dự án và tương xứng với mức độ rủi ro và tác động môi trường và xã hội. Hệ thống quản lý này sẽ bao gồm các yếu tố sau: (i) chính sách; (ii) xác định các rủi ro và tác động; (iii) chương trình quản lý, (iv) năng lực tổ chức, (v) chuẩn bị sẵn sàng và đối phó với tình huống khẩn cấp; (vi) sự tham gia của cộng đồng; (vii) giám sát và đánh giá.

Chính sách

6. Khách hàng sẽ xây dựng một chính sách tổng thể trong đó nêu rõ mục tiêu về môi trường và xã hội cũng như các nguyên tắc mà các dự án cần tuân thủ để đạt được hiệu quả về mặt môi trường và xã hội¹¹. Chính sách này cung cấp khung cho quá trình đánh giá và quản lý môi trường và xã hội, và cụ thể hóa việc dự án (hay các hoạt động của doanh nghiệp, khi thích hợp) sẽ tuân thủ theo các quy định và pháp luật của nước sở tại như thế nào, kể cả những văn bản pháp lý mà nước sở tại cam kết thực hiện và tuân thủ theo luật quốc tế. Chính sách này cần phù hợp với các nguyên tắc của các Tiêu chuẩn hoạt động. Trong một số trường hợp, khách hàng đã có cam kết tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế khác, hệ thống chứng nhận hay thông lệ hoạt động khác thì những cam kết này cần được nêu rõ trong Chính sách của khách hàng. Chính sách này cũng chỉ

⁷ Phương án có thể chấp nhận được để giảm thiểu tương đối đa dạng, gồm: làm dịu đi, điều chỉnh, sửa chữa, và/hoặc khôi phục tác động khi thích hợp. Hệ thống phân cấp giảm nhẹ rủi ro và tác động sẽ được thảo luận kỹ hơn và cụ thể trong ngữ cảnh của các Tiêu chuẩn hoạt động từ 2 đến 8.

⁸ Chẳng hạn, các doanh nghiệp có một danh mục các tài sản hữu hình đang sở hữu, và/hoặc có ý định thành lập hoặc mua cơ sở hạ tầng mới, và các quỹ đầu tư hay các tổ chức tài chính trung gian với danh mục tài sản hiện có và/hoặc có ý định đầu tư vào cơ sở hạ tầng mới.

⁹ Do Tiêu chuẩn hoạt động này được sử dụng bởi các tổ chức tài chính, đầu tư, bảo hiểm và chủ dự án/vận hành dự án, mỗi đối tượng sử dụng cần cung cấp thông tin cụ thể về hoạt động của mình mà áp dụng Tiêu chuẩn hoạt động này.

¹⁰ Trong trường hợp các bên này có trách nhiệm và nghĩa vụ pháp lý phải tham gia đánh giá và quản lý một số rủi ro và tác động cụ thể (chẳng hạn như di dân-tái định cư do nhà nước thực hiện).

¹¹ Yêu cầu này có chính sách riêng cho dự án và có thể không ảnh hưởng đến (hoặc yêu cầu điều chỉnh) các chính sách hiện tại của khách hàng đối với các dự án không liên quan, các hoạt động sản xuất kinh doanh hay các hoạt động của doanh nghiệp ở cấp cao hơn không liên quan.

rõ ai trong tổ chức của khách hàng sẽ chịu trách nhiệm giám sát việc tuân thủ với Chính sách và chịu trách nhiệm thực hiện (có thể liên quan đến một cơ quan nhà nước có thẩm quyền hay bên thứ ba thích hợp khi cần thiết). Khách hàng cần thông tin về Chính sách này đến toàn thể tổ chức của mình.

Xác định các rủi ro và tác động môi trường và xã hội

7. Các khách hàng sẽ tiến hành một quá trình đánh giá môi trường và xã hội mà sẽ xem xét đầy đủ các rủi ro và tác động tiềm năng về môi trường và xã hội của dự án (tham khảo thêm khoản 18 - các yêu cầu về năng lực). Loại, quy mô và vị trí của dự án sẽ giúp hoạch định quy mô và phạm vi của quá trình xác định các rủi ro và tác động môi trường và xã hội. Phạm vi của quá trình xác định các rủi ro và tác động môi trường và xã hội phải phù hợp với thông lệ quốc tế tốt¹², và sẽ quyết định phương pháp cũng như công cụ đánh giá thích hợp. Quá trình này có thể là một đánh giá tác động môi trường và xã hội toàn diện, hoặc hạn chế, có trọng tâm hoặc áp dụng luôn các tiêu chuẩn về đặt vị trí phù hợp với môi trường, tiêu chuẩn ô nhiễm, tiêu chí thiết kế và tiêu chuẩn xây dựng¹³. Khi dự án có liên quan đến các tài sản hiện có, kiểm toán môi trường và/hoặc xã hội hoặc đánh giá rủi ro/môi nguy có thể là đủ để xác định rủi ro và tác động. Nếu các tài sản sẽ được xây dựng, mua về hay đầu tư chưa thể xác định, việc thiết lập một quy trình đánh giá chi tiết (due diligence) môi trường và xã hội để giúp xác định rủi ro và tác động tại một thời điểm cụ thể trong tương lai khi thông tin về các yếu tố vật chất, tài sản, cơ sở hạ tầng có đầy đủ hơn. Quá trình xác định các rủi ro và tác động môi trường và xã hội sẽ dựa vào số liệu gốc về môi trường và xã hội ở mức độ chi tiết phù hợp. Quá trình này sẽ xem xét tất cả các rủi ro và tác động môi trường và xã hội có liên quan của dự án, bao gồm cả những vấn đề sẽ được xác định trong các Tiêu chuẩn hoạt động từ 2 đến 8, và những đối tượng chịu ảnh hưởng của những rủi ro và tác động này¹⁴. Quá trình xác định các rủi ro và tác động môi trường và xã hội sẽ xem xét mức độ phát thải khí nhà kính, các rủi ro liên quan đến biến đổi khí hậu và cơ hội thích nghi, những ảnh hưởng xuyên ranh giới có thể có như ô nhiễm không khí, hoặc sử dụng hoặc ô nhiễm đường thủy quốc tế.
8. Khi dự án có liên quan đến các yếu tố vật chất, tài sản và cơ sở hạ tầng đã được xác định cụ thể mà có khả năng có tác động, các rủi ro và tác động môi trường và xã hội sẽ được xác định trong vùng ảnh hưởng của dự án. Vùng ảnh hưởng của dự án có bao gồm, khi phù hợp:
- Khu vực có thể bị ảnh hưởng: (i) dự án¹⁵ và các hoạt động của khách hàng và các cơ sở vật chất mà khách hàng (kể cả nhà thầu) sở hữu, vận hành và quản lý và là một phần của dự án¹⁶; (ii) các tác động từ những tiến triển không có kế hoạch trước nhưng có thể dự báo của dự án có thể xảy ra sau này hoặc ở một địa điểm khác; hoặc (iii) những tác động gián tiếp của dự án đến đa dạng sinh học hay các dịch vụ sinh thái mà là phương tiện kiếm sống của cộng đồng bị ảnh hưởng.
 - Cơ sở vật chất liên quan không được tài trợ của dự án nhưng sẽ không được xây dựng và/hoặc mở rộng nếu không có dự án và nếu thiếu chúng, dự án cũng không thể hoạt động bền vững¹⁷.

¹² Là hoạt động đòi hỏi kỹ năng chuyên nghiệp, làm việc chi tiết, thận trọng và tính dự báo của các chuyên gia thực hiện - những người đã có kinh nghiệm và kỹ năng thực hiện những hoạt động tương tự trên phạm vi khu vực hay toàn cầu.

¹³ Đối với những dự án xây dựng mới hay mở rộng với những yếu tố vật chất, tài sản hay cơ sở hạ tầng đã được xác định và có khả năng tạo ra những tác động về môi trường và xã hội lớn, khách hàng sẽ tiến hành Đánh giá tác động môi trường và xã hội toàn diện, bao gồm xem xét đến những phương án thay thế khác nhau khi thích hợp.

¹⁴ Trong một số trường hợp rủi ro cao, bên cạnh quá trình đánh giá rủi ro và tác động môi trường và xã hội, có thể khách hàng nên xem xét thực hiện bổ sung một đánh giá chi tiết về quyền con người phù hợp với lĩnh vực hoạt động của dự án cụ thể.

¹⁵ Ví dụ như vị trí của dự án, vùng khí quyền hay vùng nước, hoặc hành lang vận tải.

¹⁶ Ví dụ như hành lang truyền tải điện, đường ống, kênh mương, đường hầm, đường để tái định cư và tiếp cận, các diện tích mượn và sang nhượng, các trại xây dựng, và vùng đất bị nhiễm bẩn (như đất, nước ngầm, và trầm tích)

¹⁷ Các cơ sở vật chất như đường ray xe lửa, đường bộ, nhà máy điện hay đường truyền tải điện, đường ống, các dịch vụ công cộng, nhà kho và các bến cảng

- Những tác động tích lũy¹⁸ từ những tác động lên khu vực dự án có ảnh hưởng hay nguồn tài nguyên được dự án sử dụng, từ những sự phát triển đã có, có kế hoạch hoặc đã xác định được ở thời điểm thực hiện đánh giá rủi ro và tác động môi trường và xã hội.
- 9. Trong trường hợp các rủi ro và tác động của vùng ảnh hưởng dự án là do các hành động của bên thứ ba, khách hàng sẽ giải quyết các rủi ro và tác động đó theo phương thức phù hợp với khả năng kiểm soát và ảnh hưởng của khách hàng đối với bên thứ ba đó, và có xem xét đến các vấn đề về xung đột lợi ích.
- 10. Khi khách hàng có thể thực hiện được quyền kiểm soát hợp lý, quá trình xác định các rủi ro và tác động môi trường và xã hội sẽ cũng xem xét đến các rủi ro và tác động liên quan đến chuỗi cung cấp chính, đã được đề cập trong Tiêu chuẩn hoạt động số 2 (khoản 27 đến 29) và Tiêu chuẩn hoạt động số 6 (khoản 30).
- 11. Khi dự án có liên quan đến các yếu tố vật chất, tài sản và cơ sở hạ tầng đã được xác định cụ thể mà có khả năng có tác động môi trường và xã hội, việc xác định các rủi ro và tác động môi trường và xã hội sẽ tính đến kết quả và kết luận của các kế hoạch, nghiên cứu hay đánh giá có liên quan do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc các tổ chức khác thực hiện mà có liên quan đến dự án hoặc đến vùng dự án có ảnh hưởng¹⁹. Đó có thể là kế hoạch phát triển kinh tế tổng thể, kế hoạch quốc gia hay kế hoạch vùng, các nghiên cứu khả thi, các phân tích phương án lựa chọn, và các đánh giá môi trường chiến lược hay cho ngành, cho vùng. Xác định các rủi ro và tác động môi trường và xã hội sẽ tính đến kết quả của quá trình lấy ý kiến của cộng đồng bị ảnh hưởng sao cho phù hợp.
- 12. Khi dự án có liên quan đến các yếu tố vật chất, tài sản và cơ sở hạ tầng đã được xác định cụ thể mà có khả năng có tác động môi trường và xã hội, là một phần của quá trình xác định các rủi ro và tác động môi trường và xã hội, khách hàng sẽ xác định các cá nhân và các nhóm ở thế bất lợi hoặc dễ bị tổn thương²⁰ có thể bị ảnh hưởng trực tiếp hoặc một phần bởi dự án. Khi các cá nhân hay các nhóm được đánh giá là kém lợi thế hoặc dễ bị tổn thương, khách hàng sẽ đề xuất và thực hiện các biện pháp riêng biệt sao cho các tác động tiêu cực không ảnh hưởng trực tiếp đến họ và họ không bị kém ưu thế khi được chia sẻ quyền lợi và cơ hội.

Chương trình quản lý

- 13. Phù hợp với chính sách, mục tiêu và các nguyên tắc nêu trên, khách hàng sẽ thiết lập chương trình quản lý trong đó nêu bật các biện pháp giảm thiểu và cải thiện hiệu quả hoạt động và xử lý rủi ro và tác động môi trường và xã hội của dự án đã được xác định.
- 14. Tùy thuộc vào đặc điểm và quy mô của dự án, các chương trình quản lý gồm sự kết hợp của các quy trình hoạt động, thực tiễn thực hiện, kế hoạch hoạt động và các tài liệu hỗ trợ liên quan (gồm cả các tài liệu pháp lý) - được quản lý một cách có hệ thống²¹. Chương trình này có thể được áp dụng rộng rãi trong tổ chức của khách hàng, kể cả nhà thầu và nhà cung cấp chính mà khách hàng có quyền kiểm soát hoặc ảnh hưởng, hoặc ở những địa điểm, cơ sở hoặc hoạt động cụ thể. Hệ thống phân cấp để giải quyết các rủi ro và tác động đã xác định được sẽ

¹⁸ Tác động tích lũy chỉ giới hạn lại ở những tác động được công nhận là có ý nghĩa về mặt khoa học và/hoặc là mối lo của cộng đồng bị ảnh hưởng. Ví dụ về tác động tích lũy có thể là: làm tăng phát thải khí nhà kính lên vùng khí quyển, giảm lưu lượng nước trong một vùng nước do rút nước nhiều lần, tăng lượng trầm tích tại một vùng nước; ảnh hưởng tới đường di cư hay di chuyển của động vật hoang dã hay làm tắc nghẽn giao thông, tai nạn giao thông do tăng lượng xe lưu thông trên khu vực đường xá của cộng đồng dân cư.

¹⁹ Khách hàng có thể tính đến những yếu tố này thông qua việc chú trọng vào đóng góp của dự án đến một số tác động có tính trọng yếu về mặt khoa học hay trọng yếu đối với cộng đồng bị ảnh hưởng trong khu vực bao phủ của nghiên cứu hay đánh giá kế thừa.

²⁰ Vị thế bất lợi hay dễ bị tổn thương này có thể bắt nguồn từ đặc điểm chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, quan điểm chính trị hay quan điểm khác, xuất xứ quốc tịch hay xã hội, tài sản, sinh trưởng hay các đặc điểm khác. Khách hàng cũng sẽ xem xét các nhân tố như giới tính, tuổi tác, dân tộc, nền văn hóa, trình độ học vấn, tàn tật thể chất hay tinh thần, bất lợi về kinh tế hay nghèo đói, mức độ phụ thuộc vào một số nguồn tài nguyên hiếm.

²¹ Các tài liệu pháp lý giữa khách hàng và bên thứ ba nhằm thực hiện những biện pháp giảm bớt các tác động cụ thể cũng thuộc chương trình quản lý này. Ví dụ như những trách nhiệm về di dân, tái định cư của các cơ quan nhà nước đã được quy định rõ trong một tài liệu pháp lý cụ thể.

ưu tiên cho các biện pháp tránh và ngăn ngừa các tác động khi khả thi về mặt kỹ thuật²² và tài chính²³ hơn là giảm thiểu tác động, và khi vẫn có hậu quả để lại, thực hiện bồi thường.

15. Trong trường hợp rủi ro và tác động không thể tránh hoặc ngăn chặn được, các biện pháp và hành động giảm thiểu sẽ được xác định để dự án hoạt động phù hợp với pháp luật và các quy định tương ứng và đáp ứng các yêu cầu của Tiêu chuẩn Hoạt động 1 đến 8 (xem đoạn 16 dưới đây). Mức độ chi tiết và phức tạp của chương trình này và ưu tiên của các biện pháp và hoạt động đã được xác định sẽ tương xứng với rủi ro và tác động của dự án và có tính đến kết quả của quá trình lấy ý kiến của cộng đồng bị ảnh hưởng khi phù hợp.
16. Chương trình sẽ thiết lập Kế hoạch hành động môi trường và xã hội²⁴, xác định kết quả mong muốn và các hành động để giải quyết các vấn đề được nêu ra trong quá trình xác định rủi ro và tác động, bằng các sự kiện có thể đo lường khi có thể, với các yếu tố như chỉ số hiệu suất, mục tiêu, hoặc các tiêu chí chấp nhận có thể được theo dõi trong khoảng thời gian xác định, và với ước tính về các nguồn lực và trách nhiệm để có thể thực hiện. Tùy theo mức độ phù hợp, chương trình quản lý sẽ công nhận và đưa vào vai trò thực hiện một số hành động cụ thể, sự kiện cụ thể để giải quyết các rủi ro và tác động do các bên thứ ba thực hiện. Phụ thuộc vào bản chất linh hoạt của dự án, chương trình quản lý cần phản ứng nhanh nhạy với các tình huống thay đổi, các sự kiện bất ngờ cũng như với những phát hiện từ công tác giám sát và đánh giá.

Năng lực tổ chức

17. Khách hàng, cùng với các bên thứ ba liên quan, khi cần thiết, sẽ thiết lập, duy trì và củng cố một cơ cấu tổ chức trong đó xác định rõ vai trò, trách nhiệm, và quyền hạn để thực hiện hệ thống quản lý môi trường và xã hội. Nguồn nhân lực, kể cả đại diện của ban lãnh đạo, với ranh giới trách nhiệm và quyền hạn rõ ràng cần được phân công cụ thể. Các trách nhiệm chính về môi trường và xã hội cần được cụ thể hóa và truyền đạt đến tất cả các nhân viên có liên quan và toàn bộ tổ chức. Sự hỗ trợ đúng mức từ ban lãnh đạo và nguồn nhân lực đủ cần được bố trí thường xuyên để đảm bảo đạt được hiệu quả môi trường và xã hội cao nhất.
18. Các khách hàng sẽ đào tạo nhân viên có trách nhiệm trực tiếp trong các hoạt động liên quan đến hiệu quả môi trường và xã hội của dự án để họ có các kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hiện công việc của họ, bao gồm cả kiến thức hiện tại về quy định pháp lý của nước sở tại và các yêu cầu tương ứng trong các Tiêu chuẩn Hoạt động từ 1 đến 8. Các nhân viên này cũng cần có kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm để triển khai các biện pháp và hành động cụ thể theo yêu cầu của chương trình quản lý và các phương pháp cần thiết để thực hiện các mục hành động một cách có năng lực và hiệu quả.
19. Quá trình đánh giá rủi ro và tác động môi trường và xã hội sẽ cần có những đánh giá và trình bày khách quan, chính xác và đầy đủ do chuyên gia có năng lực soạn thảo và trình bày. Đối với các dự án có thể có những tác động tiêu cực tiềm năng hay khi có nhiều vấn đề kỹ thuật phức tạp phát sinh, khách hàng cần mời thêm các chuyên gia bên ngoài tổ chức tham gia vào quá trình đánh giá rủi ro và tác động môi trường và xã hội.

Sự sẵn sàng đối ứng với tình huống khẩn cấp

²² Khả thi về mặt kỹ thuật được dựa trên việc liệu các biện pháp và hành động đề xuất có thể được thực hiện với thiết bị, kỹ năng và vật liệu sẵn có về mặt thương mại, có tính đến các yếu tố địa phương thực tế như khí hậu, địa lý, nhân khẩu học, cơ sở hạ tầng, an ninh, quản trị, và năng lực và độ tin cậy trong hoạt động.

²³ Khả thi về mặt tài chính được xem xét dựa trên các yếu tố thương mại như chi phí của việc áp dụng các biện pháp và hành động như vậy so với số tiền để đầu tư, điều hành và bảo trì dự án và liệu chi phí gia tăng này có thể làm cho dự án không khả thi đối với khách hàng.

²⁴ Chương trình hành động có thể gồm một Chương trình hành động tổng thể để thực hiện một loạt các biện pháp khắc phục hay các kế hoạch hành động theo chủ đề như Kế hoạch hành động Tái định cư hay Kế hoạch hành động Đa dạng sinh học. Kế hoạch hành động có thể được dùng lấp chỗ trống cho các chương trình quản lý để đảm bảo tính thống nhất với các Tiêu chuẩn hoạt động, hoặc là những kế hoạch riêng biệt để cụ thể hóa chiến lược giảm bớt rủi ro của dự án. Thuật ngữ “Kế hoạch hành động” cũng có thể được hiểu là kế hoạch quản lý hoặc kế hoạch phát triển. Trong trường hợp này, ví dụ rất nhiều, có thể kể đến cả kế hoạch quản lý môi trường và xã hội.

20. Khi dự án có liên quan đến các yếu tố vật chất, tài sản và cơ sở hạ tầng đã được xác định cụ thể mà có khả năng có tác động môi trường và xã hội, hệ thống quản lý môi trường và xã hội sẽ xây dựng một chương trình đảm bảo sẵn sàng và đối ứng với các tình huống khẩn cấp để khách hàng, trên cơ sở phối hợp với các bên thứ ba khi phù hợp, sẽ luôn sẵn sàng để đối phó với những tình huống tai nạn, khẩn cấp liên quan đến dự án với phương châm là phương án thích hợp nhất để ngăn ngừa và giảm bớt những thiệt hại về người và/hoặc cho môi trường. Sự chuẩn bị này có thể bao gồm cả việc đánh giá các khu vực có thể xảy ra tai nạn hay tình huống khẩn cấp, các đối tượng cộng đồng và cá nhân có thể bị ảnh hưởng, quy trình ứng phó, cung cấp thiết bị và nguồn lực, phân công trách nhiệm, truyền thông, kể cả truyền thông đến các cộng đồng bị ảnh hưởng và cả những chương trình đào tạo định kỳ để chuẩn bị ứng phó có hiệu quả.
21. Khi thích hợp, khách hàng cũng có thể hỗ trợ và phối hợp với các cộng đồng có thể bị ảnh hưởng (tham khảo thêm Tiêu chuẩn hoạt động 4) và các cơ quan địa phương để chuẩn bị ứng phó hiệu quả với các tình huống khẩn cấp, nhất là khi sự tham gia và phối hợp này là cần thiết để việc ứng phó đạt hiệu quả cao nhất. Nếu các cơ quan địa phương có năng lực hạn chế hoặc không thể đối phó hiệu quả, khách hàng sẽ đóng vai trò tích cực trong quá trình chuẩn bị và đối phó với các tình huống khẩn cấp liên quan đến dự án. Khách hàng cũng cần lưu lại các hoạt động chuẩn bị và ứng phó, các trách nhiệm và nguồn lực liên quan, và cần cung cấp những thông tin thích hợp đến cộng đồng bị ảnh hưởng và các cơ quan địa phương.

Giám sát

22. Khách hàng sẽ thiết lập các quy trình để theo dõi và đo lường hiệu quả của chương trình quản lý cũng như tuân thủ với các quy định pháp lý, trách nhiệm hợp đồng và pháp lý. Trong trường hợp nhà nước hay bên thứ ba có trách nhiệm quản lý một số rủi ro và tác động cụ thể cũng như các biện pháp khắc phục liên quan, khách hàng sẽ phối hợp trong việc thiết lập và giám sát các biện pháp khắc phục đó. Tùy từng trường hợp, khách hàng có thể mời đại diện của cộng đồng bị ảnh hưởng tham gia vào các hoạt động giám sát²⁵. Chương trình giám sát của khách hàng cần được quản lý với một cấp quản lý thích hợp trong tổ chức. Đối với dự án mà ảnh hưởng là đáng kể, khách hàng sẽ sử dụng các chuyên gia có trình độ và kinh nghiệm từ bên ngoài để xác minh thông tin giám sát. Mức độ giám sát cần tương xứng với các rủi ro và tác động của dự án và các yêu cầu tuân thủ của dự án.
23. Ngoài việc ghi chép các thông tin để theo dõi hiệu suất và thiết lập kiểm soát các hoạt động có liên quan, khách hàng nên sử dụng các cơ chế năng động, chẳng hạn như thanh tra, kiểm toán nội bộ khi cần, để xác minh sự tuân thủ và tiến bộ so với các kết quả mong muốn. Giám sát thường bao gồm cả việc lưu thông tin để theo dõi hiệu quả hoạt động và so sánh với các mức chuẩn được đặt ra từ trước hoặc các yêu cầu của chương trình quản lý. Việc giám sát cần được điều chỉnh theo hiệu quả thực tế và các hành động do cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu thực hiện. Các khách hàng sẽ lưu tài liệu kết quả giám sát, xác định và phản ánh các hành động khắc phục và phòng ngừa cần thiết trong các chương trình quản lý và kế hoạch đã sửa đổi. Các khách hàng, phối hợp với các bên thứ ba liên quan, sẽ thực hiện những hành động khắc phục và phòng ngừa này, và theo dõi những hành động này trong các chu kỳ giám sát tiếp theo để đảm bảo hiệu quả của chúng.
24. Lãnh đạo cấp cao của khách hàng cần nhận được bản đánh giá hiệu quả của hệ thống quản lý môi trường và xã hội theo kỳ, dựa trên việc thu thập và phân tích dữ liệu có hệ thống. Mức độ và tần suất báo cáo phụ thuộc vào bản chất và quy mô của các hoạt động được triển khai dựa trên hệ thống quản lý môi trường và xã hội cũng như các yêu cầu khác của dự án. Dựa vào các kết quả đánh giá này, lãnh đạo cấp cao sẽ đưa ra những biện pháp cần thiết và phù hợp để

²⁵ Ví dụ như giám sát sử dụng nước.

chính sách của tổ chức được thực hiện triệt để và các quy trình, thủ tục, kế hoạch đang được triển khai đạt hiệu quả cao nhất.

Sự tham gia của cộng đồng

25. Sự tham gia của cộng đồng cần dựa trên nền tảng xây dựng mối quan hệ chặt chẽ, có tính xây dựng và nhanh nhạy - là rất cần thiết để quản lý thành công các tác động môi trường và xã hội của một dự án²⁶. Sự tham gia của cộng đồng là một quá trình liên tục, tùy theo mức độ, có thể gồm những hoạt động chính sau: phân tích các đối tượng liên quan và lập kế hoạch, công bố và truyền đạt thông tin, tham vấn và tham gia, cơ chế khiếu nại và báo cáo thường xuyên đến cộng đồng bị ảnh hưởng. Bản chất, tần suất và mức độ của các hoạt động kêu gọi sự tham gia của cộng đồng có thể khác nhau và cần tương xứng với rủi ro và tác động tiêu cực của dự án, cũng như các giai đoạn phát triển của dự án.

Phân tích đối tượng và lập kế hoạch có sự tham gia của cộng đồng

26. Khách hàng nên xác định các đối tượng có thể có quan tâm đến hành động của khách hàng và xem xét nên dùng phương thức truyền thông nào để đối thoại với các đối tượng trong cộng đồng (tham khảo thêm khoản 34 dưới đây). Khi dự án có liên quan đến các yếu tố vật chất, tài sản và cơ sở hạ tầng đã được xác định cụ thể mà có khả năng có tác động tiêu cực về môi trường và xã hội đến cộng đồng bị ảnh hưởng, khách hàng cần xác định cộng đồng bị ảnh hưởng là những ai và thực hiện đúng những yêu cầu liên quan dưới đây.
27. Khách hàng sẽ xây dựng và triển khai Kế hoạch có sự tham gia của cộng đồng với quy mô phù hợp với rủi ro, tác động cũng như giai đoạn hoạt động của dự án, có tính đến đặc điểm và lợi ích của cộng đồng bị ảnh hưởng. Tùy trường hợp, bản Kế hoạch này có thể bao gồm các biện pháp chuyên biệt cho phép sự tham gia hiệu quả hơn của các nhóm đối tượng bất lợi hoặc dễ bị tổn thương. Khi quá trình có sự tham gia của cộng đồng phụ thuộc nhiều vào đại diện của cộng đồng²⁷, khách hàng cần nỗ lực để xác nhận xem có đúng người này được tin nhiệm giao làm đại diện cho cộng đồng hay không cũng như mức độ trung thực trong thông tin về kết quả tham vấn mà họ sẽ truyền đạt xuống nhóm cộng đồng mà họ đại diện.
28. Trong trường hợp vị trí chính xác của dự án chưa xác định được, nhưng dự án có nhiều khả năng sẽ để lại những tác động lớn đến cộng đồng xung quanh khu vực dự án hoạt động, khách hàng cần thiết lập Khung kế hoạch cộng đồng tham gia trong chương trình quản lý của mình, trong đó nêu rõ những nguyên tắc và chiến lược xác định các cộng đồng bị ảnh hưởng cũng như các đối tượng có liên quan và lập kế hoạch để cộng đồng tham gia theo đúng các quy định của Tiêu chuẩn hoạt động này một khi vị trí của dự án được xác định cụ thể.

Công bố thông tin

29. Việc công bố thông tin cần thiết về dự án giúp các cộng đồng bị ảnh hưởng hiểu được những rủi ro, tác động và cơ hội của dự án. Khách hàng sẽ cung cấp cho các cộng đồng bị ảnh hưởng những thông tin liên quan²⁸ về: (i) mục đích, tính chất và quy mô của dự án; (ii) thời gian các hoạt động của dự án đề xuất; (iii) bất kỳ rủi ro và tác động tiềm tàng nào lên cộng đồng và các biện pháp khắc phục; (iv) quá trình có sự tham gia của cộng đồng; và (v) cơ chế khiếu nại.

Tham vấn

30. Nếu cộng đồng bị ảnh hưởng có thể bị rủi ro, ảnh hưởng xấu từ một dự án, khách hàng sẽ thực hiện một quá trình tham vấn để tạo cho các cộng đồng bị ảnh hưởng những cơ hội để bày tỏ

²⁶ Các yêu cầu liên quan đến sự tham gia của người lao động và các quy trình khiếu nại bồi thường liên quan có thể xem thêm tại Tiêu chuẩn hoạt động 2.
²⁷ Ví dụ như lãnh đạo của cộng đồng hay lãnh đạo tôn giáo, đại diện cơ quan địa phương, đại diện các tổ chức dân sự, chính khách, giáo viên, và/hoặc những người đại diện một hay nhiều nhóm đối tượng bị ảnh hưởng.
²⁸ Tùy thuộc vào quy mô của dự án và mức độ của rủi ro và tác động, các tài liệu liên quan có thể là Kế hoạch hành động môi trường và xã hội tổng thể (bao gồm cả Kế hoạch có sự tham gia của cộng đồng, Kế hoạch hành động tái định cư, Kế hoạch hành động Đa dạng sinh học, Kế hoạch quản lý vật liệu nguy hiểm, Kế hoạch Chuẩn bị khẩn cấp và đối phó, Kế hoạch Y tế Cộng đồng và an toàn, và Kế hoạch phát triển dân bản địa v.v...) hoặc chỉ là tóm tắt để hiểu những vấn đề và cam kết chính. Những tài liệu này cũng có thể gồm cả chính sách môi trường và xã hội và các biện pháp, hành động bổ sung do các nhà tài trợ yêu cầu từ những phát hiện của các cuộc thanh tra chi tiết (due diligence).

quan điểm của họ về rủi ro của dự án, ảnh hưởng, và các biện pháp giảm thiểu, và cho phép khách hàng xem xét và trả lời cho họ. Phạm vi và mức độ tham vấn cần tương xứng với rủi ro và tác động của dự án cũng như các mối quan tâm của cộng đồng bị ảnh hưởng. Tham vấn hiệu quả là một quá trình hai chiều: (i) nên bắt đầu ngay trong quá trình đánh giá môi trường và xã hội và được tiếp tục ngay khi rủi ro và tác động phát sinh; (ii) phải được dựa trên việc công bố và cung cấp trước thông tin có liên quan và đầy đủ, trung thực, có ý nghĩa và dễ dàng tiếp cận với ngôn ngữ dễ hiểu phù hợp với trình độ của cộng đồng bị ảnh hưởng; (iii) sẽ tập trung chủ yếu²⁹ vào tham vấn những đối tượng bị ảnh hưởng trực tiếp hơn là các đối tượng bị ảnh hưởng gián tiếp; (iv) tránh mọi tình huống thông tin bị thổi phồng, can thiệp, bị ép buộc hay hăm dọa; (v) tạo điều kiện có sự tham gia hiệu quả; và (v) lưu giữ thông tin tham vấn. Các khách hàng sẽ điều chỉnh quá trình tham vấn cho phù hợp với ngôn ngữ của các cộng đồng bị ảnh hưởng, quá trình ra quyết định của họ, và các nhu cầu của các nhóm có hoàn cảnh khó khăn hoặc dễ bị tổn thương. Nếu khách hàng đã thực hiện quá trình tham vấn này, họ cần cung cấp đầy đủ thông tin bằng chứng cho quá trình đó.

Tham vấn toàn diện

31. Đối với các dự án có ảnh hưởng bất lợi rõ rệt đến các cộng đồng bị ảnh hưởng, khách hàng cần tổ chức quá trình tham vấn toàn diện (ICP) chủ yếu dựa trên các bước của quá trình tham vấn và kết quả đạt được là có được sự tham gia toàn diện của cộng đồng bị ảnh hưởng. ICP bao gồm quá trình trao đổi thông tin và quan điểm sâu hơn, quá trình tham vấn có tổ chức và có lộ trình, giúp khách hàng đưa vào quá trình ra quyết định của họ những quan điểm của các cộng đồng bị ảnh hưởng đối với những vấn đề có ảnh hưởng đến họ trực tiếp, như biện pháp giảm thiểu đề xuất, chia sẻ lợi ích và cơ hội phát triển, và vấn đề thực hiện. Tiến trình tham vấn cần (i) tham khảo quan điểm của các nhóm nam và nữ, nếu cần thiết có thể tổ chức lấy ý kiến theo nhóm riêng; (ii) phản ánh mối quan tâm và ưu tiên khác nhau giữa nam và nữ về tác động, cơ chế khắc phục và lợi ích, khi thích hợp. Khách hàng sẽ lưu tài liệu về quá trình, đặc biệt là các biện pháp đã thực hiện để tránh hoặc giảm thiểu rủi ro và tác động xấu đến các cộng đồng bị ảnh hưởng và sẽ thông báo cho các đối tượng bị ảnh hưởng về các mối quan tâm của họ đã được xem xét.

Người bản địa

32. Đối với những dự án có tác động tiêu cực đến các nhóm thổ dân, khách hàng cần tạo điều kiện cho họ tham gia vào quá trình ICP và trong một số trường hợp khách hàng cần sự đồng ý trước dựa trên cơ sở hiểu rõ và không bị ép buộc (gọi là FPIC - Free, Prior and Informed Consent). Các yêu cầu liên quan đến thổ dân và quy định về các trường hợp đặc biệt đòi hỏi phải có FPIC được quy định trong Tiêu chuẩn hoạt động 7.

Trách nhiệm của khối doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp cơ quan nhà nước tổ chức tham vấn cộng đồng

33. Khi tổ chức tham vấn cộng đồng là trách nhiệm của chính phủ nước sở tại, khách hàng sẽ phối hợp với cơ quan nhà nước có trách nhiệm, được phép của cơ quan nhà nước đó, để đạt được những kết quả phù hợp với mục tiêu của Tiêu chuẩn hoạt động này. Thêm vào đó, nếu năng lực của phía nhà nước là hạn chế, khách hàng cần đóng vai trò chủ động trong việc lập kế hoạch, triển khai và giám sát sự tham gia của cộng đồng. Nếu quá trình do cơ quan nhà nước thực hiện không đáp ứng được yêu cầu đặt ra trong Tiêu chuẩn hoạt động này, khách hàng cần thực hiện các hoạt động bổ sung và nếu cần thiết có các biện pháp bổ sung.

Truyền thông và cơ chế khiếu nại

Truyền thông

²⁹ Như nam giới, phụ nữ, người già, thanh thiếu niên và các nhóm/cá nhân bất lợi hay dễ bị tổn thương

34. Khách hàng sẽ triển khai và duy trì một quá trình truyền thông để (i) thu nhận các thông tin bên ngoài (ii) nghiên cứu và đánh giá các vấn đề được nêu ra và quyết định xem nên giải quyết thế nào; (iii) cung cấp, theo dõi và ghi lại những phản hồi nếu có; và (iv) điều chỉnh chương trình quản lý, khi cần thiết. Thêm vào đó, khách hàng nên cung cấp các báo cáo định kỳ về hoạt động môi trường và xã hội bền vững đến công chúng.

Cơ chế khiếu nại đối với cộng đồng bị ảnh hưởng

35. Khi có sự tham gia của cộng đồng bị ảnh hưởng, khách hàng sẽ thiết lập cơ chế khiếu nại để tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại và lo lắng của cộng đồng bị ảnh hưởng liên quan đến môi trường và xã hội. Cơ chế khiếu nại cần được điều chỉnh quy mô cho phù hợp với rủi ro và tác động tiêu cực của dự án và coi cộng đồng bị ảnh hưởng là đối tượng chính cần phục vụ. Nó sẽ giải quyết lo ngại kịp thời, sử dụng một quá trình dễ hiểu và minh bạch phù hợp về văn hóa và dễ dàng tiếp cận tới tất cả các phân nhóm của các cộng đồng bị ảnh hưởng, và không có chi phí và không có sự trừng phạt đến đối tượng đưa ra khiếu nại. Cơ chế này không ngăn cản việc sử dụng các thủ tục hành chính và pháp lý. Khách hàng sẽ thông báo các cộng đồng bị ảnh hưởng về cơ chế này trong quá trình tham gia của cộng đồng.

Báo cáo đến cộng đồng bị ảnh hưởng

36. Khách hàng sẽ cung cấp báo cáo định kỳ cho cộng đồng bị ảnh hưởng trong đó mô tả tiến trình triển khai Kế hoạch hành động về các vấn đề có liên quan đến nguy cơ đang diễn ra hoặc tác động đến cộng đồng bị ảnh hưởng, và về các vấn đề mà quá trình tham vấn hoặc cơ chế khiếu nại đã xác định là mối quan tâm của những cộng đồng đó. Nếu chương trình quản lý dẫn tới những thay đổi quan trọng trong, hoặc những thay đổi thêm vào các biện pháp giảm nhẹ hoặc hành động được mô tả trong Kế hoạch Hành động đối với các vấn đề liên quan đến các cộng đồng bị ảnh hưởng, thì các biện pháp giảm thiểu cập nhật hoặc các hành động cũng sẽ được công bố. Tần suất của các báo cáo này sẽ tương ứng với mức độ quan tâm của các cộng đồng chịu ảnh hưởng nhưng không được ít hơn 1 lần 1 năm.

TIÊU CHUẨN HOẠT ĐỘNG 2 ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC VÀ LAO ĐỘNG

GIỚI THIỆU

1. Tiêu chuẩn Hoạt động 2 thừa nhận rằng việc theo đuổi tăng trưởng kinh tế thông qua việc tạo ra việc làm và tạo thu nhập nên hài hòa với việc bảo vệ cho các quyền cơ bản³⁰ của người lao động. Đối với bất kỳ hoạt động kinh doanh nào, lực lượng lao động là một tài sản có giá trị, và một mối quan hệ tốt giữa người lao động và quản lý là một nhân tố quan trọng cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Thất bại trong việc thành lập và nuôi dưỡng một mối quan hệ tốt giữa người lao động và quản lý có thể làm suy giảm cam kết và khả năng làm việc lâu dài của người lao động, và có thể gây trở ngại cho dự án. Ngược lại, thông qua một mối quan hệ có tính xây dựng giữa người lao động và quản lý, và thông qua việc đối xử với người lao động một cách công bằng và cung cấp cho họ điều kiện làm việc an toàn và lành mạnh, khách hàng có thể tạo ra lợi ích hữu hình, chẳng hạn như tăng cường hiệu quả và năng suất hoạt động của mình.
2. Các yêu cầu đặt ra trong Tiêu chuẩn Hoạt động này đã được hướng dẫn một phần bởi nhiều công ước quốc tế thỏa thuận thông qua Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) và Liên hợp quốc (UN)³¹.

MỤC TIÊU

- Để thúc đẩy việc đối xử công bằng, không phân biệt đối xử và cơ hội bình đẳng cho người lao động.
- Để thiết lập, duy trì và hoàn thiện quan hệ giữa người lao động và quản lý.
- Để thúc đẩy việc tuân thủ các luật lệ về tuyển dụng và lao động quốc gia.
- Để bảo vệ người lao động, bao gồm cả nhóm người lao động dễ bị tổn thương như trẻ em, lao động nhập cư, lao động của bên thứ ba và lao động của các nhà cung cấp.
- Để thúc đẩy điều kiện làm việc an toàn và lành mạnh, cũng như sức khỏe của người lao động.
- Để tránh sử dụng lao động cưỡng bức.

PHẠM VI ÁP DỤNG

3. Việc áp dụng Tiêu chuẩn Hoạt động này được quy định trong quá trình đánh giá rủi ro và tác động môi trường và xã hội. Việc thực hiện các hành động cần thiết để đáp ứng các yêu cầu của Tiêu chuẩn Hoạt động này được Hệ thống Quản lý Môi trường và Xã hội của khách hàng quản lý. Các yêu cầu hệ thống quản lý này được phản ánh ở Tiêu chuẩn Hoạt động 1.
4. Phạm vi áp dụng của Tiêu chuẩn hoạt động này phù thuộc vào loại quan hệ lao động giữa khách hàng và người lao động. Tiêu chuẩn này áp dụng cho người lao động mà khách hàng thuê trực tiếp (gọi là lao động trực tiếp), lao động do bên thứ ba thuê để thực hiện những công việc liên quan đến những quy trình dự án chính yếu³² trong một thời gian đáng kể (lao động hợp đồng) cũng như lao động do nhà cung cấp chính của khách hàng thuê (lao động của nhà cung cấp)³³.

³⁰ Được hướng dẫn trong các công ước của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) đã được liệt kê trong chú thích số 2.

³¹ Các công ước này gồm:

Công ước ILO 87 về Tự do trong Hội hợp, Liên kết và Bảo vệ quyền Tổ chức

Công ước ILO 98 về Quyền Tổ chức và Thương lượng tập thể

Công ước ILO 29 về lao động cưỡng bức

Công ước ILO 105 về xoá bỏ lao động cưỡng bức

Công ước ILO 138 về Độ tuổi lao động tối thiểu

Công ước ILO 182 về các hình thức tồi tệ nhất của lao động trẻ em Công ước ILO 100 Thù lao Bình Đẳng

Công ước ILO 111 về Phân biệt đối xử (việc làm và nghề nghiệp)

Công ước UN về Quyền trẻ em, Điều 32,1

Công ước UN về Bảo vệ Quyền của lao động nhập cư và gia đình họ

³² Quy trình dự án chính yếu bao gồm những hoạt động sản xuất/dịch vụ không thể thiếu cho hoạt động của doanh nghiệp

³³ Nhà cung cấp chính là những ai thường xuyên cung cấp hàng hóa, nguyên liệu cần thiết cho các hoạt động chính yếu của dự án

Lao động trực tiếp

5. Đối với lao động trực tiếp, khách hàng sẽ áp dụng các yêu cầu trong khoản từ 8 đến 23 của Tiêu chuẩn hoạt động này.

Lao động hợp đồng

6. Đối với lao động hợp đồng, khách hàng sẽ áp dụng các yêu cầu trong khoản từ 23 đến 26 của Tiêu chuẩn hoạt động này.

Lao động của nhà cung cấp

7. Đối với lao động của nhà cung cấp, khách hàng sẽ áp dụng các yêu cầu trong khoản từ 27 đến 29 của Tiêu chuẩn hoạt động này.

YÊU CẦU

Các điều kiện làm việc và quản lý quan hệ với người lao động

Chính sách và quy trình quản lý nguồn nhân lực

8. Khách hàng sẽ áp dụng và triển khai chính sách và quy trình quản lý nguồn nhân lực phù hợp với quy mô và lực lượng lao động của mình để đề ra phương pháp tiếp cận của mình trong quản lý nhân viên phù hợp với các yêu cầu của Tiêu chuẩn Hoạt động này và các quy định liên quan của nước sở tại.
9. Theo chính sách này, khách hàng sẽ cung cấp cho nhân viên các thông tin liên quan đến quyền của mình theo luật lao động và việc làm của nước sở tại và trong thỏa ước lao động tập thể nếu có, bao gồm cả quyền của họ liên quan đến số giờ lao động, tiền lương, thù lao làm thêm giờ, các khoản phúc lợi và quyền lợi khác. Chính sách này cần được cung cấp, giải thích hoặc tạo điều kiện tiếp cận cho mỗi nhân viên ngay khi bắt đầu quan hệ lao động hay khi có sự thay đổi nào đáng kể trong chính sách đó.

Các điều kiện và các điều khoản làm việc

10. Trường hợp khách hàng là một bên của một thỏa ước lao động tập thể với tổ chức của người lao động, cần tôn trọng thỏa thuận này. Trường hợp thỏa thuận đó không tồn tại, hoặc không giải quyết được các điều kiện làm việc và điều kiện lao động³⁴, khách hàng sẽ cung cấp các điều kiện và các điều khoản lao động hợp lý³⁵.
11. Khách hàng sẽ xác định nhóm lao động nhập cư và đảm bảo họ được hưởng những điều kiện làm việc tương đương với lao động không nhập cư đảm đương cùng một loại công việc.
12. Khi khách hàng cung cấp chỗ ở³⁶ cho người lao động trong phạm vi của Tiêu chuẩn hoạt động này, khách hàng sẽ thiết lập và triển khai chính sách về chất lượng và quản lý chỗ ở và các dịch vụ cơ bản khác³⁷. Dịch vụ chỗ ở được cung cấp theo nguyên tắc không phân biệt đối xử và cơ hội công bằng. Việc thu xếp chỗ ở cho người lao động không được hạn chế quyền tự do di chuyển và hội họp của người lao động.

Các tổ chức của người lao động

13. Ở các nước mà pháp luật quốc gia công nhận quyền thành lập và tham gia của người lao động vào các tổ chức theo lựa chọn của họ mà không có sự can thiệp nào và có quyền thỏa thuận tập thể, khách hàng sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật quốc gia. Trong trường hợp luật quốc

³⁴ Các ví dụ về điều kiện làm việc và điều kiện lao động là: tiền lương và các quyền lợi khác, giảm lương, số giờ làm việc, sắp xếp làm thêm giờ và thù lao làm thêm giờ, và nghỉ phép chữa bệnh, nghỉ thai sản, nghỉ phép.

³⁵ Điều kiện và các điều khoản lao động hợp lý có thể được đánh giá theo các nguồn sau: (i) điều kiện làm việc của một công việc tương tự trong ngành sản xuất, thương mại tương tự ở khu vực/vùng đó; (ii) thỏa ước tập thể hay các thỏa thuận được công nhận khác giữa các tổ chức của người sử dụng lao động và đại diện người lao động trong ngành sản xuất, thương mại liên quan; (iii) phán quyết của trọng tài; hay (iv) điều kiện làm việc do luật pháp của nước sở tại quy định.

³⁶ Những dịch vụ này có thể do khách hàng trực tiếp cung cấp hoặc do bên thứ ba cung cấp.

³⁷ Các yêu cầu về dịch vụ cơ bản như diện tích tối thiểu, cung cấp nước, hệ thống thu gom rác thải và cống rãnh, hệ thống bảo vệ chống nóng, lạnh, ngập, tiếng ồn, hỏa hoạn.

gia hạn chế các tổ chức của người lao động, các khách hàng sẽ tạo điều kiện cho công nhân có các hình thức khác để bày tỏ khiếu nại của họ và bảo vệ quyền lợi của họ về điều kiện làm việc và điều khoản lao động. Khách hàng không tác động hay kiểm soát các cơ chế này.

14. Dù là trường hợp nào như được mô tả trong khoản 13 của Tiêu chuẩn hoạt động này và và khi chưa có quy định liên quan trong pháp luật quốc gia, khách hàng sẽ không ngăn cản người làm hình thành hoặc tham gia các tổ chức của người lao động theo lựa chọn của họ hoặc thương lượng tập thể, và sẽ không phân biệt đối xử hoặc trả thù những người lao động mà tham gia, hoặc tìm cách tham gia vào những tổ chức và thương lượng tập thể như vậy. Các khách hàng sẽ cộng tác với những đại diện của người làm công như vậy. Các tổ chức của người lao động sẽ đại diện cho người lao động trong lực lượng lao động một cách công bằng.

Không phân biệt đối xử và cơ hội bình đẳng

15. Các khách hàng sẽ không ra quyết định về việc làm trên cơ sở các đặc điểm cá nhân³⁸ không liên quan đến yêu cầu công việc vốn có. Khách hàng sẽ đặt mối quan hệ làm việc trên nguyên tắc cơ hội bình đẳng và đối xử công bằng, sẽ không phân biệt đối xử trong các khía cạnh của mối quan hệ lao động, bao gồm tuyển dụng và thuê, thù lao (kể cả tiền lương và quyền lợi), điều kiện làm việc và điều khoản lao động, cơ hội đào tạo, thăng tiến, chấm dứt việc làm hoặc nghỉ hưu, và kỷ luật. Khách hàng sẽ áp dụng các biện pháp để ngăn chặn và giải quyết các vấn đề xâm phạm, hăm dọa, và/hoặc bóc lột, nhất là liên quan đến phụ nữ. Nguyên tắc không phân biệt đối xử cần được áp dụng cho lao động nhập cư.
16. Ở các nước mà pháp luật quốc gia không cho phép phân biệt đối xử trong tuyển dụng, khách hàng sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật quốc gia. Khi luật pháp quốc gia không đề cập về vấn đề phân biệt đối xử, khách hàng sẽ tuân thủ các quy định của Tiêu chuẩn Hoạt động này. Nếu luật pháp một nước có những quy định khác với Tiêu chuẩn hoạt động này, khách hàng nên xem xét thực hiện phù hợp với nguyên tắc bao trùm của khoản 15 mà vẫn không vi phạm luật quốc gia.
17. Biện pháp đặc biệt để bảo vệ hoặc trợ giúp để khắc phục sự phân biệt đối xử trong quá khứ hoặc lựa chọn một công việc cụ thể dựa trên các yêu cầu vốn có của công việc sẽ không được coi là phân biệt đối xử, miễn là phù hợp với luật pháp của nước đó.

Thôi việc

18. Trước khi thực hiện quyết định cho thôi việc hàng loạt³⁹, khách hàng sẽ cần phân tích các phương án thay thế⁴⁰. Nếu kết quả phân tích không đưa ra được phương án nào thích hợp hơn, Các khách hàng sẽ xây dựng một kế hoạch để giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực khi người lao động mất việc làm. Kế hoạch cho thôi việc sẽ dựa theo nguyên tắc không phân biệt đối xử và phản ánh kết quả tham vấn của khách hàng với người lao động, tổ chức của họ và khi phù hợp, chính phủ và tuân thủ các thỏa ước lao động tập thể đang có hiệu lực. Khách hàng sẽ tuân theo các quy định và ràng buộc hợp đồng liên quan đến việc phải thông báo cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cung cấp thông tin và lấy ý kiến người lao động và các tổ chức của họ.
19. Khách hàng cần đảm bảo việc thông báo đến người lao động về quyết định cho thôi việc và trả đầy đủ tiền trợ cấp cho thôi việc theo quy định của luật pháp và thỏa ước lao động tập thể ngay khi có thể. Tất cả các khoản còn nợ bao gồm cả bảo hiểm xã hội và bảo hiểm hưu trí cần được trả (i) ngay khi hoặc trước khi chấm dứt quan hệ lao động với người lao động; (ii) ngay khi phù hợp, với nguyên tắc vì lợi ích của người lao động; (iii) việc thanh toán cần tuân thủ theo quy định về thời

³⁸ Như giới tính, chủng tộc, quốc tịch, dân tộc, nguồn gốc xã hội và thổ dân, tôn giáo và tín ngưỡng, tàn tật, tuổi tác hay thiên hướng giới tính.

³⁹ Cho thôi việc hàng loạt thường do các lý do kinh tế, kỹ thuật hay cơ cấu tổ chức; hoặc các lý do khác không liên quan đến hiệu quả làm việc hay các lý do cá nhân.

⁴⁰ Ví dụ các phương án khác như chương trình cắt giờ lao động có thỏa thuận, chương trình tăng cường năng lực cho người lao động, những công việc bảo trì, bảo dưỡng dài hạn trong thời gian khôi phục công việc thấp.

hạn trong thỏa ước lao động tập thể. Khi việc thanh toán được thực hiện trên cơ sở lợi ích của người lao động, người lao động sẽ được cung cấp bằng chứng cho việc thanh toán này.

Cơ chế khiếu nại

20. Khách hàng sẽ cung cấp một cơ chế khiếu nại cho người lao động (và các tổ chức của họ, nếu có) để nêu lên các vấn đề họ quan tâm. Khách hàng sẽ giới thiệu cho người lao động biết về cơ chế khiếu nại tại thời điểm thuê lao động, và tạo điều kiện cho họ dễ dàng tiếp cận. Cơ chế này cần nhận được mỗi quan tâm đúng mức từ các cấp quản lý và giải quyết các vấn đề một cách kịp thời, sử dụng một quá trình dễ hiểu và minh bạch để cung cấp thông tin phản hồi tới những người quan tâm, mà không có bất kỳ sự trừng phạt nào. Cơ chế này không ngăn cản việc tiếp cận bằng các giải pháp hành chính và pháp lý nào đang có trong luật hoặc bất kỳ một thủ tục trọng tài nào, hoặc các cơ chế khiếu nại hoặc thay thế khác thông qua thỏa ước lao động tập thể.

Bảo vệ lực lượng lao động

Lao động trẻ em

21. Khách hàng sẽ không sử dụng trẻ em vì mục đích kinh tế, hoặc có thể gây nguy hiểm hoặc gây trở ngại cho trẻ em được giáo dục, hoặc gây hại cho sức khỏe hay khả năng phát triển tinh thần, trí tuệ, thể chất, đạo đức, hay xã hội của trẻ em. Khách hàng cần biết rõ tất cả những lao động dưới 18 tuổi trong cơ sở của mình. Trường hợp pháp luật quốc gia có quy định về việc làm của trẻ vị thành niên, khách hàng sẽ tuân theo những quy định của pháp luật áp dụng cho khách hàng. Trẻ em dưới 18 tuổi sẽ không được tuyển dụng để làm những công việc nguy hiểm/độc hại⁴¹. Tất cả những công việc giao cho lao động dưới 18 tuổi cần phải được đánh giá rủi ro và theo dõi định kỳ về điều kiện làm việc, sức khỏe và số giờ lao động.

Lao động cưỡng bức

22. Các khách hàng sẽ không sử dụng lao động cưỡng bức bao gồm bất kỳ công việc hoặc dịch vụ không tự nguyện nào mà do một cá nhân bị đe dọa vũ lực hoặc hình phạt phải thực hiện. Điều này bao gồm bất kỳ loại lao động không tự nguyện hoặc bắt buộc, chẳng hạn như giao kèo lao động, lao động ràng buộc hoặc các thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động tương tự. Khách hàng không thuê những đối tượng bị buôn bán⁴².

An toàn và sức khỏe nghề nghiệp

23. Các khách hàng sẽ cung cấp cho người lao động một môi trường làm việc an toàn và lành mạnh, có tính đến các rủi ro vốn có trong lĩnh vực cụ thể của mình và các mối nguy hiểm cụ thể trong khu vực làm việc của khách hàng, bao gồm cả hóa chất, vật lý, sinh học, và các mối nguy hiểm phóng xạ. Các khách hàng sẽ thực hiện các bước để ngăn ngừa tai nạn, thương tích, và bệnh tật phát sinh từ, có liên quan đến, hoặc xảy ra trong quá trình làm việc bằng cách giảm thiểu, cho đến chừng mực hợp lý thực tế, các nguyên nhân của mối nguy hiểm. Để phù hợp với thông lệ ngành quốc tế, (GIIP)⁴³ như được phản ánh trong các nguồn tài liệu quốc tế bao gồm cả Hướng dẫn Môi trường, Sức khỏe và An toàn của Nhóm Ngân hàng thế giới, khách hàng sẽ giải quyết các mảng việc, bao gồm: (i) việc xác định các mối nguy hiểm tiềm năng cho người lao động, đặc biệt là mối nguy có thể đe dọa tính mạng; (ii) cung cấp các biện pháp phòng ngừa và bảo vệ, bao gồm thay thế, sửa đổi, hoặc loại bỏ các điều kiện hoặc các chất độc hại; (iii) đào tạo công nhân; (iv) lưu tài liệu và báo cáo tai nạn, bệnh tật, và các sự cố lao động;

⁴¹ Ví dụ cho những công việc nguy hiểm/độc hại như: (i) dễ bị lạm dụng thể chất, tâm lý hay tình dục; (ii) những công việc dưới đất ngầm, dưới nước hoặc trên độ cao hay nơi có không gian hạn chế; (iii) với máy móc, thiết bị, công cụ nguy hiểm hay phải mang vác nặng; (iv) môi trường làm việc độc hại: các chất, quy trình, nhiệt độ, tiếng ồn, mức rung chấn có hại cho sức khỏe; (v) điều kiện làm việc khó khăn như số giờ làm việc dài, làm ca đêm, hay bị người sử dụng lao động giam cầm.

⁴² Buôn người là hành vi tuyển dụng, vận chuyển, chuyển nhượng, che giấu hoặc tiếp nhận những người bị bắt cho dùng vũ lực, hay bị ép buộc, bị bắt cóc, bị lừa gạt, bị lạm dụng, hay đang ở thế bất lợi, hoặc trả tiền và những thứ khác để dành quyền kiểm soát một người từ tay một người khác với mục đích khai thác bóc lột sức lao động. Phụ nữ và trẻ em thường là đối tượng của hoạt động buôn người.

⁴³ Được định nghĩa là phần thực hành kỹ năng chuyên nghiệp, chăm chỉ, thận trọng và dự báo trước từ các chuyên gia giàu kinh nghiệm và lành nghề tham gia vào cùng một loại hình và thực hiện dưới cùng một hoàn cảnh trên toàn cầu hoặc trong khu vực.

(v) phòng cấp cứu, chuẩn bị và tổ chức đối phó. Có thể tham khảo thêm Tiêu chuẩn hoạt động 1 về các thông tin liên quan đến phòng bị và chuẩn bị đối phó.

Người lao động do bên thứ ba thuê

24. Đối với lao động do bên thứ ba thuê, khách hàng cần có nỗ lực hợp lý về mặt kinh tế để bên thứ ba cung cấp lao động là những doanh nghiệp có uy tín và làm ăn hợp pháp và có một hệ thống quản lý môi trường và xã hội hợp lý cho phép họ có thể hoạt động tuân thủ các yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động này, trừ khoản 18-19 và khoản 27-29.
25. Khách hàng sẽ xây dựng chính sách và quy trình để theo dõi và quản lý hoạt động của người cung cấp lao động bên thứ ba theo các yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động này. Thêm vào đó, khách hàng sẽ có nỗ lực hợp lý về mặt kinh tế để đưa các yêu cầu này vào hợp đồng với bên thứ ba nói trên.
26. Khách hàng cần đảm bảo những lao động được thuê, theo điều khoản 24-25 của Tiêu chuẩn hoạt động này cũng được tiếp cận cơ chế khiếu nại. Trong trường hợp bên thứ ba không thể cung cấp cơ chế khiếu nại, khách hàng sẽ cho phép những lao động này sử dụng cơ chế khiếu nại của khách hàng.

Chuỗi cung ứng

27. Khi có nguy cơ có thể có sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức⁴⁴ trong chuỗi cung cấp chính, khách hàng cần xác định rõ những rủi ro này cho phù hợp với khoản 21 và 22 ở trên. Nếu xác định được trường hợp sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức nào, khách hàng cần có những biện pháp thích hợp để giải quyết những trường hợp đó. Khách hàng sẽ theo dõi chuỗi cung cấp chính này thường xuyên để kịp thời biết được những thay đổi lớn trong chuỗi cung cấp và nếu nguy cơ hay sự cố mới về sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức phát sinh, khách hàng cần có những biện pháp thích hợp để giải quyết những trường hợp đó.
28. Thêm vào đó, khi có nguy cơ cao về các vấn đề an toàn lao động liên quan đến chuỗi cung cấp chính, khách hàng cần có quy trình và biện pháp giải quyết để đảm bảo các nhà cung cấp chính trong chuỗi cung cấp cũng áp dụng biện pháp để ngăn ngừa và sửa chữa những tình huống đe dọa đến tính mạng.
29. Khả năng của khách hàng để xử lý những nguy cơ này có thể phụ thuộc vào tầm kiểm soát của ban lãnh đạo hay mức độ ảnh hưởng của ban lãnh đạo đối với các nhà cung cấp. Trong trường hợp không thể thực hiện các biện pháp giải quyết, khách hàng cần tìm cách thay đổi nhà cung cấp chính bằng một doanh nghiệp có khả năng tuân thủ với các quy định của Tiêu chuẩn hoạt động này.

⁴⁴ Nguy cơ về lao động trẻ em và lao động cưỡng bức cần được xác định trong quá trình đánh giá rủi ro và tác động theo yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động 1.

TIÊU CHUẨN HOẠT ĐỘNG 3

TIẾT KIỆM NGUỒN TÀI NGUYÊN VÀ NGĂN NGỪA Ô NHIỄM

YÊU CẦU

1. Tiêu chuẩn Hoạt động 3 thừa nhận rằng hoạt động công nghiệp và đô thị hóa gia tăng thường làm tăng ô nhiễm không khí, nước, và đất, và sử dụng nguồn lực có hạn theo cách có thể đe dọa con người và môi trường trên phạm vi địa phương, khu vực và toàn cầu⁴⁵. Toàn cầu cũng đang lo ngại nồng độ khí nhà kính (GHG) hiện nay và dự báo đang đe dọa sức khỏe cộng đồng và phúc lợi của các thế hệ hiện tại và mai sau. Mặt khác, công nghệ và thực tiễn sử dụng nguồn tài nguyên hiệu quả hơn, phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm⁴⁶ và phát thải nhà kính đã trở nên dễ tiếp cận hơn ở hầu như tất cả các nơi trên thế giới. Những biện pháp này thường được triển khai trên cơ sở các phương pháp đổi mới không ngừng - giống như đổi mới không ngừng về chất lượng và năng suất thường được biết đến trong các ngành sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ.
2. Tiêu chuẩn Hoạt động này phác thảo cách tiếp cận kiểu dự án đối với vấn đề tiết kiệm nguồn tài nguyên và phòng ngừa và xử lý ô nhiễm phù hợp với những công nghệ và thông lệ quốc tế phổ biến. Ngoài ra, Tiêu chuẩn hoạt động này thúc đẩy khả năng của khu vực tư nhân trong việc tích hợp công nghệ và thực tiễn đó chùng nào việc sử dụng chúng về mặt kỹ thuật và tài chính là khả thi và hiệu quả trong bối cảnh của một dự án phải dựa vào các kỹ năng và các nguồn lực thương mại sẵn có.

MỤC TIÊU

- Để tránh hoặc giảm thiểu tác động xấu đến sức khỏe con người và môi trường bằng cách tránh hoặc giảm thiểu ô nhiễm từ các hoạt động của dự án.
- Để thúc đẩy việc sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên, kể cả năng lượng và nước.
- Để giảm phát thải khí nhà kính (GHG) từ các hoạt động của dự án.

PHẠM VI ÁP DỤNG

3. Việc áp dụng Tiêu chuẩn hoạt động này được quy định trong quá trình đánh giá rủi ro và tác động môi trường và xã hội. Việc thực hiện các hành động cần thiết để đáp ứng các yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động này do Hệ thống Quản lý Môi trường và Xã hội của khách hàng quản lý. Các yêu cầu hệ thống quản lý và đánh giá được đề cập tại Tiêu chuẩn hoạt động 1.

CÁC YÊU CẦU CHUNG

4. Trong suốt chu kỳ (vòng đời) của dự án, khách hàng sẽ xem xét các điều kiện môi trường xung quanh và áp dụng công nghệ và nguyên tắc khả thi nhất về mặt kỹ thuật và tài chính phù hợp nhất để phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm, hoặc nếu không thể tránh thì giảm thiểu hoặc làm giảm ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người và môi trường⁴⁷. Các kỹ thuật và nguyên tắc phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm đặc thù của dự án áp dụng trong suốt vòng đời dự án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với các mối nguy hiểm và rủi ro của dự án và phù hợp với thông lệ quốc tế của ngành (GIIP)⁴⁸, như được phản ánh trong các nguồn tài liệu quốc tế bao gồm cả Hướng dẫn Môi trường, Sức khỏe và An toàn của Nhóm Ngân hàng thế giới (Hướng dẫn EHS).

⁴⁵ Theo mục đích của Tiêu chuẩn Hoạt động này, thuật ngữ “ô nhiễm” được sử dụng để chỉ chất nguy hại hay không nguy hại ở thể rắn, lỏng, hoặc khí, và bao gồm cả các hình thức khác như sâu bọ, mầm bệnh, xạ nhiệt vào nước, thải khí nhà kính, mùi gây khó chịu, tiếng ồn, độ rung, bức xạ, năng lượng điện từ, và việc tạo ra các tác động tiềm năng về thị giác bao gồm cả ánh sáng.

⁴⁶ Trong Tiêu chuẩn hoạt động này, “ngăn ngừa và kiểm soát ô nhiễm” không có nghĩa là loại bỏ ô nhiễm hoàn toàn mà được hiểu là phòng tránh tại nguồn khi có thể hoặc kiểm soát và giảm thiểu ô nhiễm tới mức có thể đáp ứng được các mục tiêu của Tiêu chuẩn hoạt động này.

⁴⁷ Khả thi về mặt kỹ thuật được dựa trên việc liệu các biện pháp và hành động đề xuất có thể được thực hiện với thiết bị, kỹ năng và vật liệu sẵn có về mặt thương mại, có tính đến các yếu tố địa phương thực tế như khí hậu, địa lý, nhân khẩu học, cơ sở hạ tầng, an ninh, quản trị, và năng lực và độ tin cậy trong hoạt động. Khả thi về mặt tài chính được xem xét dựa trên các yếu tố thương mại như chi phí của việc áp dụng các biện pháp và hành động như vậy so với số tiền để đầu tư, điều hành và bảo trì dự án và liệu chi phí gia tăng này có thể làm cho dự án không khả thi đối với khách hàng.

⁴⁸ Được định nghĩa là phần thực hành kỹ năng chuyên nghiệp, chăm chỉ, thận trọng và dự báo trước từ các chuyên gia giàu kinh nghiệm và lành nghề tham gia vào cùng một loại hình và thực hiện dưới cùng một hoàn cảnh trên toàn cầu. Kết quả của quá trình này là việc dự án áp dụng công nghệ phù hợp nhất đối với trường hợp cụ thể của dự án.

5. Khách hàng tham khảo Hướng dẫn EHS hay các nguồn tài liệu quốc tế khác, khi phù hợp, để đánh giá và lựa chọn công nghệ tiết kiệm nguồn tài nguyên và ngăn ngừa kiểm soát ô nhiễm cho dự án. Hướng dẫn EHS cung cấp những mức hoạt động chuẩn và các biện pháp được chấp nhận và áp dụng cho các sự án. Nếu các quy định của nước sở tại khác với mức và biện pháp được nêu trong Hướng dẫn EHS, thì yêu cầu dự án đạt được mức nghiêm ngặt hơn. Nếu mức hoặc biện pháp ít nghiêm ngặt hơn so với Hướng dẫn EHS là phù hợp, thì trong các trường hợp dự án cụ thể, cần có minh chứng cụ thể và chi tiết về các giải pháp thay thế trong đánh giá rủi ro và tác động môi trường và xã hội. Những minh chứng cần phải chứng tỏ được sự lựa chọn đối với mức tính năng thay thế là phù hợp với mục tiêu của Tiêu chuẩn hoạt động này.

Tiết kiệm nguồn tài nguyên

6. Khách hàng sẽ triển khai các biện pháp hiệu quả về chi phí⁴⁹ và khả thi về mặt kỹ thuật cũng như tài chính để cải thiện tính hiệu quả trong tiêu thụ năng lượng, nước cũng như các nguồn nguyên liệu và nguồn lực khác, tập trung vào những lĩnh vực là hoạt động kinh doanh chính của dự án. Những biện pháp này sẽ kết hợp các nguyên tắc sản xuất sạch hơn với quy trình thiết kế và sản xuất sản phẩm với mục tiêu bảo tồn nguồn nguyên liệu thô, năng lượng và nước. Khi có những dữ liệu chuẩn, khách hàng cần thực hiện so sánh để hiểu rõ mức độ hiệu quả của biện pháp áp dụng.

Khí nhà kính

7. Bên cạnh các biện pháp sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên, khách hàng nên xem xét các phương án thay thế và triển khai các phương án hiệu quả về chi phí và khả thi về mặt kỹ thuật cũng như tài chính để giảm phát thải khí nhà kính (GHG) từ hoạt động của dự án trong suốt quá trình thiết kế và vận hành dự án. Những phương án này có thể bao gồm, nhưng không chỉ giới hạn ở, việc lựa chọn địa điểm của dự án, áp dụng các nguồn năng lượng tái tạo hoặc nguồn năng lượng carbon thấp, các thông lệ thực hành nông nghiệp, khai thác rừng và chăn nuôi bền vững, giảm phát thải phát tán và giảm phát thải khí.
8. Đối với những dự án dự kiến có tạo ra hơn 25000 tấn CO₂ hoặc tương đương hàng năm⁵⁰, khách hàng sẽ lượng hóa phát thải trực tiếp từ cơ sở hoặc cơ sở kiểm soát trong phạm vi thực tế của dự án⁵¹, cũng như phát thải gián tiếp từ các hoạt động sản xuất năng lượng dùng cho dự án⁵². Việc lượng hóa phát thải khí nhà kính được thực hiện hàng năm theo các phương pháp và thông lệ tốt được quốc tế công nhận⁵³.

Tiêu thụ nước

9. Khi dự án có tiềm năng sử dụng nhiều nước, bên cạnh việc áp dụng các yêu cầu về sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên của Tiêu chuẩn hoạt động này, khách hàng cần áp dụng biện pháp để tránh hoặc giảm lượng nước sử dụng để việc tiêu thụ nước của dự án không đem lại tác động tiêu cực cho các đối tượng khác. Những biện pháp đó có thể là, nhưng không giới hạn, sử dụng các biện pháp bảo tồn nước khả thi về mặt kỹ thuật, sử dụng các nguồn cung cấp nước thay thế, bù lại phần nước tiêu thụ để giảm tổng lượng nước sử dụng và đánh giá các phương án khác nhau về vị trí của dự án.

Phòng ngừa ô nhiễm

⁴⁹ Hiệu quả về chi phí được xác định trên cơ sở chi phí vốn và chi phí vận hành cũng như lợi ích tài chính của việc sử dụng biện pháp đó trong suốt chu kỳ của biện pháp. Đối với Tiêu chuẩn hoạt động này, một biện pháp sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên hay giảm phát thải khí nhà kính (GHG) sẽ được coi là có hiệu quả về chi phí nếu đem lại lợi nhuận đầu tư (đã tính đến rủi ro) tối thiểu tương ứng với lợi nhuận của dự án.

⁵⁰ Lượng hóa phát thải cần xem xét các nguồn phát thải khí nhà kính chủ yếu, gồm cả các nguồn phi năng lượng như methane hay nitrous oxide (N₂O).

⁵¹ Sự thay đổi về nồng độ carbon trong đất hay sinh khối trên mặt đất và sự thoái hóa của các chất hữu cơ do dự án gây ra đều có thể tạo thành nguồn phát thải và cần được tính đến khi lượng hóa phát thải khí nhà kính một khi lượng phát thải từ nguồn này là đáng kể.

⁵² Chủ yếu để chỉ những hoạt động ngoài khu vực dự án nhằm tạo ra năng lượng điện, năng lượng làm nóng, làm lạnh mà dự án sẽ sử dụng.

⁵³ Phương pháp ước tính được cung cấp bởi Ủy ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu, các tổ chức quốc tế và các cơ quan liên quan của nước sở tại.

10. Các khách hàng sẽ tránh được việc thải các chất ô nhiễm hoặc, khi không tránh được, giảm thiểu hoặc kiểm soát cường độ hoặc lượng thải ra. Điều này áp dụng đối với việc thải các chất ô nhiễm thường xuyên, không thường xuyên hoặc ngẫu nhiên với tiềm năng tác động lên địa phương, khu vực và xuyên biên giới⁵⁴. Khi có hiện tượng ô nhiễm từ trước nhu nhiệm bản nguồn đất và nguồn nước ngầm, khách hàng sẽ xem xét có phải trách nhiệm của mình phải thực hiện các biện pháp khắc phục hay không. Nếu trách nhiệm mang tính pháp lý này được đặt ra, khách hàng cần thực hiện trách nhiệm này theo quy định của pháp luật quốc gia hoặc nếu không có quy định liên quan trong pháp luật quốc gia thì theo thực hành công nghiệp quốc tế tốt (GIIP)⁵⁵.
11. Để xử lý những tác động tiêu cực có thể có của dự án đến môi trường xung quanh⁵⁶, khách hàng cần xem xét các nhân tố liên quan, chẳng hạn như: (i) hiện trạng điều kiện xung quanh; (ii) khả năng đồng hóa có hạn của môi trường⁵⁷; (iii) sử dụng đất hiện tại và tương lai; (iv) khoảng cách từ dự án đến khu vực được coi là quan trọng cho đa dạng sinh học; và (v) tiềm năng có tác động tích lũy với các hậu quả không rõ và/hoặc không thể thay đổi. Ngoài việc áp dụng các biện pháp sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên và ngăn ngừa kiểm soát ô nhiễm theo yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động này, khi dự án có khả năng trở thành một nguồn phát thải đáng kể ở một khu vực đã bị suy thoái, khách hàng cần xem xét áp dụng các chiến lược và biện pháp để tránh và giảm các ảnh hưởng tiêu cực. Các chiến lược này bao gồm, cũng không chỉ giới hạn ở, đánh giá vị trí dự án và phương án bù đắp phát thải.

Chất thải

12. Khách hàng sẽ tránh trong khả năng của mình việc thải ra môi trường các chất dù nguy hại hay không. Trường hợp phát sinh chất thải không thể tránh được, khách hàng sẽ giảm thiểu lượng thải, phục hồi và tái sử dụng chất thải theo cách không làm tổn hại đến sức khỏe con người và môi trường. Khi chất thải không thể được phục hồi hoặc tái sử dụng, khách hàng sẽ xử lý, hủy, và dọn đi sao cho thân thiện với môi trường bao gồm cả các biện pháp kiểm soát phát thải và các chất cặn bã từ quá trình xử lý nguyên liệu thải. Nếu rác thải tạo ra là nguy hại⁵⁸, khách hàng cần áp dụng áp dụng các phương án thay thế theo GIIP đối với việc xả thải phù hợp với môi trường trong khi vẫn tuân thủ các giới hạn về lưu chuyển xuyên biên giới⁵⁹. Khi chất thải nguy hại do bên thứ ba xả ra, khách hàng nên sử dụng bên thứ ba có uy tín và hoạt động hợp pháp được cơ quan nhà nước cấp phép và có giấy tờ chứng minh chất thải được xử lý ở đầu cuối. Khách hàng cần đảm bảo các bãi rác thải có giấy phép và được vận hành theo các tiêu chuẩn chấp nhận được, biết rõ địa điểm của bãi rác thải trước khi quyết định sử dụng bãi rác đó. Nếu bãi rác đó không đạt yêu cầu, khách hàng cần giảm lượng thải chuyển đến bãi này và nghiên cứu các phương án xả thải khác, kể cả khả năng xây dựng cơ sở xử lý phục hồi và chôn lấp ngay trong khu vực dự án.

Quản lý vật liệu nguy hại

13. Nguyên liệu nguy hại đôi khi được sử dụng làm nguyên liệu thô hoặc là sản phẩm của dự án. Khách hàng sẽ tránh được việc thải các chất ô nhiễm hoặc, khi không tránh được, giảm thiểu hoặc kiểm soát cường độ hoặc lượng thải các chất thải nguy hại. Trong bối cảnh này, các hoạt động sản xuất, vận chuyển, xử lý, lưu kho và sử dụng chất nguy hại cho các hoạt động của dự

⁵⁴ Các chất gây ô nhiễm xuyên biên giới, bao gồm cả những chất được đề cập theo Công ước về ô nhiễm không khí xuyên biên giới tầm xa.

⁵⁵ Việc này cần có sự phối hợp với cơ quan trung ương và địa phương, cộng đồng, và những đối tượng góp phần vào tình trạng nhiễm bản và đòi hỏi đánh giá phải sử dụng cách tiếp cận theo rủi ro, phù hợp với GIIP như đã được đề cập trong Hướng dẫn EHS.

⁵⁶ Như không khí, nước ngầm và nước bề mặt, và đất trồng.

⁵⁷ Khả năng của môi trường hấp thụ một lượng ngày càng lớn các chất ô nhiễm mà vẫn giữ được ở mức không gây tổn hại đến sức khỏe con người và môi trường.

⁵⁸ Được quy định trong các công ước quốc tế hoặc luật pháp địa phương.

⁵⁹ Lưu chuyển các chất thải nguy hại xuyên biên giới cần tuân thủ với luật pháp quốc gia, khu vực và quốc tế, kể cả Công ước Basel về Kiểm soát việc Lưu chuyển các Chất độc hại xuyên biên giới và Xả thải và Công ước Luân Đôn về Ngăn ngừa ô nhiễm đại dương khi xả thải và các chất khác.

án cần được đánh giá. Khách hàng sẽ xem xét thay thế các nguyên liệu ít nguy hại khi nguyên liệu nguy hại là cần thiết cho quá trình sản xuất hay các quá trình khác của dự án. Các khách hàng sẽ tránh được việc sản xuất, thương mại, và sử dụng hóa chất và các chất độc hại bị quốc tế cấm ngay hoặc hạn chế sử dụng dần dần do độc tính cao của các chất này đối với các sinh vật sống, sự tồn tại của môi trường, tiềm năng tích lũy sinh học, hoặc khả năng làm suy yếu tầng ozone⁶⁰.

Quản lý và Sử dụng Thuốc trừ sâu

14. Khách hàng sẽ, khi phù hợp, xây dựng và thực hiện cách tiếp cận quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) và/hoặc quản lý sinh vật truyền bệnh tổng hợp (IVM) đối với các hoạt động quản lý dịch hại và sinh vật gây bệnh. Chương trình IVM và IPM của khách hàng sẽ dẫn đến việc sử dụng phối hợp thông tin dịch hại và môi trường cùng với các phương pháp kiểm soát dịch hại có sẵn, bao gồm các hoạt động văn hóa, sinh học, di truyền, và như một giải pháp cuối cùng, là hóa chất để ngăn ngừa mức độ thiệt hại sâu bệnh lớn và/hoặc sự lan truyền bệnh đến con người và loài vật khác.
15. Khi hoạt động quản lý dịch hại có sử dụng thuốc trừ sâu, khách hàng sẽ lựa chọn thuốc trừ sâu ít độc tính đối với con người, mà có hiệu quả chống lại các loài vật nhắm đến, và có tác động tối thiểu lên các loài không phải mục tiêu và môi trường. Khi khách hàng lựa chọn loại thuốc trừ sâu, việc lựa chọn sẽ được dựa trên liệu thuốc bảo vệ thực vật được đóng gói trong các thùng chứa an toàn, dán nhãn rõ ràng để sử dụng an toàn và thích hợp, và đã được sản xuất bởi một nhà sản xuất đang được cơ quan chức năng có liên quan cấp phép.
16. Các khách hàng sẽ thiết kế cho chế độ sử dụng thuốc trừ sâu để (i) tránh thiệt hại cho thiên địch của các loại dịch hại/sâu bệnh mục tiêu và khi không thể tránh thì giảm thiểu; (ii) tránh các rủi ro kèm theo khi có sự kháng thuốc của sâu bệnh và mầm bệnh, và khi không thể tránh thì giảm thiểu. Ngoài ra, thuốc trừ sâu sẽ được xử lý, lưu trữ, ứng dụng, hủy phù hợp với Quy tắc Ứng xử Quốc tế của Tổ chức Nông nghiệp và Lương thực Thế giới (FAO) về Phân phối và Sử dụng Thuốc Bảo vệ Thực vật hoặc thông lệ quốc tế ngành GIIP khác.
17. Khách hàng sẽ không sử dụng các sản phẩm mà theo Khuyến nghị Phân loại Thuốc trừ sâu theo Mức độ nguy của Tổ chức Y tế Thế giới gồm nhóm Ia (cực kỳ nguy hiểm) và Ib (rất độc hại). Khách hàng sẽ không sử dụng các sản phẩm thuộc nhóm II (độc hại vừa phải), trừ phi dự án có khả năng kiểm soát tốt việc sản xuất, mua hay phân phối và/hoặc sử dụng các sản phẩm này. Không được cho phép những nhân viên chưa qua đào tạo, chưa được trang bị thiết bị và phương tiện thích hợp để xử lý, lưu trữ, áp dụng, và xử lý các sản phẩm này đúng cách tiếp cận các hóa chất này.

⁶⁰ Phù hợp với các mục tiêu của Công ước Stockholm về các chất hữu cơ ô nhiễm khó phân hủy và Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ôzôn. Các cân nhắc tương tự sẽ được áp dụng với các loại thuốc trừ sâu theo phân loại của Tổ chức Y Tế Thế giới (WHO).

TIÊU CHUẨN HOẠT ĐỘNG 4

SỨC KHỎE, AN TOÀN VÀ AN NINH CỘNG ĐỒNG

GIỚI THIỆU

1. Tiêu chuẩn hoạt động 4 thừa nhận rằng các hoạt động, thiết bị và cơ sở hạ tầng dự án cũng có thể làm tăng khả năng tiếp xúc của cộng đồng với các rủi ro và tác động liên quan. Ngoài ra, đối với các cộng đồng đã bị ảnh hưởng bởi các tác động từ biến đổi khí hậu, họ có thể sẽ cảm nhận ảnh hưởng cộng hưởng do các hoạt động của dự án. Mặc dù phải thừa nhận vai trò của cơ quan chính quyền trong việc thúc đẩy sức khỏe, an toàn và an ninh cho công chúng, Tiêu chuẩn Hoạt động này chỉ ra trách nhiệm của khách hàng trong việc tránh hoặc giảm thiểu rủi ro và tác động đến an toàn, y tế và an ninh của cộng đồng mà có thể phát sinh từ các hoạt động của dự án, đặc biệt đối với nhóm đối tượng dễ bị tổn thương.
2. Trong khu vực có xung đột và hậu xung đột, mức độ rủi ro và tác động được mô tả trong Tiêu chuẩn Hoạt động này có thể lớn hơn. Rủi ro mà một dự án có thể làm cho hiện trạng vốn đã nhạy cảm ở địa phương đó trở nên trầm trọng hơn và gây căng thẳng cho việc sử dụng các nguồn tài nguyên vốn đã khan hiếm phải được xem xét cẩn trọng vì có thể dẫn đến những xung đột lớn hơn.

MỤC TIÊU

- Để dự báo và tránh rủi ro và tác động tiêu cực đối với sức khỏe và an toàn của cộng đồng địa phương bị ảnh hưởng trong vòng đời dự án trong cả các tình huống thường xuyên và bất thường
- Để đảm bảo rằng việc bảo vệ người và tài sản được thực hiện phù hợp với các nguyên tắc về quyền con người và tránh hoặc giảm thiểu các rủi ro đối với an toàn và an ninh của cộng đồng bị ảnh hưởng.

PHẠM VI ÁP DỤNG

3. Việc áp dụng Tiêu chuẩn Hoạt động này được quy định trong quá trình đánh giá rủi ro và tác động môi trường và xã hội. Việc thực hiện các hành động cần thiết để đáp ứng các yêu cầu của Tiêu chuẩn Hoạt động này do Hệ thống Quản lý Môi trường và Xã hội của khách hàng quản lý. Các yêu cầu hệ thống quản lý và đánh giá được đề cập ở Tiêu chuẩn Hoạt động 1.
4. Tiêu chuẩn Hoạt động này giải quyết những rủi ro và tác động tiềm năng đối với cộng đồng bị ảnh hưởng từ các hoạt động của dự án. Các yêu cầu về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp đối với người lao động được đề cập tại Tiêu chuẩn Hoạt động 2, và các tiêu chuẩn môi trường để ngăn chặn tác động đến sức khỏe con người và môi trường do ô nhiễm được đề cập trong Tiêu chuẩn Hoạt động 3.

YÊU CẦU

An toàn và sức khỏe Cộng đồng

5. Các khách hàng sẽ đánh giá rủi ro và tác động đến sức khỏe và an toàn của cộng đồng bị ảnh hưởng trong suốt vòng đời của dự án và sẽ thiết lập các biện pháp phòng ngừa và kiểm soát phù hợp với thông lệ quốc tế của ngành (GIIP)⁶¹, như Hướng dẫn Môi trường, Sức khỏe và An toàn của Nhóm Ngân hàng thế giới (Hướng dẫn EHS) hay các nguồn tài liệu quốc tế khác. Khách hàng sẽ xác định các rủi ro và tác động và đưa ra các biện pháp giải quyết chúng một cách tương xứng với những rủi ro và tác động xác định. Những biện pháp này sẽ ưu tiên cho việc phòng ngừa và tránh các rủi ro và tác động hơn là giảm thiểu và giảm nhẹ.

⁶¹ Được định nghĩa là phần thực hành kỹ năng chuyên nghiệp, chăm chỉ, thận trọng và dự báo trước từ các chuyên gia giàu kinh nghiệm và lành nghề tham gia vào cùng một loại hình và thực hiện dưới cùng một hoàn cảnh trên toàn cầu hoặc trong khu vực.

Thiết kế và An toàn Cơ sở hạ tầng và Thiết bị

6. Các khách hàng sẽ thiết kế, xây dựng và vận hành và ngừng hoạt động các kết cấu hoặc bộ phận cấu thành của dự án phù hợp với thông lệ quốc tế của ngành, và sẽ xem xét cụ thể đến rủi ro an toàn cho bên thứ ba hoặc cho cộng đồng bị ảnh hưởng. Khi tòa nhà hay kết cấu mới sẽ mở cửa cho dân chúng, khách hàng cần xem xét các rủi ro lớn hơn khi dân chúng có khả năng gặp phải các tai nạn trong vận hành, và/hoặc hiểm họa tự nhiên, và tuân thủ với nguyên tắc khu vực công cộng. Các cấu trúc của dự án cần được thiết kế và xây dựng bởi những chuyên gia lành nghề, được chứng nhận và phê duyệt của cơ quan hoặc các chuyên gia có thẩm quyền. Khi các yếu tố kết cấu hoặc các bộ phận cấu thành, chẳng hạn như đập, đập chất thải, hoặc ao tro, nằm ở vị trí có nguy cơ cao, và thất bại hay sự cố của chúng có thể đe dọa sự an toàn của cộng đồng, khách hàng sẽ mời một hoặc nhiều chuyên gia có trình độ và kinh nghiệm với các dự án tương tự, độc lập với nhóm những người chịu trách nhiệm cho việc thiết kế và xây dựng, tiến hành rà soát càng sớm càng tốt trong giai đoạn phát triển dự án và trong suốt các giai đoạn thiết kế dự án, xây dựng và vận hành và tháo dỡ. Đối với các dự án vận hành các thiết bị di động trên đường công cộng và các loại hình cơ sở hạ tầng khác, khách hàng sẽ tìm cách ngăn chặn các sự cố và tai nạn liên quan đến hoạt động của thiết bị đó.

An toàn cho Vật liệu độc hại

7. Các khách hàng sẽ ngăn chặn hoặc giảm thiểu khả năng tiếp xúc của cộng đồng với các chất và vật liệu độc hại có thể sẽ xuất hiện từ dự án. Trường hợp cộng đồng (bao gồm cả người lao động và gia đình của họ) có thể sẽ phải tiếp xúc với hiểm họa, đặc biệt là hiểm họa có thể đe dọa tính mạng, khách hàng sẽ thực hiện hoạt động đặc biệt cần trọng để tránh hoặc giảm thiểu tiếp xúc của họ bằng cách thay đổi, thay thế hoặc loại bỏ điều kiện hay chất gây ra mối nguy hiểm. Trường hợp vật liệu nguy hiểm là một phần của cơ sở hạ tầng hoặc các thành phần hiện có của dự án, khách hàng sẽ đặc biệt cần trọng khi tiến hành các hoạt động ngừng hoạt động dự án để ngăn chặn việc vật liệu tiếp xúc với cộng đồng. Ngoài ra, khách hàng sẽ thực hiện các nỗ lực thương mại hợp lý để kiểm soát sự an toàn trong việc cung cấp nguyên liệu độc hại, vận chuyển và xử lý chất thải, và sẽ thực hiện các biện pháp để tránh hoặc kiểm soát việc thuốc trừ sâu tiếp xúc với cộng đồng phù hợp với các yêu cầu nêu tại Tiêu chuẩn Hoạt động 3.

Các dịch vụ của hệ sinh thái

8. Tác động trực tiếp của dự án đến các dịch vụ sinh thái ưu tiên có thể mang đến những rủi ro và tác động tiêu cực đối với sức khỏe và an toàn của cộng đồng bị ảnh hưởng. Trong Tiêu chuẩn hoạt động này, dịch vụ sinh thái được hiểu chỉ là dịch vụ cung cấp và dịch vụ điều hành đã được định nghĩa tại khoản 2 của Tiêu chuẩn hoạt động 6. Chẳng hạn, việc thay đổi cách thức sử dụng đất hay làm mất vùng đệm tự nhiên như vùng đầm lầy, rừng được, rừng trên núi để hạn chế ảnh hưởng của thiên tai như lũ lụt, lở đất và hỏa hoạn có thể làm trầm trọng hơn mức độ dễ bị tổn thương và mang lại những rủi ro và tác động tiêu cực đến sức khỏe và an toàn của cộng đồng bị ảnh hưởng. Sự thu hẹp hoặc thoái hóa các nguồn tài nguyên thiên nhiên như tác động tiêu cực đến chất lượng, số lượng và sự sẵn có của nguồn nước ngọt⁶², có thể mang lại những rủi ro và tác động tiêu cực đến sức khỏe và an toàn. Khi phù hợp và khả thi, khách hàng sẽ xác định những rủi ro này và những tác động tiềm năng lên các dịch vụ của hệ sinh thái mà có thể bị ảnh hưởng thêm từ biến đổi khí hậu. Những tác động tiêu cực cần cố tránh, trong trường hợp không thể tránh thì khách hàng phải thực hiện các biện pháp khắc phục giảm thiểu tác động theo các quy định tại khoản 24 và 25 của Tiêu chuẩn hoạt động 6. Liên quan đến việc sử dụng và mất quyền tiếp cận với các dịch vụ cung cấp của hệ sinh thái, khách hàng cần thực hiện các biện pháp giảm thiểu theo quy định tại khoản 25 đến 29 của Tiêu chuẩn hoạt động 5.

⁶² Nước ngọt là một ví dụ minh họa cho các dịch vụ cung cấp của hệ sinh thái.

Sự tiếp xúc của cộng đồng với nguồn gây bệnh

9. Các khách hàng sẽ ngăn chặn hoặc giảm thiểu nguy cơ tiếp xúc của cộng đồng với các loại bệnh từ nước, trong nước, liên quan đến nước, sinh vật truyền bệnh, và các bệnh truyền nhiễm có thể là kết quả của các hoạt động của dự án, có tính đến mức độ phơi nhiễm và mức độ nhạy cảm của các nhóm dễ bị tổn thương. Trường hợp bệnh cụ thể là đặc thù trong các cộng đồng trong vùng dự án ảnh hưởng, khách hàng được khuyến khích tìm kiếm các cơ hội, trong suốt vòng đời dự án, cải thiện điều kiện môi trường mà có thể giúp giảm tỷ lệ mắc bệnh của họ.
10. Khách hàng nên tránh hoặc giảm thiểu tình trạng lan truyền các bệnh truyền nhiễm có liên quan đến lượng lao động đến phục vụ tạm thời hay dài hạn cho dự án.

Chuẩn bị và ứng phó khẩn cấp

11. Ngoài các yêu cầu về chuẩn bị và ứng phó khẩn cấp được đề cập ở Tiêu chuẩn hoạt động 1, khách hàng cũng sẽ hỗ trợ và cộng tác với cộng đồng và các cơ quan chính quyền địa phương và các bên liên quan để chuẩn bị ứng phó hiệu quả với các tình huống khẩn cấp, đặc biệt là khi sự tham gia và hợp tác của họ là cần thiết để đối phó với các tình huống khẩn cấp như vậy. Nếu các cơ quan chính quyền địa phương có ít hoặc không có khả năng đối phó hiệu quả, khách hàng sẽ đóng một vai trò tích cực trong việc chuẩn bị và ứng phó trường hợp khẩn cấp liên quan đến dự án. Các khách hàng sẽ lưu tài liệu về sự chuẩn bị ứng phó khẩn cấp và các hoạt động đối phó, các nguồn lực, và trách nhiệm, và sẽ cung cấp những thông tin thích hợp trong Kế hoạch hành động hoặc tài liệu khác có liên quan tới các cộng đồng bị ảnh hưởng và các cơ quan chính phủ và các bên có liên quan khác.

Các yêu cầu về Nhân sự An ninh

12. Khi khách hàng trực tiếp thuê hay sử dụng nhân viên của nhà thầu để bảo vệ người và tài sản của mình, họ sẽ đánh giá rủi ro đối với những người bên trong và bên ngoài các địa điểm của dự án có thể gây ra bởi các thỏa thuận an ninh của họ. Trong khi thỏa thuận như vậy, khách hàng sẽ được hướng dẫn bởi các nguyên tắc tương xứng, thông lệ quốc tế tốt liên quan đến tuyển dụng, quy tắc ứng xử, đào tạo, trang bị và theo dõi các nhân viên này⁶³, và pháp luật hiện hành. Các khách hàng sẽ đưa ra yêu cầu hợp lý để đảm bảo rằng những nhân viên an ninh không liên quan đến các vụ việc lạm dụng trong quá khứ, sẽ đào tạo họ đầy đủ trong việc sử dụng vũ lực (và khi cần thì cả vũ khí) và cư xử thích hợp với người lao động và cộng đồng địa phương, và đòi hỏi họ phải hành động trong khuôn khổ pháp luật hiện hành. Các khách hàng sẽ không xử phạt việc sử dụng vũ lực cho mục đích phòng ngừa và tự vệ tương ứng với tính chất, mức độ của mối đe dọa. Một cơ chế khiếu nại cần được khách hàng thiết lập để cho phép các cộng đồng bị ảnh hưởng bày tỏ quan ngại về thỏa thuận an ninh và các hành vi của nhân viên an ninh.
13. Khách hàng sẽ đánh giá và lưu lại những rủi ro phát sinh từ việc sử dụng nhân viên an ninh chính phủ để cung cấp các dịch vụ an ninh cho mình. Khách hàng sẽ cần tìm cách đảm bảo nhân viên an ninh hành động phù hợp với khoản 12 trên đây, và khuyến khích các cơ quan công quyền có liên quan công bố việc thu xếp về an ninh cho các cơ sở của khách hàng đến công chúng, tùy theo mỗi quan tâm an ninh nào quan trọng hơn.
14. Các khách hàng sẽ điều tra bất kỳ cáo buộc đáng tin cậy nào về các hành vi trái pháp luật hoặc lạm dụng của các nhân viên an ninh, hành động (hoặc đơn đốc các bên thích hợp để có hành động) để ngăn ngừa tái phát, và báo cáo các hành vi bất hợp pháp và lạm dụng đến các cơ quan công quyền khi thích hợp.

⁶³ Bao gồm các thông lệ phù hợp với Quy tắc ứng xử của LHQ về các nhân viên thi hành luật và Nguyên tắc cơ bản của LHQ về việc sử dụng các lực lượng có vũ trang của các nhân viên thi hành luật.

TIÊU CHUẨN HOẠT ĐỘNG 5

THU HỒI ĐẤT VÀ TÁI ĐỊNH CƯ KHÔNG TỰ NGUYỆN

GIỚI THIỆU

1. Tiêu chuẩn hoạt động 5 thừa nhận việc thu hồi đất và hạn chế sử dụng đất có thể có những tác động tiêu cực đến cộng đồng và con người người sử dụng đất. Tái định cư không tự nguyện bao hàm dời chuyển vật lý (chuyển hoặc mất nơi trú ẩn) và dời chuyển kinh tế (mất tài sản hoặc khả năng tiếp cận tài sản dẫn đến mất nguồn thu nhập hoặc phương kế sinh nhai)⁶⁴ do thu hồi đất phục vụ dự án⁶⁵. Tái định cư được coi là không tự nguyện khi các cá nhân hoặc cộng đồng bị ảnh hưởng không có quyền từ chối việc thu hồi đất hay hạn chế về sử dụng đất mà dẫn tới việc di dời vật lý hay kinh tế. Điều này xảy ra trong các trường hợp: (i) tước đoạt quyền sở hữu hoặc hạn chế một cách hợp pháp việc sử dụng đất và ii) đàm phán tái định cư, trong đó người mua có thể tước đoạt quyền sở hữu hoặc áp đặt các hạn chế về hợp pháp trong sử dụng đất nếu đàm phán với người bán không đạt kết quả.
2. Trừ khi được quản lý tốt, tái định cư không tự nguyện có thể dẫn đến tình trạng nghèo khổ lâu dài cho người dân và cộng đồng bị ảnh hưởng, cũng như thiệt hại về môi trường và hậu quả tiêu cực về kinh tế xã hội ở các khu vực mà họ di dời. Vì những lý do đó, tái định cư không tự nguyện là việc cần tránh. Tuy nhiên, khi không thể tránh, các biện pháp thích hợp để giảm thiểu ảnh hưởng xấu lên người và cộng đồng sở tại phải di dời⁶⁶ nên được lên kế hoạch và thực hiện cẩn thận. Chính phủ thường đóng một vai trò trung tâm trong quá trình thu hồi đất và tái định cư, bao gồm cả khâu quyết định tiền bồi thường, do đó là bên thứ ba quan trọng trong nhiều tình huống. Kinh nghiệm cho thấy rằng sự tham gia trực tiếp của khách hàng trong hoạt động tái định cư có thể giúp việc triển khai các hoạt động này hiệu quả về chi phí và kịp thời, cũng như trong việc giới thiệu các tiếp cận sáng tạo để cải thiện sinh kế của những người bị ảnh hưởng bởi tái định cư.
3. Nhằm tránh tình trạng phải tước đoạt quyền sở hữu và loại bỏ sự cần thiết phải sử dụng cơ quan công quyền để cưỡng chế di dời người dân, khách hàng nên sử dụng tái định cư đàm phán mà đáp ứng được các yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động này, ngay dù họ có hỗ trợ về pháp lý để giành đất mà không cần sự đồng ý của người bán.

MỤC TIÊU

- Để tránh hoặc ít nhất là giảm thiểu việc tái định cư không tự nguyện khi có thể có những phương án thiết kế khác cho dự án.
- Tránh hoạt động cưỡng chế người dân ra khỏi đất.
- Để dự báo và tránh, hoặc nếu không tránh được thì giảm thiểu tác động xấu về xã hội và kinh tế từ việc thu hồi hay hạn chế sử dụng đất bằng cách: (i) bồi thường thiệt hại mất tài sản bằng chi phí di dời⁶⁷, và (ii) đảm bảo rằng các hoạt động tái định cư được thực hiện với việc công bố thông tin, tham vấn thích hợp, và sự tham gia có hiểu biết của những người bị ảnh hưởng.
- Để cải thiện hoặc ít nhất là phục hồi sinh kế và mức sống cho những người phải di dời.
- Để cải thiện điều kiện sống cho những người phải di dời thông qua việc cung cấp chỗ ở với đảm bảo quyền nắm giữ hợp pháp⁶⁸ tại địa điểm tái định cư.

PHẠM VI ÁP DỤNG

⁶⁴ “Phương kế sinh nhai” được hiểu là các cách mà cá nhân, gia đình, cộng đồng sử dụng để kiếm sống, chẳng hạn như làm công ăn lương, nông nghiệp, ngư nghiệp, chăn nuôi, và các phương kế sinh nhai dựa vào nguồn tài nguyên thiên nhiên khác, buôn bán lật vật, trao đổi hàng hóa.

⁶⁵ Thu hồi đất bao gồm cả việc mua sắm hoàn toàn tài sản và mua quyền tiếp cận, chẳng hạn như quyền đi lại.

⁶⁶ Cộng đồng sở tại là cộng đồng tiếp nhận những người di cư.

⁶⁷ Chi phí di dời là thường tính theo giá trị thị trường của tài sản cộng thêm chi phí giao dịch. Khi áp dụng phương pháp định giá tài sản này, thường không tính đến khấu hao tài sản. Giá trị thị trường được tính theo giá trị mà cho phép cộng đồng bị ảnh hưởng hay người dân mua tài sản thay thế với giá trị tương tự. Phương pháp định giá chi phí thay thế cần được ghi chép đầy đủ và đưa vào kế hoạch Tái định cư và/hoặc Phục hồi Phương kế sinh nhai (xem thêm khoản 18 và 25).

⁶⁸ Đảm bảo quyền nắm giữ hợp pháp là khi đảm bảo được cho những người tái định cư không bị ép di dời nhà trong thời gian đó.

4. Việc áp dụng Tiêu chuẩn Hoạt động này được quy định trong quá trình đánh giá rủi ro và tác động môi trường và xã hội. Việc thực hiện các hành động cần thiết để đáp ứng các yêu cầu của Tiêu chuẩn Hoạt động này do Hệ thống Quản lý Môi trường và Xã hội của khách hàng quản lý. Các yêu cầu hệ thống quản lý và đánh giá được đề cập ở Tiêu chuẩn Hoạt động 1.
5. Tiêu chuẩn hoạt động này áp dụng với việc di dời về vật lý và/hoặc kinh tế xuất phát từ các loại giao dịch đất đai như sau:
 - Quyền sở hữu đất và sử dụng đất có được thông qua tước đoạt hoặc các thủ tục cưỡng chế khác theo hệ thống pháp luật của nước sở tại.
 - Quyền sở hữu đất và sử dụng đất có được thông qua đàm phán tái định cư với chủ sở hữu tài sản hoặc những người có quyền lợi hợp pháp đối với đất, nếu việc thất bại trong đàm phán có thể dẫn đến việc phải tước đoạt hoặc cưỡng chế⁶⁹;
 - Những dự án mà việc hạn chế sử dụng đất và tiếp cận các nguồn tài nguyên thiên nhiên không tự nguyện làm cho một cộng đồng hay một số nhóm trong cộng đồng mất quyền tiếp cận sử dụng một số nguồn tài nguyên mà những quyền này đã được công nhận theo truyền thống⁷⁰.
 - Một số dự án đòi hỏi phải cưỡng chế di dời đối với người dân không có quyền lợi hợp pháp hay truyền thống đối với khu đất họ đang sử dụng⁷¹;
 - Hạn chế tiếp cận đất hay sử dụng các nguồn tài nguyên khác bao gồm cả tài sản của cộng đồng và tài nguyên thiên nhiên như tài nguyên thủy hải sản, các sản phẩm lâm nghiệp từ gỗ và phi gỗ, nguồn nước ngọt, thực vật, khu vực săn bắt và tập trung, các khu trồng trọt và chăn nuôi⁷².
6. Tiêu chuẩn Hoạt động này không áp dụng đối với tái định cư từ các giao dịch đất tự nguyện (tức là giao dịch thị trường mà người bán không có nghĩa vụ phải bán và người mua không thể tước đoạt quyền sở hữu hoặc thực hiện các thủ tục bắt buộc khác dựa vào hệ thống pháp luật và lực lượng công quyền nếu đàm phán thất bại). Tiêu chuẩn này không áp dụng cho những tác động đến sinh kế nếu dự án không làm thay đổi việc sử dụng đất của cộng đồng hay nhóm người bị ảnh hưởng⁷³.
7. Nếu những tác động tiêu cực của dự án lên đất, tài sản và quyền tiếp cận tài sản trở nên đáng kể ở bất kỳ giai đoạn nào của dự án, khách hàng cần xem xét áp dụng các yêu cầu của Tiêu chuẩn Hoạt động này, kể cả trường hợp không có việc thu hồi đất ban đầu nào được tính đến.

CÁC YÊU CẦU

Yêu cầu chung

Thiết kế dự án

8. Các khách hàng sẽ xem xét phương án thiết kế dự án khả thi thay thế để tránh hoặc ít nhất là giảm thiểu việc di dời về vật lý hoặc kinh tế, trong khi cân đối chi phí và lợi ích tài chính, môi trường, xã hội và đặc biệt chú trọng tác động đến người nghèo và nhóm dễ bị tổn thương.

Đền bù và Quyền lợi của những người phải di dời

9. Khi việc di dời là không thể tránh được, khách hàng sẽ bồi thường người di dời và các cộng đồng cho tài sản bị mất với toàn bộ chi phí di dời và có các trợ giúp khác⁷⁴ để họ cải thiện hoặc ít nhất

⁶⁹ Loại giao dịch này bao gồm cả quyền được công nhận theo phong tục hay truyền thống hoặc được công nhận theo luật pháp của nước sở tại. Đàm phán thường được thực hiện bởi một cơ quan nhà nước hoặc doanh nghiệp (trong một số trường hợp doanh nghiệp này có thể là do cơ quan nhà nước thuê).

⁷⁰ Trong những tình huống này, người bị ảnh hưởng thường không có quyền hợp pháp. Nguồn tài nguyên ở đây có thể là môi trường nước ngọt và môi trường biển. Tiêu chuẩn Hoạt động này cũng có thể áp dụng cho những khu vực đa dạng sinh học hay những vùng đệm được pháp luật công nhận mà khách hàng không mua lại để phục vụ dự án.

⁷¹ Mặc dù một số người không có quyền trên khu đất họ chiếm giữ, Tiêu chuẩn hoạt động này yêu cầu phải đảm bảo giữ lại, thay thế hoặc bồi thường cho những tài sản trên đất; di dời đến những địa điểm đảm bảo quyền chiếm giữ đất hợp pháp; và phương kế sinh nhai được phục hồi.

⁷² Tài sản tài nguyên thiên nhiên được đề cập trong Tiêu chuẩn hoạt động này cũng tương đương với các dịch vụ cung cấp của hệ sinh thái sẽ được mô tả trong Tiêu chuẩn hoạt động 6.

⁷³ Những tác động chung đến cộng đồng và một số nhóm người dân đã được đề cập trong Tiêu chuẩn hoạt động 1. Chẳng hạn, việc gián đoạn trong tiếp cận trữ lượng khoáng đối với người khai thác mỏ riêng lẻ được đề cập trong Tiêu chuẩn hoạt động 1

⁷⁴ Được mô tả ở khoản 19 và 26

là khôi phục lại mức sống hoặc sinh kế, theo quy định tại Tiêu chuẩn Hoạt động này. Các chuẩn đền bù phải rõ ràng và nhất quán cho tất cả các nhóm cộng đồng và người dân phải di dời. Trường hợp sinh kế của người di dời là tính theo đất⁷⁵, hoặc khi đất thuộc sở hữu tập thể, khách hàng sẽ cung cấp bồi thường theo đất, nếu có thể⁷⁶. Khách hàng chỉ sở hữu đất và các tài sản liên quan khi đã hoàn thành việc đền bù⁷⁷ và tùy trường hợp, khi các khu vực tái định cư và trợ cấp di dời được cung cấp cho đối tượng phải di dời - ngoài phần chi phí di dời đã xác định⁷⁸. Các khách hàng sẽ tạo cơ hội cho người và cộng đồng di dời để họ được hưởng lợi ích phát triển thích hợp từ dự án.

Tham vấn

10. Khách hàng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho sự tham gia của cộng đồng bị ảnh hưởng, bao gồm cả các cộng đồng sở tại theo quy trình có sự tham gia của các bên liên quan được mô tả trong Tiêu chuẩn Hoạt động 1. Quy trình ra quyết định liên quan đến tái định cư và phục hồi phương kế sinh nhai nên tính đến nhiều phương án thay thế nếu có thể. Cung cấp thông tin liên quan và sự tham gia của cộng đồng và người dân bị ảnh hưởng sẽ tiếp tục trong quá trình lập kế hoạch, thi hành, theo dõi và đánh giá việc đền bù, các hoạt động phục hồi sinh kế và tái định cư để đạt được những kết quả phù hợp với mục tiêu của Tiêu chuẩn hoạt động này⁷⁹. Một số khoản áp dụng cho việc tham vấn Thổ dân cần phù hợp với Tiêu chuẩn hoạt động 7.

Cơ chế khiếu nại

11. Khách hàng sẽ thiết lập một cơ chế khiếu nại phù hợp với yêu cầu ở Tiêu chuẩn Hoạt động 1 càng sớm càng tốt trong giai đoạn phát triển dự án. Cơ chế này giúp khách hàng tiếp nhận và giải quyết các mối quan tâm cụ thể về bồi thường và tái định cư được những người phải di dời hoặc các thành viên của cộng đồng sở tại nêu, bao gồm một cơ chế truy đòi được thiết lập để giải quyết tranh chấp không thiên vị.

Lập kế hoạch và thực hiện việc tái định cư và phục hồi phương kế sinh nhai

12. Trường hợp tái định cư không tự nguyện là không thể tránh khỏi, dù là kết quả của giải quyết bằng đàm phán hay thực hiện tước đoạt, khách hàng sẽ thực hiện một cuộc điều tra dân số với các dữ liệu kinh tế - xã hội thích hợp cơ bản để xác định những người sẽ phải di dời, để xác định ai sẽ có đủ điều kiện được bồi thường và hỗ trợ⁸⁰, và để ngăn người không đủ điều kiện, như những người “định cư cơ hội”, không được đòi bồi thường và hỗ trợ nói trên. Nếu chính phủ sở tại không có các thủ tục như vậy, khách hàng sẽ tự quy định thời hạn cuối cùng để xác minh người được bồi thường và hỗ trợ. Thông tin về ngày cuối cùng để hoàn tất việc xác minh tư cách hưởng bồi thường và hỗ trợ sẽ được làm thành tài liệu cẩn thận và thông báo rộng khắp trong toàn bộ khu vực dự án.
13. Trong trường hợp những người bị ảnh hưởng từ chối nhận khoản đền bù mà đã phù hợp với yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động này, dẫn đến việc phải tiến hành cưỡng chế hoặc các thủ tục pháp lý khác, khách hàng nên tìm cơ hội để hợp tác với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nếu được phép của cơ quan này, khách hàng sẽ đóng một vai trò tích cực trong quá trình lập kế hoạch, thực hiện và theo dõi việc tái định cư (xem thêm khoản 30-32).

⁷⁵ Thuật ngữ “phụ thuộc vào đất” bao gồm những hoạt động kiếm sống như nuôi trồng để ăn cũng như thu hoạch tài nguyên thiên nhiên.

⁷⁶ Tham khảo khoản 26 của Tiêu chuẩn Hoạt động này để biết thêm các yêu cầu cụ thể.

⁷⁷ Trong một số trường hợp có thể không khả thi để thanh toán hết tiền đền bù cho tất cả những đối tượng bị ảnh hưởng trước khi tiếp nhận đất, chẳng hạn trong trường hợp quyền sở hữu mảnh đất còn đang trong tranh chấp. Những trường hợp này cần được xác định và thỏa thuận theo tình trường hợp, và quỹ đền bù cần sẵn sàng, chẳng hạn được để trong một tài khoản bảo chứng (escrow account) trước khi diễn ra sự di dời.

⁷⁸ Trừ phi việc tái định cư cho nhà nước thực hiện và khách hàng không có ảnh hưởng trực tiếp đến thời hạn thanh toán đền bù. Những trường hợp này thường được xử lý theo khoản 27-29 của Tiêu chuẩn hoạt động này. Thanh toán đền bù chậm có thể xảy ra khi việc trả hết tiền đền bù một lần có thể làm hỏng mục tiêu xã hội và/hay mục tiêu tái định cư hoặc khi những tác động đến các hoạt động sinh kế vẫn đang diễn ra.

⁷⁹ Quá trình tham vấn cần đảm bảo có ý kiến của phụ nữ cũng như lợi ích của nhóm này được tính đến trong các hoạt động lập kế hoạch và triển khai dự án. Giải quyết những vấn đề về tác động đến sinh kế cần có những phân tích ở cấp hộ gia đình nếu phương thức kiếm sống của phụ nữ và nam giới trong một gia đình có thể bị ảnh hưởng khác nhau. Mong muốn của nhóm phụ nữ và nam giới đối với các vấn đề như cơ chế đền bù, đền bù hiện vật thay vì tiền cũng nên được xem xét.

⁸⁰ Giấy tờ sở hữu hay các giấy tờ liên quan đến đền bù cần được phát hành dưới tên của cả hai vợ chồng hoặc chủ hộ, và các trợ giúp khác về tái định cư như đào tạo tay nghề, tiếp cận tín dụng và cơ hội việc làm cũng cần được cung cấp cho cả nhóm nữ và điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu của họ. Nếu pháp luật quốc gia và hệ thống sở hữu đất đai không công nhận quyền của phụ nữ trong việc nắm giữ hay giao dịch bất động sản, nên xem xét các biện pháp để phụ nữ được bảo vệ đến mức tối đa với mục tiêu có được cơ hội bình đẳng với nhóm nam giới.

14. Khách hàng sẽ thiết lập quy trình để theo dõi và đánh giá việc thực hiện Kế hoạch hành động tái định cư hay Kế hoạch Phục hồi sinh kế (xem thêm khoản 19 và 25) và thực hiện các biện pháp sửa chữa khi cần thiết. Mức độ theo dõi cần tương xứng với rủi ro và tác động của dự án. Đối với những dự án có rủi ro cao về tái định cư không tự nguyện, khách hàng có thể thuê chuyên gia về tái định cư chuyên nghiệp tư vấn về việc tuân thủ với Tiêu chuẩn Hoạt động này và cũng đánh giá lại những thông tin theo dõi của khách hàng. Những đối tượng bị ảnh hưởng cần được tham vấn trong quá trình theo dõi.
15. Thực hiện Kế hoạch hành động tái định cư hay Kế hoạch Phục hồi sinh kế được coi là hoàn thành khi các tác động tiêu cực của tái định cư được giải quyết theo cách phù hợp với kế hoạch liên quan và với mục tiêu của Tiêu chuẩn Hoạt động này. Khách hàng cũng cần thuê thực hiện một kiểm toán độc lập về việc hoàn thành của Kế hoạch hành động tái định cư hay Kế hoạch Phục hồi sinh kế để đánh giá liệu các điều khoản của kế hoạch có thực hiện được hết không, phụ thuộc vào quy mô và/ hoặc tính hợp phức tạp của việc di dời vật lý và kinh tế liên quan đến dự án. Kiểm toán hoàn thành này nên được thực hiện khi tất cả các biện pháp khắc phục giảm thiểu đã được hoàn thành và khi mà đối tượng di dời được cho là đã được cung cấp cơ hội và trợ giúp đầy đủ để phục hồi kế sinh kế. Kiểm toán hoàn thành nên do chuyên gia tái định cư chuyên nghiệp thực hiện sau khi thời hạn theo dõi thỏa thuận kết thúc. Kiểm toán hoàn thành cần bao gồm, tối thiểu là việc rà soát tổng thể các biện pháp khắc phục do khách hàng thực hiện, so sánh các kết quả thực hiện với mục tiêu đặt ra và kết luận xem thời hạn theo dõi đã kết thúc chưa⁸¹.
16. Trong trường hợp bản chất hay quy mô của việc thu hồi đất hay hạn chế sử dụng đất liên quan đến dự án mà có thể dẫn đến di dời vật lý và/hoặc kinh tế chưa thể xác định được do giai đoạn phát triển của dự án, khách hàng sẽ xây dựng Kế hoạch khung Tái định cư và/hoặc Phục hồi Sinh kế phác thảo những nguyên tắc chung tương ứng với Tiêu chuẩn Hoạt động này. Khi các cấu phần cụ thể của dự án được xây dựng cụ thể và thông tin cần thiết đã có, thì Kế hoạch Khung có thể được cụ thể hóa thành Kế hoạch hành động tái định cư hay kế hoạch Phục hồi sinh kế và các quy trình tương ứng với khoản 19 và 25 trước đây.

Di dời

17. Người di dời có thể được phân nhóm thành: (i) những người có quyền pháp lý chính thức với khu đất và tài sản họ đang chiếm hữu hoặc sử dụng, (ii) những người không có quyền pháp lý chính thức với đất và tài sản, nhưng có chủ quyền trên khu đất họ đang chiếm giữ được công nhận hay coi như được công nhận theo luật quốc gia⁸²; hoặc (iii) những người đã không có quyền được công nhận nhận hợp pháp và cũng không có tuyên bố chủ quyền với phần đất họ sử dụng. Cuộc điều tra dân số sẽ phân nhóm những người di dời.
18. Việc thu hồi đất cho dự án có thể sẽ dẫn tới việc di dời về vật lý và kinh tế của người dân. Do đó, các yêu cầu của Tiêu chuẩn Hoạt động này đối với việc di dời cả về kinh tế và vật lý có thể sẽ được áp dụng đồng thời⁸³.

Di dời vật lý

19. Trong trường hợp di dời vật lý, khách hàng sẽ xây dựng Kế hoạch hành động tái định cư cung cấp, ở mức tối thiểu, những yêu cầu áp dụng Tiêu chuẩn Hoạt động này cho dù số người bị ảnh hưởng là bao nhiêu. Kế hoạch này cần bao gồm khoản đền bù toàn bộ chi phí di dời cho đất và tài sản bị mất. Kế hoạch sẽ được thiết kế để khắc phục những tác động tiêu cực của di dời; xác định cơ hội phát triển; thiết lập ngân sách và lộ trình tái định cư; và thiết lập quyền lợi và sự hỗ trợ đối với các nhóm đối tượng di dời (kể cả cộng đồng sở tại). Cần đặc biệt chú ý đến nhu cầu của đối tượng nghèo và dễ tổn thương. Khách hàng cũng sẽ lưu lại đầy đủ các giao dịch mua quyền sở hữu đất cũng như các biện pháp đền bù và hoạt động di dời.

⁸¹ Kiểm toán hoàn thành Kế hoạch hành động tái định cư hay Kế hoạch Phục hồi sinh kế cần được chuyên gia tái định cư độc lập thực hiện khi thời hạn theo dõi theo thỏa thuận kết thúc và nên là một đánh giá sâu hơn mức bình thường về các hoạt động theo dõi quá trình tái định cư, ít nhất cũng phải gồm có một rà soát về tất cả những biện pháp khắc phục liên quan đến di dời vật lý và/hoặc kinh tế do khách hàng thực hiện, so sánh các kết quả thực hiện với mục tiêu đặt ra và kết luận xem thời hạn theo dõi đã kết thúc chưa, và nếu cần thiết, một kế hoạch hành động sửa chữa liệt kê những hành động còn tồn đọng cần thực hiện để đạt được mục tiêu đề ra.

⁸² Những quyền này có thể xuất phát từ việc sở hữu bất hợp pháp hoặc từ tập quán pháp hay phong tục pháp

⁸³ Trong trường hợp dự án yêu cầu phải có di dời cả vật lý và kinh tế, các yêu cầu của khoản 25 và 26 (về di dời kinh tế) cần được đưa vào Kế hoạch Hành động hay Kế hoạch khung về tái định cư (tức là không cần tách biệt Kế hoạch hành động tái định cư hay Kế hoạch Phục hồi kinh tế).

20. Nếu những người sống trong vùng dự án phải di chuyển đến một vị trí khác, khách hàng sẽ: (i) đưa ra các lựa chọn di dời khả thi cho người tái định cư, bao gồm nhà ở thay thế phù hợp và các khoản bồi thường bằng tiền mặt thích hợp; and (ii) cung cấp hỗ trợ tái định cư phù hợp với nhu cầu của từng nhóm đối tượng bị di dời. Nơi ở mới dành cho đối tượng bị di dời phải đảm bảo các điều kiện sống tốt hơn. Cần cân nhắc đến những mong muốn của người bị di dời về việc được chuyển đến những nơi ở mới đã có sẵn các cộng đồng và nhóm dân cư. Những thể chế về văn hóa và xã hội đang tồn tại của đối tượng bị di dời hoặc cộng đồng sở tại cần được tôn trọng.
21. Trong trường hợp xảy ra sự di dời vật lý như được đề cập trong khoản 17 (i) hoặc (ii), khách hàng sẽ đưa ra các đề nghị lựa chọn tài sản thay thế ở mức giá trị tương đương hoặc cao hơn, sự đảm bảo quyền tiếp tục được thuê, có đặc tính tương đương hoặc tốt hơn và có lợi thế vị trí thuận lợi hơn hoặc đền bù bằng tiền mặt cho toàn bộ việc di dời ở những khâu hợp lý. Bồi thường bằng vật chất cũng có thể được xem xét thay vì bồi thường bằng tiền mặt. Các mức bồi thường bằng tiền mặt phải đầy đủ để thay thế sự mất mát về đất đai hoặc các tài sản khác với toàn bộ chi phí tái định cư theo giá thị trường⁸⁴.
22. Trong trường hợp xảy ra sự di dời vật lý như được đề cập trong khoản 17 (iii), khách hàng sẽ đưa ra đề cho họ các tùy chọn về nhà ở với quyền đầy đủ để họ có thể tái định cư một cách hợp pháp và không phải đối mặt với những rủi ro bị cưỡng chế rời khỏi đó. Trường hợp đối tượng bị di dời sở hữu và sử dụng hạ tầng, khách hàng sẽ đền bù họ cho sự mất mát các tài sản khác ngoài đất, chẳng hạn như nhà ở và các đầu tư khác trên đất, với toàn bộ chi phí di dời, miễn là những người phải di dời này đã sử dụng khu đất dành cho dự án trước hạn cuối cùng để xác minh họ đủ điều kiện. Dựa trên cơ sở tham vấn đối với những đối tượng bị di dời này, khách hàng sẽ cung cấp đầy đủ các hỗ trợ về di dời cho họ để khôi phục mức sống của họ tại địa điểm tái định cư⁸⁵.
23. Khách hàng không cần phải đền bù hoặc hỗ trợ những cá nhân mà lấn chiếm đất của khu vực dự án sau thời hạn cuối cùng đăng ký đủ điều kiện đền bù, miễn là thời hạn đã được thiết lập rõ ràng và công khai.
24. Cưỡng chế thu hồi đất⁸⁶ sẽ không được xảy ra trừ khi nó tuân theo luật pháp quốc gia và những yêu cầu có trong Tiêu chuẩn Hoạt động này.

Di dời kinh tế

25. Trong trường hợp chỉ diễn ra sự di dời kinh tế, khách hàng sẽ xây dựng Kế hoạch phục hồi sinh kế để đền bù cho các đối tượng và/hoặc các cộng đồng chịu ảnh hưởng và đưa ra các hỗ trợ cần thiết khác để đạt được những mục tiêu của Tiêu chuẩn Hoạt động này. Kế hoạch phục hồi sinh kế sẽ thiết lập các quyền lợi của đối tượng và/hoặc cộng đồng chịu ảnh hưởng và sẽ đảm bảo rằng mọi sự cung cấp này đều theo một cách minh bạch, thống nhất và công bằng. Sự giảm thiểu tác động do sự di dời kinh tế sẽ được coi như là hoàn thành khi những đối tượng hoặc cộng đồng chịu ảnh hưởng đã nhận được đền bù và các hỗ trợ khác theo đúng yêu cầu của Kế hoạch phục hồi sinh kế và Tiêu chuẩn Hoạt động này, và được xem là đã cung cấp đầy đủ các cơ hội để tái thiết lập phương thức kiếm sống của họ.
26. Nếu sự thu hồi đất hoặc hạn chế sử dụng đất dẫn đến kết quả phải di dời kinh tế được hiểu như việc mất mát tài sản và/hoặc làm mất sinh kế, kể cả là có xảy ra sự di dời vật lý hay không, khách hàng sẽ phải tuân theo các yêu cầu tại khoản 27-29 dưới đây khi phù hợp.

⁸⁴ Chi trả bồi thường bằng tiền mặt cho tài sản có thể phù hợp với (i) sinh kế không dựa trên đất; (ii) sinh kế có dựa trên đất nhưng bị lấy do dự án là một phần nhỏ của toàn bộ tài sản bị ảnh hưởng và đất thổ cư còn lại vẫn có thể sinh lợi; hoặc (iii) hiện đã hoạt động thị trường về đất đai, nhà ở và lao động, người bị di dời sử dụng những thị trường đó, và có sự cung ứng đầy đủ về đất và nhà ở.

⁸⁵ Tái định cư cho những đối tượng di dời không chính thức tại các khu vực đô thị thường liên quan đến đánh đổi. Chẳng hạn, việc tái định cư các gia đình có thể có được quyền hợp pháp với mảnh đất tái định cư thì có thể phải chịu bất lợi về địa điểm. Những sự thay đổi khu vực sinh sống có thể gây ra ảnh hưởng đến sinh kế cần được giải quyết theo các nguyên tắc của Tiêu chuẩn Hoạt động này (xem cụ thể tại khoản 25).

⁸⁶ Sự di dời vĩnh viễn hoặc tạm thời không phù hợp với ý nguyện của cá nhân, gia đình, và/hoặc cộng đồng từ nhà và và/hoặc các khu đất mà họ sử dụng mà không cung cấp hay cho tiếp cận một hình thức bảo hộ pháp lý và các hình thức bảo hộ khác.

27. Sự di dời kinh tế đối với những người phải đối mặt với sự mất mát tài sản hoặc mất quyền tiếp cận với tài sản sẽ phải nhận được đền bù cho toàn bộ chi phí di dời.
- Trong trường hợp mà việc thu hồi đất hoặc hạn chế sử dụng đất ảnh hưởng đến các cấu trúc thương mại, ảnh hưởng đến kinh doanh của các chủ sở hữu sẽ được đền bù cho chi phí tái thiết lập các hoạt động thương mại, cho thu nhập ròng trong suốt thời gian diễn ra sự chuyển đổi, và cho các chi phí vận chuyển và lắp đặt lại nhà xưởng, máy móc hoặc các thiết bị khác.
 - Trong trường hợp ảnh hưởng đến những người dân có quyền hoặc tuyên bố sở hữu hợp pháp được công nhận hoặc không được công nhận bởi luật quốc gia (xem khoản 17 (i) và (ii)), cung cấp tài sản thay thế (ví dụ như các khu vực nông nghiệp hoặc địa điểm thương mại) có giá trị bằng hoặc lớn hơn hoặc bồi thời thường bằng tiền mặt theo toàn bộ chi phí tái định cư nếu phù hợp.
 - Di dời vật lý với những đối tượng không có quyền hợp pháp đối với đất (xem khoản 17 (iii)) sẽ được đền bù tài cho sản khác đất bị mất mát (ví dụ như cây trồng, hạ tầng thủy lợi hoặc các đầu tư khác đã làm trên đất) cho toàn bộ chi phí di dời. Khách hàng không phải đền bù hay hỗ trợ cho những kẻ tái định cư cơ hội mà lấn chiếm đất của khu vực dự án sau khi kết thúc thời hạn đăng ký đủ điều kiện đền bù.
28. Bên cạnh sự đền bù cho các tài sản bị mất mát (nếu có), như các yêu cầu theo khoản 27, những người phải di dời kinh tế mà có sinh kế hoặc mức thu nhập bị ảnh hưởng bất lợi sẽ được cung cấp các cơ hội để cải thiện (hoặc ít nhất là phục hồi) phương tiện kiếm sống, khả năng sản xuất và mức sống của họ:
- Cho những cá nhân mà sinh kế của họ dựa vào đất, sự thay thế đất nơi có sự kết hợp của tiềm năng sản xuất, lợi thế về vị trí và các yếu tố khác ít nhất tương đương với những gì bị mất đi là vấn đề nên được ưu tiên hàng đầu.
 - Cho những cá nhân mà có sinh kế dựa vào các nguồn tài nguyên thiên nhiên và khi trường hợp những sự hạn chế về quyền tiếp cận liên quan đến dự án áp dụng theo khoản 5, các kế hoạch khắc phục sẽ được triển khai để họ vẫn có thể tiếp cận được với các nguồn tài nguyên bị ảnh hưởng đó hoặc cung cấp sự tiếp cận đến các nguồn tài nguyên thay thế với khả năng kiếm sống tương đương. Khi phù hợp, các lợi ích và đền bù liên quan đến sử dụng các nguồn tài nguyên có thể thuộc về tập thể hơn là trực tiếp cho cá nhân hay hộ gia đình.
 - Nếu do hoàn cảnh khiến khách hàng không thể cung cấp đất hoặc tài nguyên tương tự để đền bù như đã mô tả ở trên, thì phải cung cấp các cơ hội tạo thu nhập thay thế, chẳng hạn như là tín dụng, đào tạo, tiền mặt hoặc cơ hội việc làm. Chi bồi thường bằng tiền mặt thì thường sẽ không đem lại hiệu quả cho việc phục hồi sinh kế người dân.
29. Phải cung cấp hỗ trợ chuyển đổi cho tất cả các đối tượng bị di dời kinh tế, dựa trên cơ sở ước tính chính xác khoảng thời gian cần thiết để có thể phục hồi khả năng kiếm thu nhập, mức độ sản xuất và mức sống của họ.

Trách nhiệm của nhà nước trong công tác tái định cư

30. Khi trường hợp thu hồi đất và tái định cư thuộc về nhà nước, khách hàng sẽ hợp tác với cơ quan nhà nước có trách nhiệm, trong phạm vi được cơ quan nhà nước cho phép, để đạt được những kết quả phù hợp với Tiêu chuẩn Hoạt động này. Ngoài ra, trong trường hợp khả năng của cơ quan nhà nước có hạn, khách hàng sẽ đóng vai trò tích cực trong suốt quá trình lập kế hoạch, thực hiện và giám sát như những gì mô tả dưới đây.
31. Trong trường hợp thu hồi quyền sử dụng đất thông qua việc bắt buộc hoặc thương lượng có liên quan đến di dời vật lý, khách hàng sẽ xác định và mô tả⁸⁷ các giải pháp tái định cư của cơ quan nhà nước. Nếu các giải pháp này không đáp ứng được các yêu cầu của Tiêu chuẩn Hoạt động này, khách hàng sẽ phải xây dựng một Kế hoạch tái định cư bổ sung, cùng với các văn

⁸⁷ Các văn bản pháp lý phù hợp của cơ quan nhà nước có thể được sử dụng để xác định các giải pháp.

bản pháp lý đã được xây dựng bởi cơ quan nhà nước sẽ thì sẽ đáp ứng được các yêu cầu liên quan của Tiêu chuẩn Hoạt động này (các Yêu cầu chung và yêu cầu cho việc di dời vật lý và di dời kinh tế được nêu ở phía trên). Khách hàng sẽ cần đưa vào trong Kế hoạch tái định cư bổ sung của mình, tối thiểu các thông tin: (i) nhận diện các đối tượng chịu ảnh hưởng và các tác động; (ii) mô tả chi tiết các hoạt động được quy định, bao gồm cả các quyền lợi của đối tượng bị di dời theo quy định của luật quốc gia; (iii) các giải pháp bổ sung để đạt được những yêu cầu của Tiêu chuẩn Hoạt động này như được mô tả tại khoản 19-29 mà được cho phép bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền và lịch trình hoàn thành; và (iv) vấn đề tài chính và các trách nhiệm hoàn thành của bên vay trong việc chấp hành Kế hoạch tái định cư bổ sung này.

32. Trong trường hợp dự án chỉ liên quan đến di dời kinh tế, khách hàng sẽ xác định và mô tả các giải pháp mà cơ quan quản lý nhà nước có kế hoạch sử dụng để đền bù cho các cộng đồng và các nhân bị ảnh hưởng. Nếu những giải pháp này không đáp ứng được các yêu cầu theo Tiêu chuẩn Hoạt động này, khách hàng sẽ xây dựng một Kế hoạch hành động môi trường xã hội để bổ sung cho các biện pháp của cơ quan nhà nước. Kế hoạch này có thể bổ sung thêm các đền bù cho sự mất mát tài sản và bổ sung thêm các nỗ lực nhằm phục hồi sinh kế bị mất nếu thích hợp.

TIÊU CHUẨN HOẠT ĐỘNG 6

BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC VÀ QUẢN LÝ NGUỒN

TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN BỀN VỮNG

GIỚI THIỆU

1. Tiêu chuẩn Hoạt động 6 thừa nhận rằng bảo vệ và bảo tồn đa dạng sinh học, duy trì các dịch vụ của hệ sinh thái và quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên bền vững là vấn đề quan trọng của phát triển bền vững. Những yêu cầu đặt ra trong Tiêu chuẩn hoạt động này chủ yếu dựa vào Công ước về Đa dạng Sinh học, trong đó đa dạng sinh học được định nghĩa là sự đa dạng của cuộc sống trong mọi hình thức, bao gồm giữa các sinh vật sống ở tất cả mọi nơi, bao gồm: các hệ sinh thái trên cạn, sinh thái trong đại dương và các hệ sinh thái thủy vực khác, cũng như các phức hệ sinh thái mà các sinh vật là một thành phần trong đó; đa dạng sinh học có thể gồm cả đa dạng trong cùng một loài, giữa các loài và của các hệ sinh thái.
2. Các dịch vụ của hệ sinh thái là những lợi ích mà con người, kể cả doanh nghiệp, có được từ hệ sinh thái. Dịch vụ hệ sinh thái được chia làm bốn loại: (i) dịch vụ cung cấp, là những sản phẩm con người có được từ hệ sinh thái; (ii) dịch vụ điều hành, là những lợi ích con người có được từ những quy định về quy trình của hệ sinh thái; (iii) dịch vụ văn hóa, là những lợi ích phi vật chất con người có được từ hệ sinh thái; và (iv) dịch vụ hỗ trợ, là những quy trình tự nhiên để duy trì các dịch vụ khác⁸⁸.
3. Các dịch vụ của hệ sinh thái mà con người cần thường được củng cố bởi đa dạng sinh học. Tác động lên đa dạng sinh học do đó có thể ảnh hưởng tiêu cực đến việc cung ứng các dịch vụ của hệ sinh thái. Tiêu chuẩn hoạt động này sẽ phản ánh cách thức khách hàng có thể quản lý và khắc phục các tác động đến đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái một cách bền vững trong suốt vòng đời dự án.

MỤC TIÊU

- Để bảo vệ và bảo tồn sự đa dạng sinh học.
- Để duy trì các lợi ích của dịch vụ hệ sinh thái.
- Để thúc đẩy việc quản lý và sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên thông qua việc áp dụng các hoạt động thực tiễn tích hợp các nhu cầu bảo tồn và ưu tiên phát triển.

PHẠM VI ÁP DỤNG

4. Việc áp dụng Tiêu chuẩn hoạt động này được quy định trong quá trình đánh giá rủi ro và tác động môi trường và xã hội. Việc thực hiện các hành động cần thiết để đáp ứng các yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động này do Hệ thống Quản lý Môi trường và Xã hội của khách hàng quản lý. Các yêu cầu hệ thống quản lý và đánh giá được đề cập tại Tiêu chuẩn hoạt động 1.
5. Dựa trên quá trình đánh giá rủi ro và tác động, các yêu cầu của Tiêu chuẩn Hoạt động này được áp dụng cho các dự án (i) được đặt ở môi trường sống điều chỉnh, tự nhiên và quan trọng; (ii) có tác động tiềm năng đến hoặc phụ thuộc vào các dịch vụ hệ sinh thái mà khách hàng có quyền kiểm soát trực tiếp hay có ảnh hưởng có ý nghĩa; hoặc (iii) những dự án có sản xuất từ các nguồn tài nguyên thiên nhiên (như nông nghiệp, chăn nuôi, đánh bắt và lâm nghiệp).

YÊU CẦU

Yêu cầu chung

6. Quá trình đánh giá rủi ro và tác động được quy định trong Tiêu chuẩn hoạt động 1 nên xem xét các tác động mà dự án có thể có trực tiếp và gián tiếp lên đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái cũng như xác định các ảnh hưởng để lại mà có ý nghĩa. Quá trình này sẽ xem xét

⁸⁸ Ví dụ như (i) dịch vụ cung cấp: thức ăn, nước ngọt, gỗ, vật liệu sợi, thực vật làm thuốc; (ii) dịch vụ điều hành: làm tinh khiết nước bề mặt, dự trữ và cô lập carbon, các quy định của khí hậu, bảo vệ khỏi các thiên tai; (iii) dịch vụ văn hóa: các khu vực tự nhiên như khu vực linh thiêng, khu vực có ý nghĩa giải trí và thưởng thức thẩm mỹ; và (iv) dịch vụ hỗ trợ: tạo đất, quay vòng chất dinh dưỡng và sản xuất cơ bản.

những mối đe dọa liên quan đến đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái, đặc biệt tập trung vào những tổn thất của môi trường sống, sự suy thoái và sự phân rã, các loài sinh vật ngoại lai xâm nhập, khai thác quá mức, thay đổi thủy văn, sức tải chất dinh dưỡng và ô nhiễm. Quá trình này cũng cần tính đến các giá trị thay đổi gắn liền với đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái của cộng đồng bị ảnh hưởng và khi phù hợp của các đối tượng liên quan khác. Khi khoản 13-19 được áp dụng, khách hàng nên xem xét các tác động đến các vùng đất và biển bị ảnh hưởng.

7. Về mặt ưu tiên, khách hàng nên tránh những tác động đến đa dạng sinh học hay dịch vụ của hệ sinh thái. Nếu không thể tránh, các biện pháp giảm thiểu tác động và khôi phục đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái cần được triển khai. Do sự phức tạp trong dự báo những tác động của dự án lên đa dạng sinh học hay dịch vụ của hệ sinh thái, khách hàng nên thực hiện chiến lược quản lý thích nghi trong đó các biện pháp khắc phục và quản lý có thể phản ứng nhanh với những điều kiện thay đổi và những kết quả theo dõi trong suốt vòng đời dự án.
8. Khi các khoản 13-15 cần được áp dụng, khách hàng nên thuê chuyên gia để hỗ trợ thực hiện quá trình đánh giá rủi ro và tác động. Khi khoản 16-19 cần được áp dụng, khách hàng nên thuê chuyên gia độc lập với kinh nghiệm phù hợp ở cấp độ vùng để hỗ trợ xây dựng hệ thống phân cấp để tuân thủ với Tiêu chuẩn hoạt động này và rà soát việc triển khai các biện pháp đó.

Bảo vệ và Bảo tồn Đa dạng sinh học

9. Môi trường sống được định nghĩa một đơn vị địa lý trên cạn, nước ngọt hay nước mặn hay đường không hỗ trợ việc nhóm họp của các sinh vật và tương tác của chúng với môi trường vô tri. Với mục đích thực hiện Tiêu chuẩn Hoạt động này, môi trường sống được chia thành môi trường điều chỉnh, tự nhiên và quan trọng. Môi trường sống quan trọng là một bộ phận của môi trường sống điều chỉnh và tự nhiên.
10. Để bảo vệ và bảo tồn đa dạng sinh học, hệ thống phân cấp phải gồm các bù đắp đa dạng sinh học, sau khi các biện pháp phòng tránh, giảm thiểu và khôi phục đã được áp dụng⁸⁹. Biện pháp bù đắp đa dạng sinh học cần được thiết kế và triển khai để đạt được những thành quả bảo tồn có thể đo đạc được⁹⁰, mà kết quả cuối cùng là không có tổn thất tịnh hay tốt hơn là mang lại lợi ích tịnh về đa dạng sinh học; tuy nhiên lợi ích tịnh là bắt buộc đối với môi trường sống quan trọng. Thiết kế của một biện pháp bù đắp đa dạng sinh học cần tuân thủ nguyên tắc “tương đương hoặc tốt hơn”⁹¹ và cần được thực hiện trên cơ sở có nguồn thông tin tốt nhất và các thông lệ tốt nhất. Khi một khách hàng đang xem xét xây dựng một biện pháp bù đắp trong chiến lược khắc phục của mình, khách hàng nên mời các chuyên gia độc lập có kiến thức chuyên môn về thiết kế và triển khai các biện pháp bù đắp tham gia vào quá trình này.

Môi trường sống điều chỉnh

11. Môi trường sống điều chỉnh là khu vực có một lượng lớn các loài thực vật và/hoặc động vật không có nguồn gốc bản xứ (ngoại lai) và/hoặc các hoạt động của con người làm thay đổi đáng kể chức năng sinh thái cơ bản và cấu trúc loài của khu vực đó⁹². Môi trường sống điều chỉnh bao gồm những khu vực phục vụ nông nghiệp, trồng rừng, vùng ven biển và đầm lầy được cải tạo/khai hoang⁹³.

⁸⁹ Bù đắp đa dạng sinh học là những thành quả bảo tồn có thể đo đạc được từ các hành động/biện pháp được thiết kế để bồi hoàn những tác động tiêu cực đến đa dạng sinh học phát sinh do sự phát triển của dự án và tồn tại ngay cả khi các biện pháp phòng tránh, giảm thiểu và khôi phục phù hợp đã được áp dụng.

⁹⁰ Những thành quả bảo tồn có thể đo đạc được đối với đa dạng sinh học cần được thể hiện tại chỗ và trên một phạm vi địa lý thích hợp (ví dụ như địa phương, một khu đất, quốc gia, vùng)

⁹¹ Nguyên tắc “tương đương hoặc tốt hơn” để chỉ các bù đắp đa dạng sinh học cần được thiết kế để bảo tồn các giá trị đa dạng sinh học tương tự đã bị ảnh hưởng của dự án (gọi là bù đắp “tương đương” – “in-kind” offset). Tuy nhiên, trong một số tình huống cụ thể, các khu vực đa dạng sinh học bị ảnh hưởng của dự án có thể không phải là ưu tiên của quốc gia hay của địa phương, và có những khu vực đa dạng sinh học khác với giá trị tương đương lại cần được ưu tiên hơn để bảo tồn và sử dụng bền vững, và đang có nguy cơ cao hoặc cần phải được bảo vệ hay quản lý hiệu quả ngay. Trong những tình huống đó, nên xem xét các biện pháp bù đắp khác (“out-of-kind” offset) như trao đổi giá cao (khi các mục tiêu bù đắp các đa dạng sinh học đang được ưu tiên hơn so với những đa dạng sinh học bị ảnh hưởng của dự án) mà đối với môi trường sống quan trọng thì cần đáp ứng các yêu cầu ở khoản 17 của Tiêu chuẩn hoạt động này.

⁹² Môi trường này không tính đến môi trường sống đã được thay đổi trong khuôn khổ dự trù của dự án.

⁹³ Cải tạo/khai hoang trong ngữ cảnh này là quá trình tạo một vùng đất mới từ biển hay các vùng nước khác để phục vụ sản xuất.

12. Tiêu chuẩn hoạt động này áp dụng cho những khu vực môi trường sống điều chỉnh có giá trị đa dạng sinh học đáng kể được xác định trong quá trình đánh giá rủi ro và tác động theo Tiêu chuẩn hoạt động 1. Khách hàng nên giảm thiểu tác động đến loại đa dạng sinh học này và triển khai các biện pháp khắc phục khi phù hợp.

Môi trường sống tự nhiên

13. Môi trường sống tự nhiên là nơi tập hợp những loại thực vật và/hoặc động vật bản xứ và/hoặc các hoạt động của con người không làm thay đổi cơ bản chức năng sinh thái cơ bản và cấu trúc loài của khu vực đó.
14. Khách hàng được coi là không làm thay đổi hay suy thoái⁹⁴ môi trường sống tự nhiên một cách đáng kể nếu không xảy ra tất cả những tình trạng sau:
- Không có biện pháp thay thế khả thi nào trong vùng để có thể phát triển dự án ở môi trường sống điều chỉnh;
 - Tham vấn có ý kiến của các bên liên quan, kể cả cộng đồng bị ảnh hưởng, về mức độ chuyển đổi và suy thoái⁹⁵;
 - Bất kỳ sự chuyển đổi hay suy thoái nào đã được giải quyết theo hệ thống phân cấp.
15. Trong các khu vực môi trường sống tự nhiên, các biện pháp giảm nhẹ khi có thể sẽ được thiết kế để đa dạng sinh học không bị giảm đi⁹⁶. Các biện pháp thích hợp chẳng hạn như:
- Tránh những tác động lên đa dạng sinh học qua quá trình xác định và bảo hộ nguồn dự trữ⁹⁷;
 - Thực hiện các biện pháp giảm thiểu sự phân rã môi trường sống như hành lang sinh vật;
 - Phục hồi môi trường sống sau quá trình hoạt động;
 - Thực hiện các bù đắp đa dạng sinh học.

Môi trường sống quan trọng

16. Môi trường sống quan trọng là những khu vực có giá trị đa dạng sinh học cao, bao gồm (i) môi trường sống cần thiết cho sự sống còn của các loài bị đe dọa hoặc có nguy cơ tuyệt chủng⁹⁸, (ii) các khu vực có ý nghĩa đặc biệt đối với các loài đặc hữu hoặc bị hạn chế tầm; (iii) những nơi rất quan trọng toàn cầu cho sự sống còn của các loài di cư và/hoặc loài bầy đàn, (iv) khu vực có tập hợp các hệ sinh thái đang bị đe dọa hay độc đáo; và/hoặc (v) các khu vực liên quan đến các quá trình tiến hóa.
17. Ở những môi trường sống quan trọng, khách hàng sẽ không triển khai hoạt động dự án, trừ phi tất cả các điều kiện sau đây được thỏa mãn:
- Không có biện pháp thay thế khả thi nào trong vùng để có thể phát triển dự án ở môi trường sống điều chỉnh hay tự nhiên mà không phải môi trường sống quan trọng;

⁹⁴ Chuyển đổi hay suy thoái đáng kể là (i) loại bỏ hoặc giảm đáng kể tình trạng của một môi trường sống do những thay đổi lâu dài và/hoặc lớn trong sử dụng đất và nước; hoặc (ii) thay đổi mà giảm thiểu khả năng môi trường sống để duy trì dân số các loài bản địa,

⁹⁵ Được thực hiện trong quá trình tham vấn lấy ý kiến các bên liên quan theo Tiêu chuẩn hoạt động 1.

⁹⁶ Không có tổn thất tịnh được hiểu là ở điểm mà tác động của dự án lên đa dạng sinh học được cân bằng bởi các biện pháp tránh và giảm thiểu tác động của dự án, phục hồi tại chỗ và cuối cùng bù đắp lại những hậu quả để lại nếu có ở một phạm vi địa lý phù hợp (ví dụ như địa phương, một khu đất, quốc gia, vùng).

⁹⁷ Dự trữ là những vùng đất trong khuôn khổ dự án hay những khu vực mà khách hàng có quyền kiểm soát và được loại trừ khỏi quá trình phát triển của dự án và được dùng để thực hiện các biện pháp tăng cường bảo tồn. Dự trữ có thể có những giá trị đa dạng sinh học có ý nghĩa và/hoặc cung cấp dịch vụ hệ sinh thái quan trọng ở cấp địa phương, quốc gia, và/hoặc vùng. Dự trữ nên được định nghĩa theo phương pháp luận được quốc tế công nhận (ví dụ Giá trị bảo tồn cao, lập kế hoạch bảo tồn có hệ thống.)

⁹⁸ Như theo định nghĩa của danh sách đỏ của IUCN về các loài đang bị đe dọa. Việc xác định môi trường sống quan trọng dựa vào một số yếu tố khác như sau: (i) nếu loài được quốc gia hay vùng liệt vào danh sách các loài đang bị đe dọa hay đe dọa nghiêm trọng, ở những nước tuân thủ hướng dẫn của IUCN, việc xác định môi trường sống quan trọng sẽ tùy theo từng dự án có sự tư vấn của chuyên gia có năng lực; và (ii) ở những nước hay khu vực mà danh sách các loài đang bị đe dọa hay đe dọa nghiêm trọng không tương ứng với danh sách của IUCN (ví dụ một số nước chỉ phân loại “cần được bảo vệ” và “hạn chế”) thì cần thực hiện đánh giá để xác định lý do và mục đích của phân loại này. Trong trường hợp đó, việc xác định môi trường sống quan trọng sẽ dựa vào đánh giá đó.

- Dự án không đem lại những tác động tiêu cực có thể đo đạc được đến các giá trị đa dạng sinh học của môi trường sống quan trọng và đến các quá trình sinh thái hỗ trợ các giá trị đa dạng sinh học này⁹⁹;
 - Dự án không dẫn đến tổn thất tịnh về dân số¹⁰⁰ toàn cầu, và/hoặc quốc gia/vùng của các loài bị đe dọa hoặc có nguy cơ tuyệt chủng trong một khoảng thời gian nhất định hợp lý¹⁰¹;
 - Một chương trình theo dõi và đánh giá toàn diện và lâu dài về đa dạng sinh học, được thiết kế hợp lý đã được lồng ghép vào chương trình quản lý của khách hàng.
18. Trong những trường hợp khách hàng có thể đáp ứng những yêu cầu ở khoản 17, chiến lược khắc phục của dự án sẽ được mô tả trong Kế hoạch hành động đa dạng sinh học và sẽ được thiết kế để đạt được lợi ích tịnh¹⁰² về các giá trị đa dạng sinh học của môi trường sống quan trọng.
19. Trong những trường hợp các biện pháp bù đắp được đưa vào chiến lược khắc phục, khách hàng cần thể hiện được thông qua đánh giá những tác động còn lại của dự án đến đa dạng sinh học sẽ được khắc phục hợp lý và phù hợp với yêu cầu của khoản 17.

Các khu vực được luật pháp bảo vệ

20. Trong trường hợp một dự án được đề xuất nằm trong một khu vực được bảo vệ về mặt pháp lý¹⁰³, hay khu vực được quốc tế công nhận¹⁰⁴, khách hàng cần đáp ứng các yêu cầu ở khoản từ 13 đến 19 của Tiêu chuẩn hoạt động này khi phù hợp. Ngoài ra khách hàng cần đáp ứng các yêu cầu sau đây:
- Thể hiện rõ là việc đề xuất phát triển dự án ở những khu vực này đã được pháp luật cho phép;
 - Hành động một cách phù hợp với kế hoạch quản lý của chính phủ đối với khu vực được bảo vệ;
 - Tham vấn các nhà tài trợ và quản lý khu bảo tồn, các cộng đồng địa phương, và các bên liên quan quan trọng khác về dự án đề xuất;
 - Triển khai thực hiện các chương trình bổ sung, nếu thích hợp, để thúc đẩy và tăng cường mục tiêu bảo tồn của khu vực được bảo vệ¹⁰⁵.

Các loài ngoại lai xâm lấn

21. Việc cố ý hoặc vô tình đưa các loài thực vật và động vật ngoại lai hoặc phi bản địa vào các khu vực nơi mà không thường thấy có thể là một mối đe dọa lớn đối với đa dạng sinh học, vì một số các loài ngoại lai có thể trở thành xâm lấn, lan rộng nhanh chóng và cạnh tranh áp đảo với các loài bản địa.
22. Các khách hàng sẽ không cố ý đưa bất kỳ sinh vật ngoại lai mới nào (không hiện hữu ở quốc gia hoặc khu vực của dự án) trừ khi điều này được thực hiện phù hợp với khuôn khổ pháp lý

⁹⁹ Giá trị đa dạng sinh học và các quy trình sinh thái hỗ trợ chúng được xác định theo phạm vi liên quan.

¹⁰⁰ Tổn thất tịnh là tổn thất một hay một số cá thể có tác động lên khả năng tồn tại của loài trên phạm vi toàn cầu, và/hoặc vùng/quốc gia cho nhiều thế hệ trong một khoảng thời gian dài nhất định. Mức độ của tổn thất (toàn cầu, và/hoặc vùng/quốc gia) được quyết định dựa trên sự phân loại của loài trong sách đỏ của IUCN (toàn cầu) và/hoặc các danh sách của vùng/quốc gia. Đối với những loài được liệt kê trong sách đỏ của IUCN và danh sách của vùng/quốc gia, tổn thất tịnh sẽ dựa vào dân số của quốc gia/vùng.

¹⁰¹ Khung thời gian mà khách hàng cần chứng minh không làm giảm "tịnh" các loài sinh vật bị đe dọa hoặc có nguy cơ tuyệt chủng được xác định theo từng trường hợp cụ thể với sự tư vấn của chuyên gia độc lập.

¹⁰² Lợi ích "tịnh" là những thành quả bảo tồn có được cho các giá trị đa dạng sinh học của môi trường sống quan trọng. Lợi ích tịnh thường đạt được nhờ vào các biện pháp bù đắp đa dạng sinh học và/hoặc chẳng hạn khi khách hàng đáp ứng các yêu cầu ở khoản 17 của Tiêu chuẩn hoạt động này mà không cần các biện pháp bù đắp đa dạng sinh học, khách hàng nên đạt được lợi ích tịnh nhờ việc triển khai chương trình tại chỗ để cải thiện môi trường sống và bảo tồn đa dạng sinh học.

¹⁰³ Tiêu chuẩn hoạt động này thừa nhận các khu vực được pháp luật bảo hộ theo định nghĩa của IUCN: "là một không gian địa lý phân định rõ ràng, được thừa nhận, quản lý thông qua các biện pháp pháp lý hoặc biện pháp khác, để đạt được sự bảo tồn thiên nhiên lâu dài với các dịch vụ của hệ sinh thái và giá trị văn hóa đi kèm." Trong khuôn khổ của Tiêu chuẩn hoạt động này, khu vực này bao gồm cả những khu vực do chính phủ đề xuất để thực hiện nhiệm vụ trên.

¹⁰⁴ Được định nghĩa là các khu di sản thiên nhiên của thế giới được UNESCO công nhận, khu bảo tồn sinh quyển và con người được UNESCO công nhận, các khu đa dạng sinh học chủ chốt, và các khu đầm lầy được quy định trong Công ước về Đầm lầy có tầm quan trọng đối với quốc tế (Công ước Ramsar).

¹⁰⁵ Thực hiện thêm một số chương trình có thể không cần thiết đối với những dự án không để lại dấu vết mới.

hiện có. Ngay cả như vậy, khách hàng sẽ không cố tình đưa bất kỳ sinh vật ngoại lai có nguy cơ xâm lấn cao trừ khi điều này được thực hiện phù hợp với khuôn khổ pháp lý hiện có. Việc đưa các loài sinh vật ngoại lai vào cần được đánh giá rủi ro cẩn thận (trong quá trình đánh giá rủi ro và tác động môi trường và xã hội của khách hàng) để quyết định tiềm năng của hành vi xâm lấn. Khách hàng sẽ áp dụng các biện pháp để tránh khả năng đưa vào một cách tình cờ hoặc không lường trước các loài sinh vật ngoại lai kể cả việc vận chuyển các loại đất và sinh vật (như đất trồng, đá balat và các nguyên liệu thực vật) có thể có các sinh vật ngoại lai ẩn náu.

23. Khi sinh vật ngoại lai đã có sẵn trong quốc gia hoặc vùng mà có dự án đề xuất, khách hàng sẽ thực hiện biện pháp thận trọng để không làm chúng lan rộng ra các khu vực chưa có. Khách hàng sẽ sử dụng các biện pháp thanh trùng các sinh vật này trong môi trường sống tự nhiên mà họ có quyền kiểm soát.

Quản lý dịch vụ hệ sinh thái

24. Khi dự án có khả năng có tác động tiêu cực đến dịch vụ hệ sinh thái, như đã được xác định trong quá trình đánh giá rủi ro và tác động, khách hàng sẽ thực hiện rà soát có hệ thống để xác định các dịch vụ hệ sinh thái ưu tiên. Dịch vụ hệ sinh thái ưu tiên chia làm hai loại: (i) những dịch vụ mà hoạt động của dự án có khả năng có tác động nhất và do đó sẽ dẫn đến những tác động tiêu cực đến cộng đồng bị ảnh hưởng; và/hoặc (ii) những dịch vụ mà dự án phải dựa vào để hoạt động (như nước). Khi cộng đồng bị ảnh hưởng có khả năng bị tác động, họ phải tham gia vào quá trình quyết định đâu là những dịch vụ sinh thái cần được ưu tiên phù hợp với quy trình lấy ý kiến các bên liên quan trong Tiêu chuẩn hoạt động 1.
25. Đối với những tác động lên các dịch vụ hệ sinh thái được coi là ưu tiên đối với cộng đồng bị ảnh hưởng và khi khách hàng có quyền kiểm soát trực tiếp hoặc ảnh hưởng quan trọng đến các dịch vụ đó, cần tránh những tác động này. Nếu không thể tránh được, khách hàng cần giảm thiểu tác động và thực hiện các biện pháp khắc phục nhằm duy trì giá trị và tính năng của các dịch vụ ưu tiên đó. Đối với những tác động lên các dịch vụ hệ sinh thái mà dự án cần cho hoạt động của mình, khách hàng cần giảm thiểu tác động đến các dịch vụ này và thực hiện các biện pháp tăng tính hiệu quả trong sử dụng nguồn tài nguyên đó, như đã được mô tả trong Tiêu chuẩn hoạt động 3. Các điều khoản khác của dịch vụ hệ sinh thái được đề cập trong Tiêu chuẩn hoạt động 4, 5, 7 và 8¹⁰⁶.

Quản lý bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên

26. Khách hàng tham gia vào sản xuất cơ bản từ các nguồn tài nguyên thiên nhiên như khai thác rừng tự nhiên hoặc phát triển rừng trồng, nông nghiệp, chăn nuôi, đánh bắt thủy hải sản sẽ cần tuân thủ các yêu cầu của khoản 26-30, bên cạnh các yêu cầu khác của Tiêu chuẩn hoạt động này. Khi phù hợp, khách hàng sẽ xác định vị trí các dự án trồng rừng trên đất trọc hoặc đất đã được chuyển đổi. Khách hàng tham gia vào các ngành này cần quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên theo cách thích hợp thông qua việc áp dụng các thông lệ quản lý tốt và các công nghệ sẵn có. Nếu các thông lệ sản xuất cơ bản này được quy định thành tiêu chuẩn cấp toàn cầu, vùng, quốc gia, khách hàng cần thực hiện các thông lệ quản lý bền vững theo một trong số các tiêu chuẩn liên quan và có uy tín và phải được chứng nhận độc lập cho quá trình này.
27. Những tiêu chuẩn toàn cầu, vùng, quốc gia về quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên là những tiêu chuẩn (i) khách quan và có thể đạt được; (ii) dựa trên quá trình tham vấn nhiều

¹⁰⁶ Tham khảo thêm về dịch vụ hệ sinh thái tại Tiêu chuẩn hoạt động 4, khoản 8 và Tiêu chuẩn hoạt động 5 khoản 5 và khoản 25-29; Tiêu chuẩn hoạt động 7, khoản 13-17 và 20; và Tiêu chuẩn hoạt động 8 khoản 11

bên liên quan; (iii) khuyến khích việc cải thiện liên tục và từng bước; và (iv) cung cấp chứng nhận độc lập bởi cơ quan có thẩm quyền chứng nhận đối với những tiêu chuẩn đó¹⁰⁷.

28. Khi có các tiêu chuẩn liên quan và có uy tín, nhưng khách hàng chưa được chứng nhận việc áp dụng các tiêu chuẩn này, khách hàng cần thực hiện tiền đánh giá về sự tuân thủ của mình đối với các tiêu chuẩn đó và thực hiện các biện pháp để đạt được chứng nhận độc lập trong một khoảng thời gian thích hợp.
29. Nếu chưa có các tiêu chuẩn liên quan và có uy tín toàn cầu, vùng, quốc gia đối với một loại tài nguyên thiên nhiên cụ thể, khách hàng sẽ:
- Cam kết áp dụng nguyên tắc hoạt động ngành quốc tế tốt, các thông lệ quản lý và công nghệ quốc tế tốt;
 - Tham gia và hỗ trợ tích cực cho quá trình xây dựng một tiêu chuẩn quốc gia, khi phù hợp, kể cả những nghiên cứu có thể góp phần tạo nên hoặc chứng minh các thông lệ bền vững.

Chuỗi cung ứng

30. Khi khách hàng đang mua các sản phẩm cơ bản (nhất là và không loại trừ thức ăn và các hàng hóa từ sợi) được sản xuất trong vùng có nguy cơ chuyển đổi môi trường sống tự nhiên và/hoặc môi trường sống quan trọng, cần phải có hệ thống và quy trình thẩm tra đánh giá nhà cung cấp trong hệ thống quản lý môi trường và xã hội của khách hàng¹⁰⁸. Hệ thống và quy trình này sẽ: (i) xác định nguồn cung từ đâu và loại môi trường sống của vùng này; (ii) cung cấp rà soát thường xuyên về các chuỗi cung ứng cơ bản của khách hàng; (iii) chỉ giới hạn mua từ các nhà nhà cung cấp có thể chứng minh họ không góp phần làm chuyển đổi đáng kể môi trường sống tự nhiên và/hoặc môi trường sống quan trọng (có thể chứng minh bằng việc cung cấp những sản phẩm được chứng nhận hay tiến trình để được chứng nhận bởi một tổ chức uy tín cho một số hàng hóa cụ thể và/hoặc khu vực cụ thể); và (iv) khi phù hợp, yêu cầu thực hiện các hành động để chuyển dần chuỗi cung ứng cơ bản của khách hàng sang những nhà cung cấp có thể chứng minh họ không gây ảnh hưởng tiêu cực gì đến các khu vực này. Khả năng của khách hàng để xử lý các rủi ro này phụ thuộc vào mức độ kiểm soát hay mức ảnh hưởng của khách hàng đến nhà cung cấp cơ bản.

¹⁰⁷ Một hệ thống chứng nhận thích hợp sẽ là một hệ thống độc lập, hiệu quả về chi phí, dựa trên mục tiêu và tiêu chuẩn hiệu suất có thể đo lường và được phát triển thông qua tham vấn với các bên có liên quan, chẳng hạn như người dân và cộng đồng địa phương, người dân bản địa, tổ chức xã hội dân sự đại diện cho người tiêu dùng, nhà sản xuất, và các lợi ích bảo tồn. Một hệ thống như vậy có các thủ tục công bằng, minh bạch, quy trình ra quyết định độc lập tránh xung đột lợi ích.

¹⁰⁸ Nhà cung cấp cơ bản là những nhà cung cấp thường xuyên các sản phẩm từ tài nguyên thiên nhiên, hàng hóa và nguyên liệu cần thiết cho quá trình vận hành của dự án.

TIÊU CHUẨN HOẠT ĐỘNG 7 NGƯỜI THIỂU SỐ BẢN ĐỊA

YÊU CẦU

1. Tiêu chuẩn Hoạt động 7 nhận ra rằng người dân thiểu số bản địa, với tư cách là nhóm xã hội với bản sắc khác biệt với các nhóm chiếm ưu thế trong một quốc gia, thường nằm trong số các nhóm bị thiệt thòi và yếu thế. Trong nhiều trường hợp, tình trạng kinh tế, xã hội và pháp lý của họ thường giới hạn khả năng của họ trong việc bảo vệ quyền lợi của họ, và quyền tiếp cận đất đai và tài nguyên thiên nhiên và văn hóa, và có thể hạn chế khả năng của họ tham gia vào và hưởng lợi từ sự phát triển. Họ đặc biệt yếu thế nếu đất đai và tài nguyên của họ bị cải tạo, xâm phạm từ bên ngoài, hoặc bị suy thoái đáng kể. Ngôn ngữ, văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng tâm linh của họ, và các tổ chức cũng có thể bị đe dọa. Những đặc điểm này khiến người dân bản địa yếu thế trước các loại rủi ro khác nhau và mức độ nghiêm trọng của tác động, bao gồm cả việc mất đi bản sắc, văn hóa, sinh kế dựa vào tài nguyên thiên nhiên, cũng như nguy cơ bản địa hóa và bệnh tật.
2. Các dự án khu vực tư nhân có thể tạo ra cơ hội cho người dân tộc thiểu số tham gia vào và hưởng lợi từ các hoạt động liên quan đến dự án có thể giúp họ thực hiện nguyện vọng của họ trong phát triển kinh tế và xã hội. Ngoài ra, người dân tộc thiểu số có thể đóng một vai trò trong phát triển bền vững bằng cách thúc đẩy và quản lý các hoạt động và doanh nghiệp với tư cách là các đối tác trong phát triển. Chính phủ thường đóng vai trò trung tâm trong quản lý các vấn đề của người dân thiểu số bản địa, và khách hàng nên phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền để quản lý rủi ro và tác động của các hoạt động này¹⁰⁹.

MỤC TIÊU

- Để đảm bảo rằng quá trình phát triển thúc đẩy tôn trọng đầy đủ nhân phẩm, nhân quyền, nguyện vọng, văn hóa và sinh kế dựa vào tài nguyên thiên nhiên của người dân tộc thiểu số;
- Để dự báo và tránh những tác động tiêu cực của dự án lên cộng đồng của người dân tộc thiểu số, hoặc khi không thể tránh được thì giảm thiểu, và/hoặc bồi thường cho các tác động đó.
- Để thúc đẩy các lợi ích và cơ hội phát triển bền vững cho người dân tộc thiểu số một cách thích hợp về văn hóa.
- Để thiết lập và duy trì một mối quan hệ thường xuyên thông qua quá trình tham vấn toàn diện (ICP) với những người dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng bởi dự án trong suốt thời gian hoạt động của dự án.
- Để đảm bảo những người dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng hiểu rõ và không bị ép buộc (gọi là FPIC - Free, Prior and Informed Consent) khi xảy ra các tình huống được mô tả trong Tiêu chuẩn hoạt động này.
- Để tôn trọng và bảo tồn văn hóa, kiến thức và sinh hoạt thực tiễn của người dân tộc thiểu số.

PHẠM VI ÁP DỤNG

3. Việc áp dụng Tiêu chuẩn hoạt động này được quy định trong quá trình đánh giá rủi ro và tác động môi trường và xã hội. Việc thực hiện các hành động cần thiết để đáp ứng các yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động này do Hệ thống Quản lý Môi trường và Xã hội của khách hàng quản lý. Các yêu cầu hệ thống quản lý và đánh giá được đề cập tại Tiêu chuẩn hoạt động 1.
4. Không có một định nghĩa chung nào trên toàn cầu cho khái niệm “Người thiểu số bản địa” Người dân tộc thiểu số có thể được hiểu ở các nước khác nhau bằng các thuật ngữ như “dân

¹⁰⁹ Ngoài việc đáp ứng các yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động này, khách hàng cần tuân thủ các quy định của pháp luật quốc gia liên quan kể cả những luật thực thi các nghĩa vụ của nước sở tại theo pháp luật quốc tế.

tộc thiểu số bản địa,” “thổ dân”, “bộ lạc”, “dân tộc thiểu số”, “các bộ lạc thổ địa”, “quốc gia đầu tiên,” hoặc “nhóm bộ tộc.”

5. Trong Tiêu chuẩn Hoạt động này, “người dân tộc thiểu số” được sử dụng trong một ý nghĩa chung để chỉ một nhóm xã hội và văn hóa khác biệt có các đặc điểm sau ở các mức độ khác nhau:
 - Tự xác định là thành viên của một nhóm văn hóa bản địa khác biệt và được những người khác công nhận danh tính này;
 - Gắn bó tập thể với vùng địa lý riêng biệt hoặc vùng lãnh thổ của tổ tiên trong khu vực dự án và các nguồn tài nguyên thiên nhiên trong các môi trường sống và vùng lãnh thổ này;
 - Các tổ chức văn hóa, kinh tế, xã hội, hoặc chính trị tách biệt khỏi các nhóm chiếm ưu thế về xã hội hoặc văn hóa;
 - Một ngôn ngữ bản địa hay phương ngữ, thường là khác ngôn ngữ chính thức của quốc gia hay khu vực.
6. Tiêu chuẩn hoạt động này áp dụng cho các cộng đồng và nhóm dân tộc thiểu số bản địa duy trì sự gắn kết tập thể, chẳng hạn như gắn liền với bản sắc của một nhóm hay một cộng đồng, đến một môi trường sống hay lãnh thổ tổ tiên khác biệt và nguồn tài nguyên thiên nhiên ở đó. Tiêu chuẩn này cũng có thể áp dụng cho các cộng đồng và nhóm mà bị mất sự gắn kết tập thể đến một môi trường sống hay lãnh thổ tổ tiên khác biệt trong khu vực dự án, xảy ra trong vòng đời của các thành viên nhóm đó do sự cắt đứt bắt buộc, xung đột, các chương trình tái định cư của chính phủ, tước đoạt đất, thiên tai hoặc đô thị hóa.
7. Khách hàng nên lấy ý kiến của chuyên gia khi xem xét liệu một nhóm cụ thể nào đó có được coi là người dân tộc thiểu số theo mục đích của Tiêu chuẩn hoạt động này hay không.

CÁC YÊU CẦU

Yêu cầu chung

Tránh các tác động tiêu cực

8. Khách hàng sẽ xác định, thông qua một quá trình đánh giá môi trường và xã hội, tất cả các cộng đồng của người dân tộc thiểu số mà có thể bị ảnh hưởng bởi dự án, cũng như bản chất sự việc và mức độ của các tác động trực tiếp và gián tiếp dự kiến về xã hội, văn hoá (bao gồm cả di sản văn hóa)¹¹⁰ và môi trường đối với họ.
9. Các tác động tiêu cực đến cộng đồng dân tộc thiểu số bản địa bị ảnh hưởng cần phải tránh khi có thể. Khi các biện pháp thay thế đã được xem xét và khi các tác động tiêu cực là không thể tránh, khách hàng sẽ giảm thiểu, khôi phục hoặc bồi thường cho những tác động này một cách phù hợp với văn hóa của họ và tương xứng với bản chất và quy mô của các tác động cũng như mức độ yếu thế của nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng. Hành động theo đề xuất của khách hàng sẽ được thực hiện với sự tham gia với nhận thức cao của người dân bản địa bị ảnh hưởng quá trình tham vấn toàn diện (ICP) trong đó có một kế hoạch cụ thể về thời gian, kiểu như một Kế hoạch Phát triển Người dân Bản địa, hoặc một kế hoạch phát triển cộng đồng rộng hơn với các cấu phần riêng cho người dân bản địa¹¹¹.

Sự tham gia và đồng thuận

10. Các khách hàng sẽ thiết lập một mối quan hệ thường xuyên với các cộng đồng người dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng theo yêu cầu Tiêu chuẩn hoạt động 1. Quá trình này gồm các khâu như: phân tích các đối tượng có liên quan và lập kế hoạch thiết lập quan hệ, công bố thông tin, tham vấn và có sự tham gia theo cách thức phù hợp về mặt văn hóa. Ngoài ra quá trình này sẽ:

¹¹⁰ Các yêu cầu thêm về bảo vệ di sản văn hóa được đề cập trong Tiêu chuẩn hoạt động 8

¹¹¹ Việc xác định kế hoạch thích hợp sẽ cần phải tham khảo ý kiến của chuyên gia có năng lực chuyên môn. Một kế hoạch phát triển cộng đồng có thể thích hợp khi người dân tộc thiểu số là một bộ phận của các cộng đồng lớn hơn bị ảnh hưởng.

- Cần có các tổ chức đại diện cho người dân tộc thiểu số tham gia (như hội đồng trưởng lão hay hội đồng làng) cũng như các thành viên của cộng đồng những người dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng;
 - Dành một khoảng thời gian thích hợp cho quá trình ra quyết định của người dân tộc thiểu số¹¹².
11. Cộng đồng những người dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng có thể bị tổn thương hơn đối với những mất mát, phải rời bỏ hay bóc lột trên đất đai của họ và khả năng tiếp cận các nguồn tài nguyên thiên nhiên và văn hóa¹¹³. Để thừa nhận sự tổn thương này, bên cạnh những yêu cầu chung của Tiêu chuẩn hoạt động này, khách hàng nên có được FPIC (đồng thuận không bị ép buộc) của cộng đồng người dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng trong những trường hợp được đề cập ở khoản 13-17 của Tiêu chuẩn hoạt động này. FPIC cần áp dụng từ khâu thiết kế, triển khai dự án và những thành quả mong đợi liên quan đến tác động đến cộng đồng người dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng. Khi một trong những trường hợp này được áp dụng, khách hàng nên mời chuyên gia độc lập hỗ trợ quá trình đánh giá các rủi ro và tác động của dự án.
12. Không có định nghĩa chuẩn toàn cầu nào đối với FPIC. Trong khuôn khổ Tiêu chuẩn hoạt động 1, 7 và 8, FPIC được định nghĩa như sau. FPIC xây dựng trên và mở rộng quy trình ICP được mô tả trong Tiêu chuẩn hoạt động 1 và được thiết lập qua đàm phán có thiện chí giữa khách hàng và cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng. Khách hàng cần lưu: (i) quá trình đồng thuận giữa khách hàng và cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng, và (ii) bằng chứng về thỏa thuận giữa các bên về kết quả của đàm phán. FPIC không nhất thiết phải có sự thống nhất hoàn toàn và có thể đạt được ngay cả khi các cá nhân hay các nhóm trong cộng đồng có ý kiến khác nhau.

Những trường hợp cần có FPIC

Các tác động lên vùng đất truyền thống hoặc có tính phong tục đang được sử dụng

13. Người dân tộc thiểu số thường gắn chặt với vùng đất và các nguồn tài nguyên thiên nhiên của họ trên những vùng đất này¹¹⁴. Thông thường, những vùng đất này được sở hữu theo truyền thống hoặc theo phong tục¹¹⁵. Trong khi các dân tộc thiểu số có thể không có quyền sở hữu hợp pháp theo quy định của pháp luật quốc gia đối với những mảnh đất đó, việc sử dụng những vùng đất này, bao gồm cả sử dụng theo mùa vụ hoặc theo chu kỳ, của cộng đồng người dân tộc thiểu số cho cuộc sống của họ, hoặc các mục đích văn hóa, nghi lễ, hoặc tinh thần mà đã tạo nên danh tính và cộng đồng của riêng họ, có thể thường được chứng minh và lưu trữ tài liệu.
14. Nếu khách hàng đề xuất xây dựng một dự án tại, hoặc phát triển các nguồn tài nguyên thiên nhiên theo hướng trên vùng đất đang thuộc sở hữu truyền thống của dân tộc thiểu số hay đang được họ sử dụng và có thể sẽ có những tác động tiêu cực¹¹⁶, khách hàng cần thực hiện những bước sau:
- Lưu tài liệu những nỗ lực của mình để tránh hoặc ít nhất là giảm thiểu diện tích vùng đất quy hoạch cho dự án;
 - Lưu tài liệu những nỗ lực của mình để tránh hoặc ít nhất là giảm thiểu tác động lên tài nguyên thiên nhiên và các vùng tự nhiên có ý nghĩa quan trọng¹¹⁷ đối với dân tộc thiểu số bản địa;

¹¹² Quá trình ra quyết định nội bộ nói chung nhưng không phải luôn luôn mang tính tập thể. Có thể có sự không đồng tình và quyết định có thể còn có những thắc mắc bởi một số cá nhân trong cộng đồng. Quá trình tham vấn cần tính đến yếu tố này và cho phép đủ thời gian để quá trình ra quyết định nội bộ có được kết luận cuối cùng có tính hợp pháp đối với những thành viên tham gia.

¹¹³ Nguồn tài nguyên thiên nhiên và khu vực tự nhiên có giá trị văn hóa được nhắc đến trong Tiêu chuẩn hoạt động này tương đương với những dịch vụ cung cấp và văn hóa của hệ sinh thái được mô tả trong Tiêu chuẩn hoạt động 6.

¹¹⁴ Ví dụ như các nguồn tài nguyên dưới nước và ở biển, gỗ và các sản phẩm lâm nghiệp phi gỗ khác, cây làm thuốc, các khu săn bắn và tập trung, khu chăn thả và trồng trọt. Tài sản nguồn tài nguyên thiên nhiên được nhắc đến trong Tiêu chuẩn hoạt động này tương đương với các dịch vụ cung cấp và văn hóa của hệ sinh thái được mô tả trong Tiêu chuẩn hoạt động 6.

¹¹⁵ Việc thu mua đất và/hoặc thuê đất có quyền sở hữu hợp pháp được đề cập trong Tiêu chuẩn hoạt động 5: Thu hồi đất và tái định cư không tự nguyện.

¹¹⁶ Những tác động bất lợi như vậy có thể bao gồm tác động từ mất khả năng tiếp cận vào tài sản hoặc các nguồn tài nguyên, hoặc hạn chế về sử dụng đất, do các hoạt động của dự án.

¹¹⁷ "Tài nguyên thiên nhiên và các vùng tự nhiên có ý nghĩa quan trọng được nhắc đến trong Tiêu chuẩn hoạt động này tương đương với những dịch vụ ưu tiên của hệ sinh thái trong Tiêu chuẩn hoạt động 6. Thuật ngữ này để chỉ những dịch vụ mà khách hàng có quyền kiểm soát trực tiếp

- Xác định và rà soát các lợi ích về tài sản và việc sử dụng truyền thống các nguồn tài nguyên trước khi mua hoặc thuê đất;
- Đánh giá và lưu tài liệu về việc sử dụng tài nguyên của cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng mà không làm tổn hại đến việc đòi bồi thường đất của họ¹¹⁸. Việc đánh giá việc sử dụng đất đai và các nguồn tài nguyên khác cần đảm bảo có sự tham gia của cả hai giới nam và nữ và nên đặc biệt xem xét vai trò của phụ nữ trong quản lý và sử dụng các nguồn tài nguyên này;
- Đảm bảo các cộng đồng người thiểu số bản địa bị ảnh hưởng sẽ được thông báo về quyền của họ đối với những vùng đất này theo quy định của pháp luật quốc gia, bao gồm bất kỳ luật pháp quốc gia công nhận quyền sở hữu hoặc sử dụng theo tập quán;
- Đảm bảo đền bù cho người dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng cùng với quyền hợp pháp khác trong trường hợp dự án phát triển đất và tài nguyên thiên nhiên cho mục đích thương mại cũng với những cơ hội phát triển bền vững phù hợp về mặt văn hóa, và gồm có:
 - o Cung cấp đền bù trên đất cũng như đền bù hiện vật thay cho tiền mặt khi phù hợp¹¹⁹;
 - o Bảo đảm việc được tiếp tục tiếp cận các nguồn tài nguyên thiên nhiên, xác định các nguồn thay thế tương đương, hoặc, là phương án cuối cùng, cung cấp đền bù và tìm ra các phương thức sinh kế khác nhau việc phát triển dự án dẫn đến việc mất quyền tiếp cận hay sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên độc lập khỏi việc thu hồi đất của dự án;
 - o Bảo đảm chia sẻ các quyền lợi từ việc sử dụng nguồn tài nguyên của dự án một cách công bằng và cân xứng nếu khách hàng định sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên đang là trung tâm của sinh kế và bản sắc của cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng và việc sử dụng này đang làm rủi ro về sinh kế trầm trọng hơn;
 - o Cung cấp cho cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng quyền tiếp cận, sử dụng và đi lại trên mảnh đất dự án đang phát triển phụ thuộc vào các vấn đề quan trọng hơn như an ninh, an toàn và sức khỏe.

Tái định cư những người dân tộc thiểu số ra khỏi những vùng đất truyền thống hoặc phong tục của họ.

15. Khách hàng sẽ xem xét các thiết kế dự án khả thi để tránh di dời dân tộc thiểu số bản địa khỏi những vùng đất và nguồn tài nguyên thuộc sở hữu chung¹²⁰ theo truyền thống hoặc cộng đồng đã và đang sử dụng theo phong tục. Nếu việc di dời như vậy là không thể tránh được, khách hàng sẽ không tiến hành dự án, trừ khi có đàm phán thiện chí FPIC với các cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng được đề cập ở trên. Bất kỳ việc di dời nào đối với người dân tộc thiểu số sẽ phải đáp ứng các yêu cầu của Tiêu chuẩn Hoạt động 5. Nếu khả thi, người dân tộc thiểu số được di dời sẽ có thể quay trở lại vùng đất truyền thống hoặc phong tục của họ, một khi lý do chuyển địa điểm của họ không còn nữa.

Tài nguyên văn hóa

hay có mức độ ảnh hưởng quan trọng, và những dịch vụ rất nhiều khả năng trở thành nguồn rủi ro chính của các tác động đến cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng.

¹¹⁸ Trong khi Tiêu chuẩn Hoạt động này đòi hỏi bằng chứng và tài liệu của việc sử dụng đất, các khách hàng cũng nên ý thức được rằng đất có thể đã được sử dụng cho các mục đích khác, theo chỉ định của chính phủ sở tại.

¹¹⁹ Trong trường hợp khách hàng không thể đền bù bằng một mảnh đất tương đương, khách hàng cần giải thích và đưa ra bằng chứng cho việc này. Trong những trường hợp này khách hàng sẽ cung cấp cơ hội tạo thu nhập không dựa trên đất đai bằng hoặc hơn mức đền bù bằng tiền cho cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng.

¹²⁰ Điển hình là quyền được đền bù và tiếp cận, sử dụng đất và các nguồn tài nguyên theo phong tục và truyền thống, phần lớn sẽ tạo thành quyền sở hữu tài sản chung. Những đền bù truyền thống cho đất và nguồn tài nguyên có thể không được công nhận trong pháp luật quốc gia. Trong trường hợp các thành viên của cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng có quyền hợp pháp cá nhân hay pháp luật quốc gia công nhận quyền của các cá nhân này theo phong tục thì những yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động 5 cần được áp dụng hơn là các yêu cầu trong khoản 17 của Tiêu chuẩn hoạt động này.

16. Trường hợp dự án có khả năng có tác động lớn đến các di sản văn hóa quan trọng¹²¹ đối với bản sắc và/hoặc các phương diện văn hóa, lễ nghi và tinh thần của đời sống dân tộc thiểu số, cần ưu tiên để tránh những tác động này. Khi các tác động của dự án lên các di sản văn hóa quan trọng là không thể tránh được, khách hàng cần có đàm phán thiện chí FPIC với cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng.
17. Trường hợp dự án đề xuất sử dụng các nguồn tài nguyên văn hóa, kiến thức, sáng kiến, hay thông lệ của các cộng đồng địa phương cho mục đích thương mại, khách hàng sẽ thông báo cho các cộng đồng này: (i) các quyền của mình theo quy định của pháp luật quốc gia, (ii) phạm vi và tính chất của sự khai thác thương mại dự kiến, và (iii) các hậu quả tiềm năng của việc phát triển như vậy; và (iv) đàm phán có thiện chí FPIC. Khách hàng cũng cần đảm bảo chia sẻ công bằng và tương xứng những lợi ích có được từ thương mại hóa các kiến thức, sáng kiến, hay thông lệ đó phù hợp với phong tục và tập quán của dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng.

Biện pháp giảm nhẹ và lợi ích phát triển

18. Khách hàng và cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng cần xác định các biện pháp giảm nhẹ phù hợp với hệ thống phân cấp được mô tả trong Tiêu chuẩn hoạt động 1 cũng như những cơ hội về lợi ích phát triển bền vững và phù hợp với văn hóa của họ. Khách hàng sẽ đảm bảo thực hiện các biện pháp đã thỏa thuận đúng lúc và hợp lý đến cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng.
19. Việc xác định, thực hiện và phân phát đền bù và các biện pháp chia sẻ lợi ích khác đến cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng cần tính đến pháp luật, thể chế và phong tục của các cộng đồng này cũng như mức độ tương tác của họ với xã hội nói chung. Việc xác định tình trạng đủ tư cách để được nhận đền bù có thể theo cá nhân hoặc tập thể hoặc kết hợp cả hai¹²². Nếu đền bù thực hiện theo tập thể, cần thiết kế và triển khai cơ chế xúc tiến việc thực hiện và phân phát đền bù cho tất cả thành viên đủ tư cách của nhóm đó.
20. Các yếu tố khác như, nhưng không giới hạn ở, bản chất của dự án, hoàn cảnh của dự án, mức độ yếu thế của cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng sẽ quyết định mức độ lợi ích mà cộng đồng này được hưởng từ dự án. Các cơ hội được xây dựng cần nhằm vào mục đích đạt được những mục tiêu và đáp ứng những lựa chọn của dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng kể cả việc cải thiện mức sống và phương thức sinh kế một cách phù hợp với văn hóa và nuôi dưỡng sự bền vững lâu dài của nguồn tài nguyên họ đang phụ thuộc vào.

Trách nhiệm của khối tư nhân trong trường hợp chính phủ chịu trách nhiệm quản lý các vấn đề của người dân tộc thiểu số

21. Khi chính phủ có vai trò trong quản lý các vấn đề của người dân tộc thiểu số liên quan đến dự án, khách hàng sẽ phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trong phạm vi khả thi và được phép của cơ quan này, để đạt được những kết quả phù hợp với mục tiêu của Tiêu chuẩn hoạt động này. Thêm vào đó, nếu năng lực của chính phủ có hạn, khách hàng có thể đóng vai trò tích cực hơn trong quá trình hoạch định, triển khai và giám sát các hoạt động trong phạm vi được phép.

Khách hàng sẽ xây dựng một kế hoạch, cùng với những tài liệu được chuẩn bị bởi cơ quan có thẩm quyền, để đáp ứng những yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động này. Khách hàng có thể cần đưa vào kế hoạch này: (i) kế hoạch, triển khai và lưu tài liệu quá trình ICP và sự tham gia của các bên liên quan cũng như FPIC nếu liên quan; (ii) mô tả quyền lợi của cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng do chính phủ quy định; (iii) các biện pháp đề xuất để làm cầu nối các quyền được hưởng và các yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động này; và (iv) trách nhiệm tài chính và thực thi của các cơ quan chính phủ và/hoặc khách hàng.

¹²¹ Bao gồm các khu vực tự nhiên có giá trị văn hóa và/hoặc tinh thần như khu rừng linh thiêng, khu nước hay kênh rạch linh thiêng, cây cối hay hòn đá linh thiêng. Khu vực tự nhiên với giá trị văn hóa tương đương với dịch vụ văn hóa được ưu tiên của hệ sinh thái đã được định nghĩa trong Tiêu chuẩn hoạt động 6.

¹²² Trong trường hợp kiểm soát nguồn lực, tài sản và quá trình ra quyết định đều mang tính tập thể, cần có nỗ lực đảm bảo khi thích hợp những lợi ích và đền bù cũng mang tính tập thể và có tính đến những khác biệt và nhu cầu của các thế hệ.

TIÊU CHUẨN HOẠT ĐỘNG 8

DI SẢN VĂN HÓA

GIỚI THIỆU

1. Tiêu chuẩn hoạt động 8 ghi nhận tầm quan trọng của di sản văn hóa đối với các thế hệ hôm nay và mai sau. Tuân theo Công ước về Bảo vệ Di sản Tự nhiên và Văn hóa Thế giới, Tiêu chuẩn Hoạt động 8 này có mục đích đảm bảo khách hàng có trách nhiệm bảo vệ các di sản văn hóa trong quá trình thực hiện dự án. Ngoài ra, các yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động này đối với việc sử dụng di sản văn hóa cho dự án còn dựa một phần vào các chuẩn mực của Công ước về Đa dạng Sinh học.

MỤC TIÊU

- Để bảo vệ di sản văn hóa trước các tác động tiêu cực của các hoạt động dự án và hỗ trợ việc bảo tồn di sản.
- Để xúc tiến việc phân chia công bằng các lợi ích thu được từ việc sử dụng di sản văn hóa cho kinh doanh.

PHẠM VI ÁP DỤNG

2. Việc áp dụng Tiêu chuẩn hoạt động này được quy định trong quá trình đánh giá rủi ro và tác động môi trường và xã hội. Việc thực hiện các hành động cần thiết để đáp ứng các yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động này do Hệ thống Quản lý Môi trường và Xã hội của khách hàng quản lý. Các yêu cầu hệ thống quản lý và đánh giá được đề cập tại Tiêu chuẩn hoạt động 1. Trong suốt vòng đời của dự án, khách hàng sẽ xem xét những tác động tiềm năng của dự án đến di sản văn hóa và áp dụng các điều khoản của Tiêu chuẩn hoạt động này.
3. Đối với Tiêu chuẩn Hoạt động này, di sản văn hóa hàm ý (i) các dạng vật thể của di sản văn hóa, ví dụ như vật thể cố định và lưu động, tài sản cố định, các địa điểm, các kết cấu hay nhóm kết cấu, có giá trị khảo cổ (tiền sử), cổ sinh vật học, lịch sử, văn hóa, nghệ thuật, và tôn giáo; (ii) các đặc tính môi trường tự nhiên riêng có mang giá trị văn hóa như rừng, đá, hồ và thác linh thiêng; và (iii) những dạng phi vật thể của văn hóa được đề xuất sử dụng cho mục đích thương mại như kiến thức văn hóa, sáng kiến và thông lệ của các cộng đồng có cách sống truyền thống.
4. Các yêu cầu đối với di sản văn hóa vật thể được đề cập tại khoản 6-16. Các yêu cầu đối với di sản văn hóa phi vật thể được đề cập tại khoản 16 (iii).
5. Yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động này được áp dụng cho các di sản văn hóa cho dù các di sản này đã và đang được pháp luật bảo vệ hay đã bị phá rối. Yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động này không áp dụng cho các di sản văn hóa của dân tộc thiểu số bản địa. Tiêu chuẩn hoạt động 7 sẽ đưa ra các yêu cầu đối với trường hợp này.

YÊU CẦU

Bảo vệ di sản văn hóa trong Thiết kế Dự án và Triển khai

6. Ngoài việc tuân thủ với luật pháp quốc gia về việc bảo vệ di sản văn hóa, bao gồm luật quốc gia về việc thực hiện các nghĩa vụ quốc gia theo Công ước về Bảo vệ Di sản Tự nhiên và Văn hóa Thế giới và các luật quốc tế liên quan khác, khách hàng sẽ bảo vệ và hỗ trợ di sản văn hóa bằng việc tuân thủ các tập quán được quốc tế thừa nhận để bảo vệ, nghiên cứu thực địa và làm tư liệu di sản văn hóa.
7. Khi quá trình đánh giá rủi ro và tác động quyết định là có thể tác động đến di sản văn hóa, khách hàng nên thuê chuyên gia có năng lực để hỗ trợ việc xác định và bảo vệ các di sản văn hóa đó. Việc di dời các di sản văn hóa không thể tái tạo phụ thuộc vào các yêu cầu thêm tại khoản 10 dưới đây. Trong trường hợp các di sản văn hóa quan trọng, cần áp dụng yêu cầu tại khoản 13-15.

Quy trình phát hiện một cách tình cờ

8. Khách hàng là người chịu trách nhiệm đối với xác định vị trí và thiết kế dự án để tránh tổn hại nặng nề cho di sản văn hóa. Quá trình đánh giá rủi ro và tác động môi trường và xã hội cần quyết định liệu địa điểm của dự án có nằm trong khu vực có thể có di sản văn hóa trong suốt quá trình xây dựng hay vận hành dự án. Trong những trường hợp này, trong hệ thống quản lý môi trường và xã hội của khách hàng, khách hàng cần xây dựng những điều khoản để quản lý những phát hiện tình cờ¹²³ thông qua quy trình phát hiện tình cờ¹²⁴ - được áp dụng khi một di sản văn hóa được phát hiện. Khách hàng sẽ không được tiếp tục tác động lên di sản đã phát hiện ra cho tới khi có đánh giá của chuyên gia và hoạch định được các hành động tuân thủ các yêu cầu của Tiêu chuẩn Hoạt động này.

Tham vấn

9. Khi một dự án có thể ảnh hưởng tới di sản văn hóa, khách hàng sẽ tham vấn các cộng đồng bị ảnh hưởng của nước chủ nhà, những ai còn nhớ được việc sử dụng hoặc đã sử dụng di sản văn hóa cho các mục đích văn hóa lâu dài. Khách hàng sẽ tham vấn cộng đồng bị ảnh hưởng để xác định tầm quan trọng của di sản văn hóa và để tích hợp các quan điểm này vào quá trình ra quyết định của khách hàng. Việc tham vấn cũng sẽ liên quan đến các cơ quan quản lý cấp địa phương hoặc trung ương có liên quan được giao nhiệm vụ bảo vệ di sản văn hóa.

Sự qua lại của cộng đồng

10. Khi địa điểm của dự án có di sản văn hóa hoặc dự án chặn đường không cho qua lại các khu vực có di sản văn hóa hoặc đã từng được sử dụng bởi cộng đồng bị ảnh hưởng cho các mục đích văn hóa lâu dài, khách hàng nên dựa vào quá trình tham vấn ở khoản 9 để cho phép qua lại đến khu văn hóa hoặc cung cấp một phương án đường đi khác mà có tính đến các yếu tố về sức khỏe, an toàn và an ninh.

Di dời Di sản Văn hóa có thể tái tạo

11. Nếu khách hàng gặp trường hợp di sản văn hóa vật thể¹²⁵ có thể tái tạo được và không đặc biệt quan trọng, khách hàng sẽ áp dụng các biện pháp khắc phục mà tốt nhất là tránh nếu khả thi. Nếu không thể tránh, khách hàng áp dụng một hệ phân cấp giảm nhẹ như sau:
- Giảm thiểu những tác động tiêu cực và thực thi các biện pháp phục hồi tại chỗ để đảm bảo duy trì giá trị và tính năng của di sản văn hóa, bao gồm cả duy trì và phục hồi bất kỳ quy trình nào của sinh thái¹²⁶ cần để hỗ trợ di sản văn hóa đó;
 - Khi không thể thực hiện phục hồi tại chỗ, cần thực hiện phục hồi tính năng của di sản văn hóa ở một địa điểm khác bao gồm cả duy trì và phục hồi bất kỳ quy trình nào của sinh thái cần để hỗ trợ di sản văn hóa đó.
 - Việc di dời lâu dài những đồ tạo tác và cấu trúc có ý nghĩa lịch sử và khảo cổ cần thực hiện theo nguyên tắc được đề cập trong khoản 6-7 ở trên;
 - Chỉ trong trường hợp không khả thi để giảm thiểu những tác động tiêu cực và phục hồi để duy trì giá trị và tính năng của các di sản văn hóa, và khi cộng đồng bị ảnh hưởng đang sử dụng các di sản văn hóa vật thể cho mục đích văn hóa lâu dài, mới thực hiện đền bù cho những tổn thất của di sản văn hóa.

Di dời Di sản Văn hóa không thể tái tạo

¹²³ Di sản văn hóa vật thể mà phát hiện được trong quá trình xây dựng hay vận hành dự án.

¹²⁴ Quy trình phát hiện tình cờ là một quy trình của một dự án cụ thể để đề ra những hành động cần thực hiện nếu phát hiện không lường trước một di sản văn hóa

¹²⁵ Di sản văn hóa có thể tái tạo được định nghĩa là các hình thái vật thể của di sản văn hóa mà có thể di dời đến một địa điểm khác hoặc có thể thay thế bằng một cấu trúc tương tự hay các đặc điểm tự nhiên mà các giá trị văn hóa có thể được chuyển sang bằng biện pháp thích hợp. Các địa điểm văn hóa và khảo cổ có thể được tái tạo nếu các kỹ nguyên và giá trị văn hóa chúng đại diện có thể được đại diện bởi các địa điểm và/hoặc cấu trúc khác.

¹²⁶ Phù hợp với yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động 6 liên quan đến dịch vụ hệ sinh thái và bảo tồn đa dạng sinh học

12. Hầu hết các di sản văn hóa được bảo vệ tốt nhất bằng cách bảo quản nguyên trạng, vì việc di dời có khả năng dẫn đến thiệt hại hoặc việc phá hủy không thể khắc phục các di sản văn hóa. Các khách hàng sẽ không di dời bất cứ di sản văn hóa không thể tái tạo¹²⁷, trừ khi các điều kiện sau đây được thỏa mãn:

- Không có lựa chọn thay thế khả thi về kỹ thuật hoặc tài chính nào khác ngoài việc di dời.
- Lợi ích tổng thể của dự án lớn hơn sự mất mát di sản văn hóa dự kiến khi phải di dời.
- Bất kỳ việc di dời di sản văn hóa nào cũng phải được thực hiện bằng kỹ thuật có sẵn tốt nhất.

Di sản văn hóa Quan trọng

13. Di sản văn hóa quan trọng bao gồm (i) di sản đã được quốc tế công nhận của các cộng đồng sử dụng hoặc đã sử dụng còn nhớ được di sản văn hóa cho các mục đích văn hóa lâu đời; và (ii) các khu vực di sản văn hóa được bảo vệ một cách hợp pháp, bao gồm cả những di sản văn hóa theo đề xuất của các chính phủ sở tại.

14. Các khách hàng sẽ không di dời, hay thay đổi đáng kể hay làm thiệt hại bất cứ di sản văn hóa quan trọng nào. Trong trường hợp đặc biệt, tác động của dự án đến một di sản văn hóa quan trọng là không thể tránh khỏi, khách hàng cần sử dụng quy trình tham vấn toàn diện ICP như đã được mô tả trong Tiêu chuẩn hoạt động 1 và cần tiến hành đàm phán thiện chí để có kết quả được ghi nhận đầy đủ. Khách hàng cũng nên mời chuyên gia tư vấn độc lập để hỗ trợ quá trình đánh giá và bảo vệ di sản văn hóa quan trọng liên quan.

15. Những khu vực di sản văn hóa được pháp luật công nhận¹²⁸ là quan trọng đối với việc bảo vệ và bảo tồn các di sản văn hóa và các biện pháp bổ sung có thể cần thiết đối với những dự án được phép thực hiện theo pháp luật quốc gia trên khu vực này. Trong trường hợp một dự án đề xuất được đặt trong khu vực được pháp luật bảo vệ hay vùng đệm được pháp luật quy định, khách hàng, bên cạnh những yêu cầu đối với di sản văn hóa quan trọng được quy định ở khoản 14 ở trên, cần thực hiện các yêu cầu sau:

- Tuân thủ các quy định di sản văn hóa quốc gia hoặc địa phương hoặc các kế hoạch quản lý khu vực được bảo vệ;
- Tham vấn các nhà tài trợ và các nhà quản lý của khu vực được bảo vệ, các cộng đồng địa phương và các bên liên quan quan trọng khác về dự án đề xuất;
- Thực hiện các chương trình bổ sung, nếu thích hợp, để thúc đẩy và tăng cường mục đích bảo tồn của khu vực được bảo vệ.

Việc sử dụng Di sản Văn hóa của Dự án

16. Trường hợp dự án đề xuất sử dụng các nguồn tài nguyên kiến thức, sáng kiến, hay thông lệ của các cộng đồng địa phương cho mục đích thương mại¹²⁹, khách hàng sẽ cần thông báo cho các cộng đồng này: (i) các quyền của mình theo quy định của pháp luật quốc gia, (ii) phạm vi và tính chất của sự phát triển thương mại dự kiến, và (iii) các hậu quả tiềm năng của việc phát triển như vậy. Các khách hàng sẽ không tiến hành thương mại hóa, trừ khi: (i) thực hiện một quy trình đàm phán toàn diện ICP như đã được mô tả trong Tiêu chuẩn hoạt động 1 và cần tiến hành đàm phán thiện chí để có kết quả được ghi nhận đầy đủ; và (ii) thực hiện chia sẻ công bằng và bình đẳng lợi ích từ việc thương mại hóa các kiến thức, đổi mới, hoặc sinh hoạt thực tiễn đó, phù hợp với phong tục và truyền thống của họ.

¹²⁷ Các di sản văn hóa không thể tái tạo có thể liên quan đến điều kiện xã hội, kinh tế, văn hóa, môi trường và khí hậu của các thế hệ trước, hệ sinh thái tiên hóa, chiến lược thích ứng, và các dạng quản lý môi trường ban đầu, khi (i) di sản văn hóa là duy nhất hay tương đối độc đáo cho thời kỳ chúng đại diện, hay (ii) di sản văn hóa là duy nhất hoặc tương đối độc đáo để kết nối các thời kỳ khác nhau của một địa điểm.

¹²⁸ Ví dụ như di sản văn hóa thế giới và các khu vực được quốc gia công nhận và bảo vệ.

¹²⁹ Ví dụ gồm có, nhưng không giới hạn, việc thương mại hóa các bài thuốc truyền thống hay các kỹ thuật truyền thống hoặc linh thiên để chế biến các loại thực vật, các loại sợi và các kim loại.

